LÊ THỊ MỸ TRINH

500 bài tập trắc nghiệm & tự luận Ngữ văn 8





Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội

LÊ THỊ MỸ TRINH

500 BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN

NGỮ VĂN

8

Biên soạn theo chương trình mới của Bộ Giáo dục

- **Lí luận về trắc nghiệm**
- **Bài tập trắc nghiệm và đáp án**
- **Câu hỏi tự luận và gợi ý trả lời**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: (04) 9715013; (04) 9724770; Fax: (04) 9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: NGUYỄN THÚY HẰNG

Trình bày bìa: Nhà sách Sao Mai.

500 bài tập trắc nghiệm và tự luận Ngữ văn 8

In 3000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Xí nghip in đường sắt.

Số 136/1A Trần Phú - Q5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Số xuất bản: 361 – 2007/CXB/ 17 – 59/ĐHQGHN, ngày 29/5/2007

Quyết định xuất bản số: 257 LK/XB

In xong nộp lưu chiểu quý III năm 2007.

LỜI NÓI ĐẦU

Quý phụ huynh và các em học sinh lớp 8 thân mến!

Trong những năm gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiến hành đổi mới giáo dục một cách toàn diện, trong đó việc đổi mới kiểm tra – đánh giá là một khâu vô cùng quan trọng. Bên cạnh phương pháp kiểm tra tự luận mang tính truyền thống, phương pháp kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan đã và đang được đưa vào áp dụng rộng rãi trong các trường học với các môn học khác nhau. Vì vậy, việc trang bị kiến thức và phương pháp tiến hành kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan cho quý phụ huynh và các em học sinh là một điều hết sức cần thiết và bổ ích nhằm nâng cao kết quả học tập của các em.

Để giúp các em học sinh lớp 8 có tài liệu tham khảo và thực hành phương pháp kiểm tra này với bộ môn Ngữ văn, chúng tôi đã biên soạn cuốn sách **"500 BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN NGỮ VĂN 8"**. Cuốn sách được biên soạn theo hình thức tổng hợp các kiến thức cơ bản của chương trình Ngữ văn lớp 8 (chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo) bằng cách đưa ra các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan để học sinh thực hành làm bài.

Cuốn sách gồm có hai phần chính:

Phần I giới thiệu về lí luận chung của hình thức trắc nghiệm khách quam để học sinh làm quen với phương pháp này.

Phần II giới thiệu các câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận trong chương trình văn học 8, bên cạnh đó là đáp án và gợi ý trả lời cho các câu hỏi.

Hi vọng cuốn sách sẽ góp phần mang lại kết quả học tập tốt nhất cho các em học sinh.

Tác giả

Phần I

NỘI DUNG TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN LỚP 8

I. Lý luận về trắc nghiệm khách quan

1. Các hình thức trắc nghiệm khách quan

So với hình thức trắc nghiệm tự luận, hình thức trắc nghiệm khách quan được xem là có rất nhiều ưu điểm. Ưu điểm lớn nhất là đề kiểm tra có thể bao quát được chương trình học, mở rộng phạm vi kiểm tra, tránh tình trạng học tủ của học sinh; đồng thời việc chấm bài không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của giáo viên và tiết kiệm thời gian chấm bài. Ưu điểm trên làm cho phương pháp trắc nghiệm khách quan ngày càng được áp dụng rộng rãi trong các kì thi và kiểm tra.

Bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan bao gồm nhiều câu hỏi. Mỗi câu hỏi có nhiều lựa chọn khác nhau, trong đó thí sinh phải lựa chọn một câu trả lời đúng hay câu trả lời tốt nhất trong số nhiều câu trả lời.

Đối với phương pháp trắc nghiệm khách quan, người ra đề thường sử dụng một số dạng câu hỏi như sau:

1.1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Đây là dạng câu hỏi thường được sử dụng nhất trong đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan. Thí sinh phải chọn một phương án trong số 3 – 5 phương án mà đề đưa ra. Câu trả lời đúng gọi là đáp án, các câu còn lại gọi là mồi nhử.

Cấu tạo của câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn gồm hai phần là phần gốc và phần lựa chọn. Khi làm bài, thí sinh cần đọc yêu cầu của phần gốc và tiến hành đánh dấu vào phần lựa chọn. Khi viết vào phần lựa chọn, thí sinh cần xem yêu cầu của đề bài là "*khoanh tròn*" hoặc "*đánh dấu chéo*" vào câu trả lời đúng. Thường thì đề trắc nghiệm nhiều lựa chọn yêu cầu hai hình thức này.

Dưới đây là ví dụ về một câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn:

Câu 1. Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất trong các câu dưới đây:

Bài thơ *Khi con tu hú* là của tác giả Tố Hữu.

Bài thơ *Khi con tu hú* là của tác giả Hồ Chí Minh.

Bài thơ *Khi con tu hú* là của tác giả Nguyễn Trãi.

Bài thơ *Khi con tu hú* là của tác giả Phan Châu Trinh.

Trong trường hợp này, thí sinh chỉ cần khoanh tròn vào chữ "A" trước câu đầu tiên.

Câu 2. Đánh dấu chéo (X) vào câu trả lời đúng nhất trong các câu sau.

☐ A. Bài thơ *Khi con tu hú* là của tác giả Tố Hữu.

☐ B. Bài thơ *Khi con tu hú* là của tác giả Hồ Chí Minh.

☐ C. Bài thơ *Khi con tu hú* là của tác giả Nguyễn Trãi.

☐ D. Bài thơ *Khi con tu hú* là của tác giả Phan Châu Trinh.

Trong trường hợp này thí sinh cần đánh dấu X vào ô vuông ngay trước câu trả lời thứ nhất.

1.2. Câu hỏi trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi

Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi là một dạng đặc biệt cải biến từ hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Học sinh phải chọn trong cùng một tập hợp các câu lựa chọn phù hợp nhất với với mỗi câu trắc nghiệm đã cho.

Một câu hỏi trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi có 3 phần. Phần chỉ dẫn trả lời, phần gốc và phần lựa chọn. Phần gốc thường nằm về phía bên trái của trang giấy, phần lựa chọn nằm về phía phải. Nhiệm vụ của học sinh, theo yêu cầu của phần chỉ dẫn, là phải nối liền các câu ở phần gốc và phần lựa chọn lại với nhau sao cho đúng nhất.

Ví dụ câu hỏi trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi:

Hãy nối các dữ kiện ở cột A *(tác giả)* tương ứng với phần B *(tác phẩm)* trong bảng dưới đây.

Tác giả	**Tác phẩm**
Hồ Chí Minh	Khi con tu hú
Tố Hữu	Ngắm trăng
Trần Tuấn Khải	Hịch tướng sĩ
Trần Quốc Tuấn	Hai chữ nước nhà

Trong trường hợp này, thí sinh cần dùng thước để nối liền các dữ kiện lại với nhau sao cho tên tác giả tương ứng với tác phẩm. Ví dụ, nối tác giả **Trần Quốc Tuấn** với tác phẩm **Hịch tướng sĩ**.

Cũng có trường hợp, trong một dãy các phương án lựa chọn chỉ có một phương án đúng với yêu cầu của đề bài. Đối với loại đề này, thí sinh chỉ cần lựa chọn một phương án sao cho đúng với yêu cầu của đề bài.

Ví dụ: Đánh số vào ô vuông của câu trả lời đúng nhất ứng với câu có chữ cái viết hoa.

Bình Ngô đại cáo	☐	1. Lý Công Uẩn
Đôn Ki-hô-tê	☐	2. Nguyễn Trãi

Tôi đi học ☐ 3. Xuân Quỳnh

Đập đá ở Côn Lôn ☐ 4. Hồ Chí Minh

Trong trường hợp này, thí sinh cần viết số "2" vào ô vuông sau từ "Bình Ngô đại cáo". Các trường hợp khác không đúng nên được bỏ trống.

1.3. Câu hỏi đúng sai

Đây là dạng câu hỏi mà trong mỗi câu chỉ có 2 phương án trả lời. Dạng câu hỏi này ít được sử dụng vì khả năng phân loại học sinh kém do độ may rủi cao. Cũng như dạng câu hỏi nhiều lựa chọn, câu hỏi đúng sai thường yêu cầu khoanh tròn hoặc đánh dấu chéo vào câu trả lời đúng nhất.

Ví dụ: Chọn câu trả lời đúng trong câu dưới đây:

Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" là của tác giả Huy Cận.

A. Đúng B. Sai

Trường hợp này, thí sinh chỉ khoanh tròn vào chữ "**B**".

Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" là của tác giả Huy Cận.

☐ Đúng ☐ Sai

Trường hợp này, thí sinh đánh dấu chéo (X) vào ô vuông trước chữ sai.

Câu hỏi điền khuyết (điền thế)

Là hình thức câu dẫn có để vài chỗ trống, thí sinh cần phải điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào để tạo nên câu hoàn chỉnh. Cũng có trường hợp đề bài yêu cầu phải liệt kê các sự việc trong một tác phẩm văn học nào đó.

Ví dụ 1: Truyện ngắn "Tắt đèn" là của tác giả ....

Trường hợp này, thí sinh phải điền tên tác giả Ngô Tất Tố vào chỗ trống.

Ví dụ 2: Điền vào chỗ trống tên của 03 nhân vật xuất hiện trong lớp kịch *"Trưởng giả học làm sang"* của Mô-li-e.

1. .... 2. .... 3. ....

Trường hợp này, thí sinh cần điền tên ba nhân vật là *bác phó may*, *ông Giuốc-danh* và *thợ phụ*.

2. Tiến hành kiểm tra trắc nghiệm khách quan

Phương pháp trắc nghiệm khách quan khi tiến hành thường phức tạp hơn so với phương pháp tự luận nên khi kiểm tra, giáo viên và học sinh cần chuẩn bị chu đáo và có thái độ nghiêm túc khi tiến hành kiểm tra.

2.1. Đối với giáo viên

Khâu đầu tiên là phải chuẩn bị tâm thế cho học sinh khi kiểm tra. Giáo viên cần thông báo cho học sinh biết trước lịch thi, nội dung thi để học sinh có

thời gian chuẩn bị. Điều này giúp cho học sinh chủ động hơn trong việc học tập và ôn bài.

Khâu tiếp theo là việc trình bày đề thi của giáo viên. Đây là khâu quan trọng nhất và quyết định nhất đến kết quả của việc kiểm tra. Nội dung để kiểm tra phải đảm bảo tính khoa học, tính bao quát và xoáy vào nội dung chính của chương trình. Từ ngữ trong đề phải rõ ràng và chính xác để học sinh dễ tiếp nhận.

Đề thi có thể được trình bày trên giấy, trên máy tính hoặc có thể viết trên bảng. Do đặc thù là môn Văn nên đề trắc nghiệm thường rất dài, do vậy, nên trình bày trên giấy sau đó photo cho mỗi học sinh một đề là tốt nhất.

Để tránh trường hợp học sinh nhắc bài cho nhau, trong mỗi lần kiểm tra, giáo viên cần chuẩn bị từ 03 đến 04 bộ đề trở lên. Các bộ đề có thể giống nhau về nội dung nhưng cần đảo vị trí các câu hỏi hoặc các câu trả lời cho nhau.

Khi tiến hành kiểm tra, giáo viên cần sắp xếp sơ đồ phòng thi một cách hợp lí. Tránh trường hợp hai thí sinh có bộ đề giống nhau ngồi gần nhau. Trước khi kiểm tra, giáo viên cần phổ biến rõ ràng yêu cầu của đề bài, cách thức làm bài và thời gian làm bài.

2.2. Đối với thí sinh

Thí sinh cần lắng nghe (giáo viên đọc đề, yêu cầu bài làm...) và đọc chỉ dẫn cách làm bài trắc nghiệm khách quan.

Thí sinh phải biết cách phân bổ điểm số trong bài trắc nghiệm khách quan: Câu nào được tính điểm nhiều hơn? Câu nào ít hơn? hay tất cả các câu như nhau để phân bố thời gian một cách hợp lí.

Cần trình bày bài làm một cách rõ ràng, sạch sẽ và đúng quy định.

Trong trường hợp trả lời câu trắc nghiệm trên một bảng trả lời riêng thì cần phải kiểm soát số thứ tự mỗi câu trắc nghiệm trên đề thi sao cho tương ứng với số của nó trên bảng trả lời.

Hiện nay, bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan tại các trường PTCS thường sử dụng phổ biến hình thức trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn. Do vậy, trong tài liệu này, chúng tôi biên soạn nhiều câu hỏi trắc nghiệm dạng này để bạn đọc tham khảo và áp dụng hiệu quả vào việc học tập của mình.

II. Những yêu cầu về kiểm tra trong chương trình Ngữ văn lớp 8

1. Yêu cầu về kiến thức

- Trọng tâm trong chương trình Văn của lớp 8 là học sinh cần đọc và hiểu tác phẩm tự sự, tác phẩm trữ tình và văn bản nghị luận. Yêu cầu cụ thể đối với các thể loại này như sau:

- Nắm được nội dung cụ thể và giá trị của các tác phẩm tự sự có trong chương trình về nội dung cốt truyện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu, ngôn ngữ kể chuyện, vẻ đẹp của các nhân vật điển hình...

- Nắm được nội dung cụ thể và giá trị của các tác phẩm trữ tình về nội dung trữ tình, cách thức thể hiện chất trữ tình, vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, vai trò và tác dụng của các biện pháp tu từ trong mỗi tác phẩm, ý nghĩa sâu xa và cao đẹp mà các tác giả gửi gắm trong từng tác phẩm trữ tình. Cần có sự so sánh các tác phẩm trữ tình trong chương trình với các tác phẩm đã học trước đó nhằm có cái nhìn toàn diện hơn về các tác phẩm trữ tình trong chương trình.

- Nắm được nội dung cụ thể và đặc điểm của một số văn bản nghị luận. Cụ thể là thấy được tư tưởng yêu nước, tinh thần chống xâm lăng và lòng tự hào dân tộc trong từng tác phẩm. Những nội dung được thể hiện bằng những lập luận chặt chẽ, sắc sảo với giọng văn đanh thép, hùng hồn. Bước đầu làm quen với các thể văn như cáo, hịch, chiếu, tấu; cần nắm được đặc điểm về bố cục cũng như hình thức văn biền ngẫu.

2. Yêu cầu về kĩ năng

- Yêu cầu chủ yếu là rèn luyện khả năng đọc, hiểu và cảm thụ văn bản. Năng lực này thể hiện ở trình độ tiếp nhận và cảm thụ văn bản của học sinh. Các yêu cầu cụ thể là:

- Cảm nhận và hiểu được ý nghĩa khái quát của văn bản.

- Biết tóm tắt, chia đoạn và tìm ra mối liên hệ giữa các đoạn, xác định chủ đề, rút ra dàn ý và đặt tên cho văn bản.

- Nhận biết các câu văn, đoạn văn hay; những đoạn hoặc câu có nội dung sâu sắc; những từ then chốt trong các câu văn.

- Nhận biết được các biện pháp tu từ trong tác phẩm, vai trò và ý nghĩa của những biện pháp tu từ đó đối với văn bản.

- Nhận biết được các phương thức biểu đạt của văn bản và đặc điểm thể loại của văn bản, phân tích được các văn bản.

- Phát biểu cảm nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.

- Nhớ được một số bài thơ hay, câu văn nhiều ý nghĩa trong các văn bản.

Phần II. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Bài 1. TÔI ĐI HỌC

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại náo nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi:

- Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm:

- Thôi để mẹ cầm cũng được.

Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Trước sân trường làng Mỹ Lí dày đặc cả người. Người nào quần áo cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang qua làng Hòa An bẫy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần. Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mắt tôi trường Mỹ Lí trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

(Thanh Tịnh, *Tổng tập văn học Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1981).

1. Truyện ngắn "Tôi đi học" nằm trong tập truyện nào của tác giả Thanh Tịnh?

A. Quê mẹ.

B. Ngậm ngải tìm trầm.

C. Những giọt nước biển.

D. Sức mồ hôi.

2. Truyện ngắn "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh là sự kết hợp hài hòa giữa:

A. Miêu tả với biểu cảm.

B. Tự sự với trữ tình.

C. Miêu tả với tự sự.

D. Miêu tả với biểu cảm.

3. Nhân vật chính mà tác giả Thanh Tịnh làm nổi bật trong đoạn trích trên là ai?

A. Người mẹ.

B. Ông đốc trường Mỹ Lí.

C. Nhân vật "tôi".

D. Thằng Quý.

4. Chủ đề của truyện ngắn "Tôi đi học" là gì?

A. Gợi lại cảm giác lạ lẫm, sợ sệt của nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên.

B. Khắc họa niềm vui sướng, hân hoan của nhân vật tôi và các bạn trong ngày đầu tiên đến trường.

C. Gợi lại cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên.

D. Gợi lại sự chăm sóc ân cần, chu đáo của những người thân của nhân vật tôi trong ngày đầu tiên đến trường.

5. Truyện ngắn "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh thể hiện điều gì ở nhân vật chính của truyện?

A. Tính cách của nhân vật.

B. Ngoại hình của nhân vật.

C. Tâm trạng nhân vật.

D. Tình cảm trong sáng của nhân vật.

6. Câu nào sau đây không nói lên tâm trạng của nhân vật chính trong truyện trong buổi tựu trường đầu tiên?

A. Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

B. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ.

C. Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ.

D. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này.

7. Tác giả Thanh Tịnh đã sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu "Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng"?

A. Nhân hóa.　　　　C. Hoán dụ.

B. So sánh.　　　　D. Ẩn dụ.

8. "Bàn tay" trong hai câu văn sau là hình ảnh được xây dựng bằng biện pháp tu từ nào?

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

A. Biểu tượng.　　　　C. Ẩn dụ.

B. So sánh.　　　　D. Hoán dụ.

9. Trong truyện ngắn "Tôi đi học", dòng cảm xúc của nhân vật "tôi" được thể hiện qua các ý:

1. Cứ mùa thu về, mỗi lần thấy các em nhỏ núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng lại nao nức, rộn rã, xốn xang.

2. Mẹ âu yếm nắm tay dẫn đến trường.

3. Cảm thấy con đường đến trường tự nhiên thấy lạ, cảnh vật nhiều thay đổi.

4. Cảm thấy sân trường rộng hơn, ngôi trường rộng hơn.

5. Cảm thấy gần gũi, thân thương đối với lớp học, với người bạn ngồi bên cạnh.

hãy sắp xếp các ý trên theo trình tự của truyện ngắn "Tôi đi học"?

A. (1) – (2) – (3) – (4) – (5).
C. (1) – (2) – (4) – (3) – (5).
B. (1) – (2) – (5) – (4) – (3).
D. (1) – (3) – (4) – (2) – (5).

10. Tác giả Thanh Tịnh đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh để khắc họa tâm trạng của nhân vật trong câu nào sau đây?

A. Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

B. Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

C. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ.

D. Cả ba câu trên.

II. TỰ LUẬN

1. Những đặc sắc về nghệ thuật trong truyện ngắn "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh được thể hiện ở điểm nào?

2. Diễn biến tâm trạng của nhân vật "tôi" trong truyện ngắn "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Những đặc sắc về nghệ thuật trong truyện ngắn "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh:

- Truyện kết hợp hài hòa giữa miêu tả, tự sự và biểu cảm; bố cục được sắp xếp theo dòng hồi tưởng của nhân vật về buổi tựu trường đầu tiên nên dễ cảm nhận.

- Truyện có nhiều tình cảm dạt dào về một thời tuổi thơ nên đậm chất trữ tình. Truyện cũng để lại nhiều chi tiết thú vị:

+ Lòng yêu mến, sự lo toan của người lớn đối với trẻ con trong lần đầu tiên các em được cắp sách đến trường.

+ Hình ảnh một buổi sớm mai đầy sương thu và gió lạnh, con đường làng vừa quen vừa lạ, ngôi trường Mĩ Lí, lớp học mới, bạn bè mới...

- Đặc biệt là những hình ảnh so sánh gắn với thiên nhiên, diễn tả cảm xúc và tâm trạng nhân vật:

+ Những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

+ Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

+ Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ.

Tất cả các chi tiết trên đã góp phần tạo nên chất thơ, chất trữ tình đằm thắm, thiết tha cho tác phẩm.

2. Diễn biến tâm trạng của nhân vật "tôi" trong truyện ngắn "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh.

Tôi đi học của tác giả Thanh Tịnh là một truyện ngắn thể hiện một cách xúc động tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật tôi trong lần đầu tiên được đến trường.

Đó là "*một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh*", chú bé mặc "*chiếc áo vải dù đen dài*", chú cảm thấy trang trọng và đứng đắn. Lòng chú tưng bừng rộn rã khi được mẹ hiền âu yếm nắm tay dẫn đi trên con đường làng quen thuộc dài và hẹp. Chú xúc động vô cùng, cảm thấy bỡ ngỡ và lạ lùng như con đường ấy chú chưa từng đặt chân đến. Mọi cảnh vật xung quanh thay đổi theo tâm trạng chú bé vì *chính lòng tôi có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học*.

Chú bâng khuâng tự hào khi thấy mình đã lớn khôn, không còn lêu lổng đi thả diều, ra đồng nô đùa như thằng Sơn, thằng Quý nữa. Chú thèm cảnh mấy cậu học trò bằng tuổi mình áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao cho nhau sách vở. Chỉ cầm hai quyển vở mới, dù tay ghì thật chặt mà chú vẫn cảm thấy nặng, một quyển vở rơi khỏi đôi tay bỡ ngỡ. Nhìn thấy mấy cậu ôm sách vở mới lại còn kèm cả bút thước nữa, chú ngây thơ nghĩ chắc chỉ có người thạo mới cầm nổi bút thước. Ý nghĩ ấy của cậu bé đã thoáng qua trong tâm trí một cách nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Khi đứng trước ngôi trường, chú bé càng hồi hộp và bỡ ngỡ. Chú ngạc nhiên trước cảnh đông vui trước sân trường. Ai cũng quần áo sạch sẽ, gương mặt tươi vui, sáng sủa. Chú đã từng đi bẫy chim quyên với thằng Minh, và ghé lại trường một lần, đi quanh các lớp, cảm thấy trường xa lạ, cao ráo và sạch sẽ hơn

các trường trong làng. Buổi tựu trường hôm nay chú cảm thấy trường Mỹ Lí của mình vừa xinh xắn oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp. Đứng giữa sân trường rộng, chú bé đâm ra lo sợ vẩn vơ. Đó là tâm trạng bồi hồi, bỡ ngỡ rất thực, rất điển hình đối với tuổi thơ trong lần đầu tiên cắp sách đến trường.

Chú bé cũng như nhiều cậu học trò khác, bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa và đi từng bước nhẹ. Tất cả đều như con chim non đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ.

Chú cảm thấy lòng mình vô cùng hồi hộp khi hồi trống trường vang lên, cảm thấy mình bơ vơ, vụng về, lúng túng. Các học trò khác cũng vì hồi hộp mà run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp. Lúc nghe ông đốc học đọc tên từng người, chú bé xúc động, hồi hộp đến độ quả tim như ngừng đập, giật mình lúng túng, chú quên cả mẹ đứng sau mình. Nghe ông đốc học dặn dò, không em nào dám trả lời; trước cái nhìn của mọi người, chú bé cũng như các học trò khác thêm lúng túng. Nhiều học trò mới ôm mặt khóc, chú bé cũng dúi đầu vào lòng mẹ mà nức nở theo. Mặc dù lúc ấy một bàn tay quen nhẹ của mẹ hiền vuốt mái tóc cho, nhưng chú vẫn cảm thấy cô đơn, lẻ loi hơn bao giờ hết khi xếp hàng đi vào lớp: "Trong thời thơ ấu, tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này".

Cảm xúc hồi hộp, bỡ ngỡ dâng lên man mác trong lòng khi chú bé vào lớp học, cảm thấy một mùi hương lạ xông lên. Chú thấy lạ và hay hay khi mắt hướng về những tấm hình treo trên tường. Chú nhìn bàn ghế rồi lạm nhận đó là vật riêng của mình, nhìn người bạn tí hon ngồi bên cạnh không cảm thấy xa lạ mà quyến luyến tự nhiên. Có lúc chú đưa mắt thèm thuồng một cánh chim, chú vòng tay lên bàn lẩm nhẩm đánh vần bài viết tập "tôi đi học". Tiếng phấn của thầy giáo đã đưa cậu bé trở về với thực tại.

Thanh Tịnh đã rất khéo léo khi diễn tả những kỉ niệm của buổi đầu tiên đến lớp của nhân vật tôi, qua đó diễn tả tâm trạng và cảm giác bỡ ngỡ khi lần đầu tiên được cắp sách đến trường. Cảm giác của nhân vật diễn biến theo trình tự thời gian và không gian, lúc đầu là buổi sớm mai mẹ dắt đi trên con đường làng, sau đó là lúc đứng giữa sân trường, một hồi trống vang lên, nghe ông đốc học đọc tên và dặn dò, cuối cùng là khi thầy giáo trẻ đưa vào lớp.

Kỉ niệm của ngày tựu trường đầu tiên rất sâu sắc và đẹp đẽ, chính vì thế *hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường đầu tiên.*

Bài 2. TRONG LÒNG MẸ

(trích *Những ngày thơ ấu*)

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vải màn trên đầu đi rồi. Không phải đoạn tang thầy tôi mà vì tôi mới mua được cái mũ trắng và quấn băng đen.

Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi đi bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương nữa. Tôi nói nghe đâu vì tôi thấy người ta bắn tin rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:

- Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày không?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ủ ấp từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình yêu thương và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

Tôi cũng cười đáp lại cô tôi:

- Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt:

- Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu!

Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chằm chặp đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất: lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay. Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng:

- Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nước mắt tôi ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng em bé mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên

đã xoáy chặt lấy tâm can của tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mợ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm... Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi:

- Sao cô biết mợ con có con?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cân gạo về bán. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở bên rổ bóng đèn. Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che...

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy ngay mà cắn, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*, NXB Đời nay, Hà Nội, 1940).

1. Đoạn trích "Trong lòng mẹ" nằm trong tác phẩm nào của nhà văn NguyênHồng?

A. Bỉ vỏ
B. Cửa biển.
C. Núi rừng Yên Thế.
D. Những ngày thơ ấu.

2. Tác phẩm "Những ngày thơ ấu" được viết dưới hình thức nào?

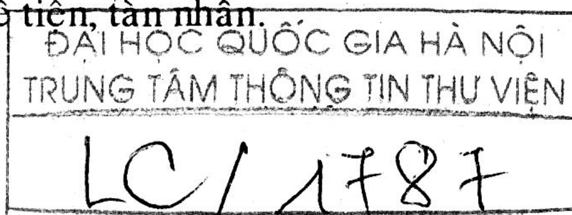
A. Hồi kí.
B. Nhật kí.
C. Kí sự.
D. Tiểu thuyết.

3. Nội dung chính được đề cập trong đoạn trích "Trong lòng mẹ" là gì?

A. Nói lên nỗi buồn, bị mọi người khinh thường của cậu bé Hồng.
B. Niềm mơ ước được một lần gặp mẹ của bé Hồng.
C. Nỗi đau khổ bị giày vò và niềm hạnh phúc vô biên của bé Hồng khi gặp lại mẹ.
D. Cuộc đời bất hạnh của cậu bé Hồng khi bị cha mẹ bỏ rơi.

4. Bà cô của bé Hồng được đề cập trong đoạn trích là một người như thế nào?

A. Tốt bụng, nhân hậu đối với mọi người.
B. Lắm lời nhưng sẵn sàng giúp đỡ người khác.
C. Rất quan tâm, yêu thương chăm sóc cháu.
D. Là người có tâm địa xấu xa, đê tiện, tàn nhẫn.



5. "Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp vào đùi mẹ, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi cảm thấy những cảm giác ấm áp đã mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt". Đoạn văn trên diễn tả tâm trạng gì của bé Hồng?

A. Niềm sung sướng, hạnh phúc tột cùng, cảm giác yêu thương trìu mến của đứa con gặp lại mẹ sau một năm xa cách.

B. Cảm giác của một giấc ngủ ngon trên một chặng đường dài.

C. Cảm giác không thể thiếu tình thương của mẹ.

D. Cảm giác sự mềm mại từ đôi tay của mẹ.

6. "Giá như những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi đã quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi". Câu văn trên có nội dung gì?

A. So sánh những cổ tục như những vật gần gũi hằng ngày.

B. Thể hiện sự căm giận của bé Hồng đối với những cổ tục phong kiến đã đọa đày mẹ của mình.

C. Thể hiện sự đồng tình của bé Hồng trước những tập tục như thế.

D. Thể hiện sự đồng tình của bé Hồng trước những lời nói của người cô về mẹ mình.

7. Câu văn nào sau đây không nói lên vẻ đẹp của người mẹ được nhìn qua con mắt sung sướng và hạnh phúc đến cực điểm của bé Hồng?

A. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má.

B. Hơi quần áo và hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra thơm tho lạ thường.

C. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc?

D. Nhưng đời nào tình yêu thương và lòng kính mến mẹ lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.

8. Nhân vật bé Hồng trong đoạn trích là một người như thế nào?

A. Có tình thương yêu vô bờ đối với mẹ.

B. Là một người dễ xúc động, tinh tế và nhạy cảm.

C. Chịu nhiều nỗi đau và mất mát.

D. Cả A, B và C đều đúng.

9. Ý nào sau đây không nói lên đặc sắc về mặt nghệ thuật của đoạn trích "Trong lòng mẹ"?

A. Giàu chất trữ tình.

B. Miêu tả tâm lí nhân vật.

C. Sử dụng nghệ thuật châm biếm độc đáo.

D. Có những hình ảnh so sánh tinh tế.

10. Theo em, khi nhớ lại cuộc trò chuyện với người cô, bé Hồng nhớ lại điều gì?

A. Cảnh ngộ thương tâm của mẹ.

B. Tình cảnh đáng thương của một đứa trẻ.

C. Sự xảo quyệt và độc ác của bà cô.

D. Cả A và B đều đúng.

II. TỰ LUẬN

1. *Các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm trong đoạn trích "Trong lòng mẹ" được thể hiện như thế nào?*
2. *Tình yêu thương mẹ của bé Hồng trong đoạn trích "Trong lòng mẹ" được thể hiện ở những điểm nào?*

Gợi ý trả lời:

Các yếu tố miêu tả và các yếu tố biểu cảm trong đoạn trích "Trong lòng mẹ" được thể hiện:

a. *Các yếu tố tự sự*

- Mẹ tôi vẫy tôi.
- Tôi chạy theo chiếc xe chở mẹ.
- Mẹ kéo tôi lên xe.
- Tôi òa khóc.
- Mẹ tôi khóc theo.
- Tôi ngồi bên mẹ, ngả đầu vào cánh tay mẹ, quan sát gương mặt mẹ.

b. *Các yếu tố miêu tả*

- Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại.
- Mẹ tôi không còm cõi.
- Gương mặt vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má

c. *Các yếu tố biểu cảm*

- Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc (suy nghĩ).
- Tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường (cảm nhận).
- Phải bé lại để lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho mới cảm thấy người mẹ dịu êm vô cùng (phát biểu cảm tưởng).

d. Các yếu tố miêu tả và biểu cảm lồng vào nhau, vừa kể vừa tả vừa biểu cảm

Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp vào đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Đoạn văn trên tác giả vừa kể lại sự việc, vừa miêu tả, vừa thể hiện tính biểu cảm. Cụ thể là:

- *Kể*: Tôi ngồi trên đệm xe, cạnh mẹ tôi.
- *Tả*: Đùi áp vào đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, khuôn miệng mẹ nhai trầu.
- *Biểu cảm*: Những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt; thơm tho lạ thường.

Tình yêu thương mẹ của bé Hồng được thể hiện qua nhiều chi tiết khác nhau:

* Lòng thương yêu, có suy nghĩ đúng đắn:

- Khi nghe những lời thâm độc, tàn nhẫn của người cô, tình thương mẹ của chú bé trào dâng: *lòng tôi thắt lại, nước mắt chan hòa đầm đìa ở cằm, ở cổ.*

- Trong thâm tâm, chú thầm nhủ *đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.*

- Chú cũng căm ghét những cổ tục đã khiến mẹ bị đày đọa: *tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi.*

* Tình yêu thương mẹ sâu sắc và thiêng liêng của chú bé được tác giả miêu tả tập trung nhất trong đoạn tiếp theo của bài văn:

- Cuối chiều khi tan học về, chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo, chú vẫn nhận ra hình dáng mẹ mình và đuổi theo gọi.

- Niềm vui sướng của chú bé được gặp lại mẹ thật lớn lao, thấm thía đê mê như thấm vào da thịt: *tôi òa khóc rồi cứ thế nức nở... đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt.*

Bài 3. TỨC NƯỚC VỠ BỜ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

[...]Chị Dậu vẫn thiết tha:

- Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi! Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

Rồi hắn quay ra bảo người nhà lí trưởng:

- Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia!

Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

- Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

- Tha này! Tha này!

Hắn vừa nói vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

- Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu. Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

- Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục anh chàng "hậu cần ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm, ngồi lên lại nằm xuống vừa run vừa kêu:

- U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội.

- Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, NXB Văn học, Hà Nội, 1977).

1. Đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" được trích trong tác phẩm nào của nhà văn Ngô Tất Tố?

A. Tắt đèn (1939).

B. Lều chõng (1940).

C. Tập án cái đình (1939).

D. Việc làng (1940).

2. Trong đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" có những nhân vật nào?

A. Chị Dậu và tên cai lệ.

B. Chị Dậu và chồng chị Dậu.

C. Chị Dậu, chồng chị Dậu và tên cai lệ.

D. Chị Dậu, tên cai lệ, chồng chị Dậu và tên cận hầu lí trưởng.

3. Bản chất của tên cai lệ được tác giả khắc họa như thế nào?

A. Bất nhân, độc ác và rất tàn nhẫn.

B. Hống hách, thô lỗ và cộc cằn.

C. Tuy rất hống hách nhưng là người thích giúp đỡ người khác.

D. Câu A và B đúng.

4. Câu nào sau đây không phản ánh giá trị về nội dung và về tư tưởng của đoạn trích "Tức nước vỡ bờ"?

A. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người nông dân trong cuộc sống và trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột.

B. Cảnh báo tội ác của chính quyền thuộc địa đối với người dân Việt Nam.

C. Phản ánh nỗi thống khổ của người dân vì vấn nạn sưu thuế trong thời phong kiến.

D. Vạch trần bộ mặt độc ác, tàn nhẫn của các thế lực chuyên áp bức bóc lột người dân.

5. Nhân vật chị Dậu trong đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" là người như thế nào?

A. Là người phụ nữ tần tảo, chịu thương chịu khó.

B. Yêu thương chồng con hết mực.

C. Căm thù bọn thực dân phong kiến và tay sai và có tinh thần dũng cảm phản kháng lại những áp bức, bất công.

D. Cả A, B, C đều đúng.

6. Vì sao chị Dậu được xem là một người điển hình về hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong chế độ phong kiến?

A. Chị là người nhân hậu, đảm đang.

B. Chị là người phụ nữ có sức mạnh và thái độ phản kháng mạnh bạo.

C. Chị là người phụ nữ luôn nhịn nhục, cúi đầu trước sự đàn áp của bọn cầm quyền.

D. Chị là người phụ nữ chịu nhiều khổ cực nhưng vẫn thương yêu chồng con hết mực, giữ được những phẩm chất tốt đẹp và sẵn sàng vùng dậy đấu tranh khi bị áp bức.

7. Câu nào dưới đây không góp phần xây dựng nên giá trị nghệ thuật của đoạn trích "Tức nước vỡ bờ"?

A. Xây dựng đoạn trích có kịch tính cao độ.

B. Xây dựng nhân vật với việc bộc lộ tính cách rất tài tình.

C. Có những lời lẽ châm biếm sâu sắc, đả kích chế độ phong kiến.

D. Có giá trị hiện thực và nhân đạo lớn.

8. Trong đoạn trích "Tức nước vỡ bờ", tác giả sử dụng biện pháp nào để làm bộc lộ tính cách của nhân vật?

A. Tạo ra những tình huống kịch tính để nhân vật tự bộc lộ hành vi, giọng nói, điệu bộ của mình.

B. Tác giả trực tiếp giới thiệu về nhân vật và những tính cách của họ.

C. Để cho nhân vật này nói về nhân vật kia.

D. Tác giả khắc họa ngoại hình của nhân vật.

9. Câu văn nào sau đây thể hiện thái độ phản kháng mạnh mẽ của chị Dậu trước sự tàn ác của tên cai lệ?

A. Chị Dậu run run van xin.

B. Chị Dậu thiết tha xin được khất sưu cho chồng.

C. Tức quá không chịu được, chị Dậu liền cự lại tên cai lệ.

D. Chị Dậu nghiến hai hàm răng, túm cổ tên cai lệ ấn ra cửa.

10. "Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền", từ "lực điền" trong câu trên là chỉ

A. Người nông dân chuyên làm nghề cày ruộng thuê.

B. Bọn địa chủ cho thuê ruộng, chuyên áp bức nông dân bằng sưu thuế.

C. Người nông dân khoẻ mạnh.

D. Người to béo, đẫy đà nhưng sức khoẻ yếu.

II. TỰ LUẬN

1. Tóm tắt đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" trong truyện ngắn "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố.

2. Nêu ý kiến về nhận định của tác giả Vũ Ngọc Phan: "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo.

Gợi ý trả lời:

1. Tóm tắt đoạn trích "Tức nước vỡ bờ"

Có thể nói "Tắt đèn" là một tác phẩm để đời của Ngô Tất Tố. Đó là bản cáo trạng kêu án sự thối nát của chế độ thực dân, phong kiến. Tác phẩm còn để lại một hình tượng nhân vật tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam nói riêng và nông dân Việt Nam nói chung trước Cách mạng tháng Tám với những phẩm chất tốt đẹp như yêu thương chồng con sâu sắc và có tinh thần đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" kể lại chuyện anh Dậu sau khi bị ngất xỉu ở sân đình, bọn tay sai sợ bị vạ lây nên đem anh Dậu trả về gia đình trong tình trạng thừa sống thiếu chết. Chị Dậu và bà con ra sức chăm sóc anh Dậu. Chị Dậu vô cùng đau đớn và xót xa cho mạng sống của chồng. Tấm lòng của người vợ luôn hiện hữu trong mỗi hành động của chị Dậu đối với anh Dậu.

Nhưng khi anh Dậu đang run rẩy bê bát cháo lên thì bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đã tiến vào nhà với roi song, tay thước, dây thừng trên tay. Thái độ của bọn chúng khiến ai cũng phải thất kinh, những lời lẽ chửi bới, mỉa mai tuôn ra từ miệng chúng. Đối phó với tình huống bất ngờ đó, chị Dậu đi từ nhún

nhường, van xin đến phản kháng mãnh liệt. Ban đầu chị run run van xin, nài nỉ: "Khốn nạn nhà cháu đã không có, dẫu ông có chửi mắng cũng thế thôi, xin ông trông lại". Những lời lẽ xưng hô của chị Dậu cho thấy chị đã hạ mình hết mức để bảo vệ chồng. Bọn tay sai vẫn không động lòng trước những lời van xin của chị Dậu. Sự ức hiếp của bọn chúng đã làm trỗi dậy sự phản kháng mãnh liệt của chị Dậu. Tinh thần phản kháng thể hiện qua lời nói và hành động của chị. Chị xám mặt lại và cách xưng hô cũng thay đổi dần. Chị không còn gọi ông và xưng con, cháu nữa mà thay vào đó là mày với bà. Chị Dậu đặt mình vào vị trí cao hơn kẻ thù và giành thế chủ động trong lời nói và hành động của mình: "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem". Hành động của chị quyết liệt và nhanh như cắt, chị nắm lấy ngay gậy của hắn, túm tóc lẳng cho một cái ngã nhào ra thềm.

Câu nói đầy vẻ thách thức và hành động quyết liệt vừa biểu hiện tấm lòng thương chồng vừa cho thấy sự dũng cảm và tinh thần đấu tranh quyết liệt của chị Dậu. Những hành động trên cũng cho thấy nội dung của cụm từ "tức nước vỡ bờ". Bao nhiêu nỗi tủi nhục bấy lâu dồn nén trong lòng đã có dịp bung ra một cách mãnh liệt, đó chính là sự phản kháng của cả một dân tộc trước ách đô hộ và áp bức của các thế lực thống trị. Giá trị của đoạn trích được thể hiện rõ nét qua nhân vật chị Dậu. Tấm lòng thương yêu chồng con và tinh thần phản kháng trước sự áp bức của các thế lực thống trị đã làm nổi bật nhân vật chị Dậu trong đoạn trích.

2. Cái đoạn "chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo"

BÀI THAM KHẢO

Cảnh "Tức nước vỡ bờ" miêu tả tinh tế diễn biến tâm lí của một tính cách nhất quán. Chị Dậu có thể nhẫn nhục, chịu đựng, nhưng khi đã bị đẩy tới chân tường, thì cũng biết vùng lên chống trả quyết liệt, thể hiện một khả năng phản kháng tiềm tàng.

Trước thái độ hung hăng, những lời quát tháo hách dịch của cai lệ, chị Dậu run run. Chị sợ thì ít, mà lo cho chồng thì nhiều. Chị gọi cai lệ là ông, tự xưng là cháu. Chị van xin, cầu khẩn bằng giọng cố thiết tha: "Hai ông làm phúc nói với ông Lí hãy cho cháu khất!", "Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông có chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!". Đến khi thấy tính mạng của chồng bị đe dọa, thái độ của chị Dậu thay đổi hoàn toàn. Chị vẫn cố van xin nhưng vội vàng đặt đứa con đang bế xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay cai lệ, không để hắn

đụng tới anh Dậu. Đang xưng hô ông – cháu, chị Dậu chuyển qua ông - tôi với cai lệ. Người đàn bà uất ức đã liều mình đứng dậy tự đặt ngang hàng với cai lệ để cảnh báo hắn: "Chồng tôi đang ốm, ông không được phép hành hạ". Thái độ của chị Dậu ngày càng quyết liệt. Người đàn bà dịu dàng bỗng trở nên đáo để. Chị hạ cai lệ xuống thứ mày và ngang nhiên thách thức: "Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem". Chị Dậu quật ngã bọn tay sai hung ác trong tư thế ngang hàng, bất khuất với sức mạnh kì lạ – chị túm lấy cổ tên cai lệ ấn ra cửa. "Cai lệ ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn lảm nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu". Tên người nhà Lí trưởng cũng bị chị Dậu "túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm". Giọng văn của Ngô Tất Tố trở nên hả hê. Dưới ngòi bút của ông, hình ảnh chị Dậu hiện lên khỏe khoắn, quyết liệt bao nhiêu, thì hình ảnh bọn tay sai hung ác trở nên nhỏ bé, hèn hạ, nực cười và hài hước bấy nhiêu. Thấy chị Dậu quá quyết liệt, anh Dậu vừa run vừa kêu: "U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội". Nhưng tức nước thì tất yếu sẽ vỡ bờ. Nghe anh Dậu can, chị Dậu càng phẫn uất: "Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được". Câu nói mộc mạc đầy phẫn uất ấy giống như lời tuyên ngôn hùng hồn cho quy luật: có áp bức, dứt khoát sẽ có đấu tranh.

Sức mạnh kì diệu của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn, uất hận bị dồn nén đến mức không chịu đựng được nữa. Đó còn là sức mạnh của tình yêu thương chồng con vô bờ bến. Một người đàn bà lúc nào cũng nghĩ tới chồng, tới con, nhiều lần lấy thân thể của mình để che đỡ đòn roi cho chồng, vì chồng con, người đàn bà ấy sẵn sàng "thà ngồi tù".

(theo **La Khắc Hòa**, *Phân tích và bình giảng văn học 8*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999).

Bài 4. LÃO HẠC

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!

- Cụ bán rồi?

- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà khóc òa lên. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện

- Thế nó cho bắt à!

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

- Khốn nạn... Ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược lên trên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết...

... Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói...

... Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lòng thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

- Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: lão vừa xin tôi một ít bả chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm:

- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó! Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên luỵ đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy

những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...".

(Nam Cao, *Nam Cao - Tác phẩm*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1975).

1. Truyện ngắn *Lão Hạc* đã được nhà văn Nam Cao sáng tác theo thể loại nào?

A. Tiểu thuyết

B. Truyện ngắn.

C. Hồi kí.

D. Truyện dài.

2. Nội dung chính của tác phẩm *Lão Hạc* viết về vấn đề gì?

A. Số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và những phẩm chất quý báu tiềm tàng của họ.

B. Cuộc sống thiếu thốn, nghèo khổ đến cùng cực của người nông dân.

C. Tình cảm cảm động của con người đối với con vật trong hoàn cảnh cuộc sống khó khăn.

D. Tình cảm của người cha luôn quan tâm và thương yêu con hết mực.

3. Trong truyện ngắn *Lão Hạc*, nhân vật lão Hạc được khắc họa là một người như thế nào?

A. Là một người nông dân sống ích kỉ, chỉ lo cho bản thân mình, sẵn sàng bán rẻ người khác.

B. Là một người nông dân có số phận đau thương, yêu thương con hết thiết và có những phẩm chất vô cùng cao quý.

C. Là một người nông dân có thái độ sống cao thượng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

D. Là một người nông dân gàn dở, ngu ngốc, bần tiện.

4. Trong tác phẩm, nhân vật nào đã trở thành chỗ dựa tinh thần, trở thành bạn thân của lão Hạc?

A. Binh Tư và thằng Xiên.
B. Thằng Xiên và thằng Mục.
C. Ông giáo và con Vàng.
D. Ông giáo và Binh Tư.

5. Lúc về già, nhân vật lão Hạc không gặp phải khó khăn nào sau đây?

A. Lão bị một trận ốm thập tử nhất sinh, người trở nên gầy yếu hơn.
B. Con trai Lão đòi cưới vợ nhưng lão không đủ tiền lo cho nó.
C. Trận bão phá sạch hoa màu trong vườn mà lão bỏ bao công sức để vun trồng.
D. Không ai thuê mướn lão nữa vì lão đã quá già yếu, vì thế lão không có cái ăn.

6. Sự xuất hiện của nhân vật Binh Tư có tác dụng nêu bật đức tính gì ở lão Hạc?

A. Lão rất biết tận dụng thời cơ để cải thiện đời sống.
B. Lão Hạc rất hiền lành, không quan tâm đến chuyện hàng xóm.
C. Lão Hạc trước sau vẫn sống một cuộc đời đạm bạc, thật thà và lương thiện.
D. Lão Hạc rất yêu thương con và yêu thương con chó Vàng.

7. Vì sao con trai của lão Hạc lại bỏ nhà đi làm ở đồn điền cao su biền biệt không về?

A. Vì giữa bố con lão Hạc xảy ra mâu thuẫn, con trai giận cha nên bỏ đi.
B. Vì anh con trai lão muốn kiếm tiền làm giàu, muốn thoát khỏi cảnh làm ruộng vườn cực khổ.
C. Vì anh con trai lão thích đi xa, thích nghề trồng cao su.
D. Vì không đủ tiền để cưới vợ nên sinh ra phẫn chí, quyết đi làm đồn điền cao su.

8. Nguyên nhân sâu xa nào khiến lão Hạc quyết định chọn cái chết bằng cách ăn bả chó?

A. Lão Hạc quá ân hận vì đã trót lừa bán đi con chó thân thiết.
B. Lão Hạc không có tiền để nộp thuế cho bọn quan lại.
C. Vì lão Hạc không còn tiền để sinh sống và không muốn làm phiền mọi người.
D. Vì lão Hạc rất thương con, lão nghĩ mình chết đi sẽ dành dụm được thêm cho anh con trai một số vốn.

9. Nhân vật Ông giáo trong tác phẩm là một con người như thế nào?

A. Là người nhân hậu, hết lòng quan tâm giúp đỡ người khác.

B. Là một người bạn chân thành, biết đồng cảm chia sẻ nỗi đau khổ của lão Hạc.

C. Là người đáng tin cậy.

D. Cả A, B, C đều đúng.

10. "Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố mà tìm hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương, không bao giờ ta thương... vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận". Đoạn văn trên nói về điều gì ở ông giáo?

A. Thái độ sống, cách ứng xử mang tinh thần nhân đạo, chia sẻ, cảm thông với con người.

B. Bênh vực cho việc làm của vợ là từ chối giúp đỡ người khác.

C. Thương hại cho những con người có số phận như lão Hạc.

D. Có cái nhìn hẹp hòi, ích kỉ, nhỏ nhen trước những việc làm của con người, cho đó là những việc làm xấu xa đáng lên án.

II. TỰ LUẬN

1. *Tóm tắt đoạn trích "Lão Hạc" trong truyện ngắn cùng tên của tác giả Nam Cao.*

2. *Trong truyện ngắn "Lão Hạc", khi nghe Binh Tư cho biết lão Hạc xin bả chó để bắt một con chó thường xuyên vào vườn nhà lão thì ông giáo cảm thấy cuộc đời thật đáng buồn. Nhưng khi chứng kiến cái chết của Lão Hạc, ông giáo lại nghĩ "Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác". Theo em, tại sao ông giáo lại nghĩ như vậy?*

Gợi ý trả lời:

1. Tóm tắt đoạn trích "*Lão Hạc*" trong truyện ngắn cùng tên của tác giả Nam Cao

Vợ lão Hạc chết, lão Hạc và cậu con trai sống trên mảnh vườn ba sào. Nhà nghèo, không có tiền cưới vợ, anh con trai bỏ làng đi làm phu đồn điền. Trước khi đi, anh biếu bố ba đồng bạc để ăn quà, lão Hạc khóc vì nhiều thứ. Từ ngày anh con trai đi rồi, lão sống thui thủi một mình trong túp lều nơi xó vườn. Lão làm thuê để nuôi bản thân. Bầu bạn của lão là con chó mà lão gọi là "cậu Vàng". Lão xem nó như người bạn tâm giao.

Anh con trai đi biền biệt ba năm vẫn chưa về. Rồi một năm nữa trôi qua, lão mỏi mòn đợi anh con trai nhưng chưa thấy bóng dáng người con. Lão âm thầm chờ đợi anh về để giao cho anh mảnh vườn mà lão cố giữ cho anh.

Một trận ốm kéo dài hơn hai tháng đã làm lão hao kiệt sức lực, lão yếu đi ghê lắm. Làng mất vé sợi, lão cũng không còn việc làm. Rồi lại bão, hoa màu trong vườn mất không còn cây nào, gạo mỗi ngày một kém. Mỗi ngày lão với cậu Vàng ăn hết ba hào gạo mà vẫn không no. Lão buộc phải bán "người bạn" bấy lâu cho người ta giết thịt. Sau khi bán chó, lão càng thê thảm.

Lão Hạc tâm sự với ông giáo về kiếp người khổ sở của mình; lão nhờ ông giáo giữ hộ mảnh vườn cho cậu con trai, gửi ông giáo ba mươi đồng bạc để phòng khi lão chết có tiền mà lo tang ma để không làm phiền hàng xóm. Từ ngày đó, lão ăn khoai, ăn củ ráy, củ chuối, sung luộc... và chế được món gì lão ăn món đó.

Để kết thúc cuộc đời khốn khổ của mình, lão đã lừa Binh Tư để có được miếng bả chó. Ông giáo đã hiểu nhầm việc làm này của lão Hạc nhưng sự hiểu nhầm này nhanh chóng được hóa giải khi ông về ngang nhà lão. Cái chết của lão Hạc thật đáng sợ và đau đớn. Chỉ có ông giáo và Binh Tư mới hiểu vì sao lão chết. Ông giáo nhìn thi thể lão và hứa sẽ giữ gìn mảnh vườn cho đến ngày anh con trai lão trở về.

2. Ý nghĩa trong câu nói của ông giáo

- Khi nghe Binh Tư cho biết lão Hạc xin bã chó để bắt một con chó thường xuyên vào vườn nhà lão thì ông giáo cảm thấy *cuộc đời thật đáng buồn*. Ông giáo đã biết đến Lão Hạc là một người nhân hậu, không tham lam, không muốn làm phiền người khác, một người đã *khóc vì trót lừa một con chó* mà nay lại đi xin bả chó để trộm chó của người khác. Hành động này khiến lão Hạc từ một người lương thiện, có tự trọng trở thành người bất lương. Lão Hạc chẳng khác

nào Binh Tư, và cuộc đời này cũng lắm người cướp giật của người khác. Để có cái ăn, con người, ngay cả người lương thiện cũng không từ một thủ đoạn nào nên *cuộc đời này quả thật đáng buồn*.

- Nhưng khi chứng kiến cái chết đau đớn của lão Hạc, ông giáo biết được chân tướng của sự việc thì suy nghĩ của ông giáo lại khác. Cái đáng buồn trước đây ông giáo nghĩ đã không xảy ra, xã hội vẫn còn những con người chịu chết vinh còn hơn sống nhục. Đó thật sự là niềm vui lớn đối với ông giáo. Nhưng cái buồn *khác* của ông giáo chính là bi kịch của lão Hạc. Một con người nhân hậu, lương thiện lại rơi vào một tình cảnh không lối thoát, đến khi chết còn bị hành hạ đau đớn. Chết nhưng không được chết một cách thanh thản. Bi kịch của lão Hạc chính là bi kịch chung của đại đa số nông dân Việt Nam thời kì đó. Quả đúng là *Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác*.

Bài 5. TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

1. Hãy chọn câu trả lời đúng về khái niệm "Từ ngữ địa phương".

A. Là những từ ngữ được sử dụng phổ biến trên cả quốc gia.

B. Là những từ ngữ được sử dụng phổ biến trên cả thế giới.

C. Là những từ ngữ được sử dụng cho một vài dân tộc thiểu số.

D. Là những từ ngữ được sử dụng ở một số địa phương nhất định

2. Trường hợp nào dưới đây có thể sử dụng từ ngữ địa phương để diễn tả?

A. Khi viết đơn xin phép nghỉ học gửi lên Ban giám hiệu.

B. Khi tham gia thi thuyết trình trên phạm vi toàn quốc.

C. Khi trao đổi, trò chuyện với người địa phương.

D. Khi làm những bài tập làm văn do cô giáo phân công.

3. Từ nào dưới đây không phải là từ ngữ địa phương?

A. Con cá tràu và cái ca. C. Cây dù và cái muỗng.

B. Củ sắn và trái đậu bắp. D. Nhà cửa và thành phố.

4. Chọn câu trả lời đúng về khái niệm "Biệt ngữ xã hội".

A. Là những từ ngữ chỉ được sử dụng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

B. Là những từ ngữ chỉ được sử dụng trong một địa phương nhất định.

C. Là những từ ngữ chỉ được sử dụng trong một số lĩnh vực nhất định.

D. Là những từ ngữ được sử dụng phổ biến trong nhân dân.

5. Các từ ngữ: *hoàng thượng, hoàng hậu, phi tần, quan thượng thư, công chúa, hoàng tử* thuộc loại nào trong các loại biệt ngữ dưới đây?

A. Biệt ngữ của nhân dân lao động.

B. Biệt ngữ của vua quan và những người trong hoàng tộc dưới chế độ phong kiến.

C. Biệt ngữ của những người thượng lưu giàu có trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

D. Biệt ngữ của giai cấp chủ nô trong xã hội chiếm hữu nô lệ.

6. Khi sử dụng biệt ngữ xã hội trong giao tiếp, cần chú ý đến những vấn đề gì?

A. Địa vị của người được giao tiếp trong xã hội.

B. Nghề nghiệp và đơn vị công tác của người được giao tiếp.

C. Hoàn cảnh đối tượng giao tiếp, tình huống giao tiếp.

D. Cách thức và mục đích giao tiếp.

7. Khi được tóm tắt một tác phẩm tự sự, chúng ta phải làm gì?

A. Thuật lại hoàn chỉnh nội dung câu chuyện và nêu nhận xét riêng của bản thân người tóm tắt.

B. Bám sát yêu cầu, mục đích cần tóm tắt mà đề bài đặt ra đối với người tóm tắt.

C. Chỉ cần kể lại ngắn gọn những chi tiết chính, quan trọng nhất của tác phẩm.

D. Có thể thêm một số chi tiết mà người tóm tắt cho là cần thiết nhằm hoàn chỉnh tác phẩm.

8. Mục đích chủ yếu của việc tóm tắt tác phẩm tự sự là gì?

A. Ghi lại đầy đủ các chi tiết lớn, nhỏ của toàn bộ tác phẩm để người đọc có thể dễ dàng nắm bắt.

B. Kể lại câu chuyện, thêm một số chi tiết sáng tạo để gây hứng thú cho người đọc.

C. Ghi chép trung thành, chính xác nội dung tác phẩm.

D. Nêu lên cảm nhận của người viết, người đọc về giá trị của tác phẩm.

9. Một bài tóm tắt tác phẩm tự sự chỉ tốt khi đáp ứng được yêu cầu nào dưới đây?

A. Đảm bảo tính hoàn chỉnh và cân đối

B. Đảm bảo tính khách quan, trung thực tuyệt đối của tác phẩm.

C. Đáp ứng đúng và đầy đủ yêu cầu mà đề bài đặt ra.

D. Cả A, B, C đều đúng.

10. Các bước tóm tắt một văn bản là:

1. Xác định nội dung cần tóm tắt, lựa chọn những tình tiết tiêu biểu.

2. Đọc kĩ toàn bộ tác phẩm để nắm được nội dung.

3. Sắp xếp các nội dung chính theo trình tự hợp logic.

4. Viết văn bản tóm tắt bằng văn phong của riêng mình.

Hãy sắp xếp các bước trên theo một trình tự hợp lí?

A. (1) – (2) – (3) – (4).

B. (2) – (1) – (3) – (4).

C. (3) – (1) – (2) – (4).

D. (4) – (1) – (2) – (3).

Bài 6. CÔ BÉ BÁN DIÊM

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán, và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa.

Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi vào chút ít.

Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.

Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về; nhất định là cha em sẽ đánh em.

Vả lại ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà. Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra.

Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh

liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt...

Que diêm tắt phụt, và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.

Thế là em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về chầu Thượng đế.

Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: "Chắc nó muốn sưởi cho ấm!", nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.

(An-déc-xen, *Truyện An-déc-xen*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1963).

1. An-đéc-xen là nhà văn nổi tiếng của nước nào?

A. Đan Mạch. C. Pháp.

B. Anh. D. Mĩ.

2. Truyện của An-đéc-xen nổi tiếng nhất là viết cho đối tượng nào?

A. Tầng lớp nông dân luôn bị địa chủ áp bức bóc lột.

B. Những người lao động và bình dân thành thị.

C. Trẻ em – những em bé có cuộc đời bất hạnh.

D. Những người lính thuỷ thủ trên biển cả.

3. Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố hiện thực trong truyện "Cô bé bán diêm"?

A. Cô bé mồ côi mẹ, sống với người cha suốt ngày say rượu, chuyên đánh mắng cô bé.

B. Cô bé làm công việc bán diêm đem ánh sáng ấm áp đến cho mọi người, còn mình thì lạnh giá giữa trời đông.

C. Cô bé đã chết cóng trong đêm giao thừa nhưng đôi má vẫn hồng và trên môi vẫn nở nụ cười hạnh phúc.

D. Cô bé quẹt các que diêm, mơ về ngôi nhà hạnh phúc và người bà nhân hậu.

4. Câu nào sau đây thể hiện đúng nhất về tính chất của truyện "Cô bé bán diêm"?

A. Truyện "Cô bé bán diêm" là một truyện cổ tích giữa đời thường.

B. Truyện "Cô bé bán diêm" là một truyện ngắn mang tính chất huyền thoại.

C. Truyện "Cô bé bán diêm" là một truyện cổ tích vừa hư vừa thực.

D. Truyện "Cô bé bán diêm" là một truyện ngắn có tính bi kịch.

5. Nội dung được đề cập trong truyện ngắn "Cô bé bán diêm" là gì?

A. Kể về số phận bất hạnh của một em bé nghèo làm công việc bán diêm.

B. Thể hiện lòng cảm thương sâu sắc đối với những em bé có cuộc đời khốn khổ.

C. Lên án sự vô tâm của những bậc làm cha mẹ và sự bất công của xã hội.

D. Cả A, B, C đều đúng.

6. Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng để làm nổi bật hoàn cảnh của cô bé trong truyện ngắn "Cô bé bán diêm"?

A. Ẩn dụ.

B. Tương phản.

C. Hoán dụ.

D. Tả thực.

7. Đặc điểm nổi bật nhất làm nên thành công trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả là:

A. Tác giả sử dụng nhiều hình ảnh tương đồng.

B. Tác giả sử dụng nhiều hình ảnh tưởng tượng, hư cấu.

C. Tác giả sử dụng đan xen giữa yếu tố hiện thực và yếu tố mộng tưởng.

D. Tác giả sử dụng nhiều từ tượng thanh, tượng hình.

8. Trong truyện, mỗi lần quẹt diêm là một mộng tưởng xuất hiện trong cô bé nhưng các mộng tưởng này đều kết thúc khi:

A. Khi cô bé nghĩ đến những trận đòn roi và tiếng quát tháo của người cha say rượu.

B. Khi cô bé nghĩ đến những bao diêm chưa bán hết và cái đói bao trùm lên cơ thể.

C. Khi cô bé nghĩ đến cái lạnh ùa vào cơ thể.

D. Khi các que diêm lần lượt vụt tắt để lại bóng tối quay quanh.

9. Chi tiết nào ở đầu đoạn trích cho chúng ta thấy nỗi cô đơn, thống khổ của cô bé bán diêm?

A. Bà nội đã mất từ lâu, không còn tình yêu thương của bà.

B. Cô bé mồ côi mẹ, phải sống với cha và dì ghẻ độc ác.

C. Cô bé làm việc quần quật suốt ngày nhưng vẫn bị cha và dì ghẻ đánh mắng.

D. Đêm ấy là đêm giao thừa, trời lạnh giá, mọi người tụ họp trong ấm áp, chỉ có cô bé là rét lạnh giữa đêm giao thừa để bán diêm.

10. Cảm xúc và tư tưởng chủ đạo mà tác giả An-đéc-xen gởi gắm trong tác phẩm này là gì?

A. Lên án tố cáo sự bất công của xã hội cũ đối với trẻ em.

B. Phê phán sự thờ ơ vô tình của người đời.

C. Bày tỏ sự cảm thương sâu sắc của tác giả đối với những em bé có cuộc đời bất hạnh.

D. Phê phán sự vô tâm, độc ác của người cha đối với con.

II. TỰ LUẬN

1. Hãy trình bày theo trình tự các mộng tưởng của em bé qua những lần quẹt diêm trong truyện "Cô bé bán diêm" của An-đéc-xen.

2. Phát biểu cảm nghĩ về truyện "Cô bé bán diêm" của An-đéc-xen.

Gợi ý trả lời:

1. Các mộng tưởng của em bé qua những lần quẹt diêm

Trong truyện "Cô bé bán diêm" của An-đéc-xen, các lần mộng tưởng của em bé xen lẫn với thực tại. Khi que diêm cháy là mộng tưởng lại xuất hiện trong đầu em: *lò sưởi bằng sắt, bàn ăn có con ngỗng quay, cây thông nô-en với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, bà em đang mỉm cười với em, hai bà cháu bay lên trời.* Khi mỗi que diêm tắt là lúc em trở về với thực tại: *lò sưởi biến mất, trước mặt chỉ là những bức tường lạnh lẽo, tất cả những ngọn nến biến thành những ngôi sao trên trời.*

Các mộng tưởng của em lần lượt diễn ra một cách hợp lí, phù hợp với những khát khao của em: *được sưởi ấm, được ăn ngon, được đi chơi, được yêu thương, chấm dứt mọi lo lắng, buồn khổ.*

Những mộng tưởng của em bé qua các lần quẹt diêm về lò sưởi, bàn ăn, cây thông là sát với thực tế, vì đó là những điều đã có thật trong những đêm Giáng sinh khi bà em còn sống.

2. Cảm nghĩ về truyện "Cô bé bán diêm"

Truyện "Cô bé bán diêm" được An-đéc-xen viết vào năm 1845 khi tên tuổi của ông đã trở nên quen thuộc đối với mọi người. Đây là loại truyện vừa thực vừa ảo, vừa mang màu sắc thần kì, vừa đậm chất trữ tình, gợi lên một tình thương, một vẻ đẹp nhân văn sáng giá. Em bé bán diêm đã chết cóng trong tuyết, với má hồng và đôi môi đang mỉm cười tưởng được ru bằng giấc mơ huyền thoại.

Quãng đời đẹp nhất của em bé có lẽ là lúc được sống bên bà nội hiền hậu trong căn nhà xinh xắn có dây thường xuân bao quanh. Cuộc đời em trở nên bất hạnh sau khi bà qua đời. Em phải sống với người bố thô lỗ, cộc cằn, em phải chui rúc trong một xó tăm tối, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa.

An-đéc-xen đưa chúng ta theo con đường bán diêm của cô bé. Một thời điểm điển hình nói lên nỗi bất hạnh của cô bé. Đó là một đêm giao thừa với tuyết rơi và rét dữ dội. Em ra đi chân trần, lúc đầu có đôi giày vải mỏng, nhưng chỉ một lát thôi, giày của em, chiếc thì bị xe song mã nghiến, chiếc thứ hai thì bị thằng bé xa lạ lấy tung lên trời và nó bảo đem về *làm nôi cho con chó sau này*. Em đi bán diêm trong đêm tối với đôi chân trần nhỏ bé, vì thế chẳng mấy chốc *chân em đỏ ửng lên, rồi tím bầm lại vì rét*.

Nhà văn đã khéo léo tạo nên hai cảnh trái ngược nhau trong đêm giao thừa. Một bên là em bé bán diêm suốt một ngày mà chẳng bán được que nào, đi lang thang trên đường với cái bụng đói nhưng chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh nào. Mái tóc và lưng em bám đầy tuyết. Trong khi đó, cửa sổ mọi nhà đều *sáng rực ánh đèn* và trong phố thì *sực nức mùi ngỗng quay*. Đó là hai cảnh trái ngược. Câu chuyện trở nên thấm vị đời cay đắng. Trên bước đường bán diêm giữa đêm giao thừa, em bé luôn sống trong cô đơn, buồn tủi. Một quá khứ hạnh phúc trở về trong tâm hồn em. Mái nhà xưa với dây thường xuân, với hình ảnh bà nội hiền hậu đã hiện về trong tâm trí em. Nhưng hiện nay thì mái nhà ấy chỉ là một khu tồi tàn, bên trong đó là những lời chửi mắng. Nhà văn thể hiện thái độ thương cảm đối với số phận của em bé bán diêm, với tuổi thơ đẫm lệ ấy.

Cô bé bán diêm ngoài chịu cái lạnh run người, cái đói cồn cào còn phải gánh chịu một nỗi đau tinh thần khác. Đó là người bố không có nhân tính đang có những đòn roi chờ em nếu em không bán được ít bao diêm hoặc không ai bố

thí cho đồng nào. Nỗi đau này thật đáng sợ, nó luôn đè nặng trong tâm hồn em. Có biết rằng *tình thương của cha mẹ là thiên đường tuổi thơ mới thấy cái sâu sắc trong tấm lòng nhân ái của tác giả.* Ông ngụ ý gửi đến những ai đang sống trong tình yêu thương với vật chất đầy đủ phải biết thông cảm với những mảnh đời bất hạnh như cô bé bán diêm này.

Phần cảm động nhất và hay nhất của tác phẩm chính là đoạn kể về những mộng tưởng của em bé bán diêm. Lúc đầu em chỉ đánh liều quẹt một que để cho đỡ rét. Em đã phát hiện trong que diêm đầu tiên ấy nhiều điều thú vị, ngọn lửa ban đầu là *xanh lam,* rồi *trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ trông đến vui mắt.* Từ niềm vui nhỏ nhoi, bình dị đó, em đã đi đến những giấc mộng kì diệu. Mỗi que diêm từ tay em sáng lên là em lại có những phút giây hạnh phúc. Que diêm thứ nhất *sáng rực như than hồng* làm cho em *tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình ảnh nổi bằng đồng bóng nhoáng.* Ngọn lửa trong lò sưởi ấy *nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng.* Đó cũng là mơ ước của những thân phận nghèo khổ giữa mùa đông giá rét.

Que diêm thứ hai cháy lên đưa em bé đến với một ngôi nhà êm ấm có *tấm rèm bằng vải màu, có một mâm cỗ sang trọng.* Một bàn ăn có cái khăn trải bàn trắng tinh, có bát đĩa bằng sứ quý giá, có thức ăn là ngỗng quay. Một điều kì lạ đã diễn ra, *ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn phóng sết cắm trên lưng, tiến về phía em.* Que diêm tắt, em bé trở về với thực tại. Em vẫn cô đơn ngồi một mình dưới trời tuyết trong đêm giao thừa. Thực tại và hư ảo luôn đan xen nhau mỗi khi que diêm được thắp sáng và vụt tắt.

Que diêm thứ ba bùng cháy đã làm xuất hiện trước mắt em cây thông nô-en được trang trí lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi. Em đang đưa tay về phía cây thông thì que diêm lại tắt. Lần này, em thấy các ngọn nến bay lên cao mãi rồi *biến thành những ngôi sao trên trời.*

Em bé chìm vào giấc mơ huyền diệu của tuổi thơ khi que diêm thứ tư sáng lên. Trong ánh lửa xanh tỏa ra từ cây diêm, em bé nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em. Và lần này cũng vậy, khi em đang có những giây phút hạnh phúc nhất thì que diêm vụt tắt để lại cho em nỗi hụt hẫng khôn tả. Giấc mộng nhanh chóng trôi qua và *ảo ảnh sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.*

Bầu trời đêm Giáng sinh càng về khuya càng rét dữ dội, tuyết càng rơi dày mặt đất. Cái giá lạnh không ngăn được những niềm hy vọng của em bé, những giấc mơ đẹp của tuổi thơ đã được tác giả khắc họa rất cảm động. Đọc câu

chuyện chúng ta thầm ước những que diêm ấy không bao giờ tắt để em bé mãi sống trong niềm hạnh phúc nhỏ nhoi mà đáng ra em phải được hưởng.

Cái tài của tác giả là đã nói về cái chết của em bé bán diêm, chết trong đói, rét mà không gợi ra sự bi thảm, hãi hùng. Người bà đã đưa em về với Thượng đế, để từ đó em không còn phải chịu cảnh đói, rét, phải nghe những lời mắng chửi của người cha. Em đã cùng với bà nội giã từ cái hiện thực đầy cay đắng, phũ phàng và côi cút để bước sang một thế giới hạnh phúc hơn, tươi đẹp hơn. Hình ảnh em bé bán diêm chết trong tuyết, giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười trong ngày mồng một Tết là một hình ảnh tạo nên sự xót xa trong lòng người đọc.

Trong truyện "Cô bé bán diêm", hình ảnh ngọn lửa diêm là hình tượng lấp ánh và mang nhiều xúc cảm nhất cho người đọc. Đó là ngọn lửa của mơ ước tuổi thơ về mái ấm gia đình, về cuộc sống ấm no, về sự thương yêu chăm sóc. Từ ngọn lửa, diêm đã hóa thành ngôi sao trên trời để soi đường cho em bay về Thượng đế. Qua ngọn lửa và ngôi sao sáng, An-đéc-xen đã thông cảm, trân trọng và ca ngợi những ước mơ bình dị của tuổi thơ. Vẻ đẹp nhân văn của truyện được thể hiện tài tình qua ngọn lửa. Tác giả cũng gửi đến mọi người thông điệp rằng sống phải biết san sẻ tình yêu thương, không dửng dưng trước những nỗi bất hạnh của người khác, nhất là các em nhỏ.

Bài 7. ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

(trích *Đôn Ki-hô-tê*)

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Chợt hai thầy trò phát hiện có ba bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng, và Đôn Ki-hô-tê vừa nhìn thấy liền nói với giám mã: "Vận may run rủi khiến cho sự nghiệp của chúng ta tốt đẹp quá sự mong muốn, vì kia kìa, anh bạn Xan-chô Pan-xa ơi, có đến ba bốn chục tên khổng lồ ghê gớm, ta quyết giao chiến giết hết bọn chúng; và với những chiến lợi phẩm thu được, chúng ta sẽ bắt đầu giàu có: bởi đây là cuộc chiến đấu chính đáng, và quét sạch cái giống xấu xa này khỏi mặt đất là phụng sự Chúa đấy". "Những tên khổng lồ nào cơ?" Xan-chô Pan-xa hỏi. "Những đứa mà anh nhìn thấy kia kìa", Đôn Ki-hô-tê đáp,, "cánh tay chúng dài ngoẵng, có đứa cánh tay dài tới hai dặm". "Thưa ngài", Xan-chô nói, "xuất hiện ở kia chẳng phải là các tên khổng lồ đâu mà chỉ là những cối

xay gió, và cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió thổi, chúng sẽ quay tròn làm chuyển động cối đá bên trong". "Xem ra anh chẳng thành thạo gì về những chuyện phiêu lưu", Đôn Ki-hô-tê đáp, "nay chính là những tên khổng lồ, và nếu anh sợ thì hãy lánh xa ra mà cầu kinh trong lúc chúng ta sẽ đương đầu với chúng trong một cuộc giao tranh điên cuồng và không cân sức". Nói rồi, Đôn Ki-hô-tê thúc con ngựa Rô-xi-nan-tê xông lên, chẳng thèm để ý đến giám mã Xan-chô đang hét bảo là rõ ràng lão đang xông vào đánh những cối xay gió chứ không phải là bọn khổng lồ. Nhưng trong bụng vốn đinh ninh phía trước là những tên khổng lồ nên Đôn Ki-hô-tê chẳng những không nghe lời can của giám mã Xan-chô, mà khi đã tới gần cũng không nhận ra đấy là những chiếc cối xay; đã thế, lão còn thét lớn" "Chớ có chạy trốn, lũ hèn mạt nhát gan kia, bởi duy nhất chỉ có một hiệp sĩ tấn công bọn mi đây". Vừa lúc ấy nổi lên một làn gió nhẹ và các cánh quạt lớn của những chiếc cối xay gió bắt đầu chuyển động; thấy thế, Đôn Ki-hô-tê liền nói: "Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả gã khổng lồ Bri-a-rê-ô, các ngươi cũng sắp phải đền tội". Nói xong, lão nhiệt thành tâm niệm cầu mong cho nàng Đuyn-xi-nê-a của mình cứu giúp cho trong lúc nguy nan này; rồi lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, lão thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt: gió làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo cả ngựa và người ngã văng ra xa.

[...] Đêm hôm ấy, hai người ở dưới các vòm cây, và Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ở chiếc cán gãy lắp vào làm thành ngọn giáo. Đôn Ki-hô-tê suốt đêm không ngủ để nghĩ tới nàng Đuyn-xi-nê-a của lão, bắt chước những hiệp sĩ lão từng đọc trong sách thức trắng nhiều đêm ròng ở trong rừng hoặc nơi hoang mạc liên tưởng nhớ tới tình nương. Xan-chô Pan-xa thì không thế, bởi vì dạ dày no căng toàn là rượu thịt, bác ngủ một mạch, và nếu như chủ không gọi, thì dù ánh nắng chiếu thẳng vào mặt, và vô số tiếng chim hót líu lo đón mừng một ngày mới có lẽ cũng không đủ để đánh thức bác. Vừa ngủ dậy, bác vớ ngay lấy bầu rượu, thấy nó nhẹ hơn tối hôm trước, nên buồn rầu vì xem chừng trên quãng đường này khó đào đâu ra ngay rượu để đổ vào cho đầy. Đôn Ki-hô-tê không muốn ăn sáng vì, như ta thường nói, chàng nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi.

(Xéc-van-tét, *Đôn Ki-hô-tê*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983).

1. Xéc-van-téc là nhà văn Tây Ban Nha nổi tiếng vào giai đoạn lịch sử nào?

A. Thời kì văn hóa Phục hưng ở châu Âu.

B. Thời kì triết học Ánh sáng ở Pháp.

C. Thời kì xảy ra cuộc chiến tranh giữa Tây Ban Nha với Pháp (thế kỷ XVIII).

D. Thời kì Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (đầu thế kỷ XX).

2. Ý nghĩa của đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió" của Xéc-van-tét nói lên điều gì?

A. Ca ngợi những hiệp sĩ giang hồ trong cuộc chiến chống cái ác.

B. Đề cao tinh thần giúp đỡ lẫn nhau giữa những người trong xã hội đương thời.

C. Phê phán sự u mê, ảo tưởng của tầng lớp quý tộc phong kiến Tây Âu thời cận đại.

D. Phản ánh thực trạng chậm phát triển của xã hội.

3. Người kể chuyện trong đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió" là nhân vật nào?

A. Anh bạn Xan-chô Pan-xa.

B. Đôn Ki-hô-tê.

C. Xéc-van-téc.

D. Lão pháp sư Phơ-re-xtôn.

4. Trong đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió", Hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê đã nhầm tưởng cối xay gió là ai?

A. Những tên lái buôn giàu có.

B. Ba bốn chục tên khổng lồ ghê gớm.

C. Lão pháp sư Phơ-re-xtôn.

D. Gã khổng lồ Bri-a-rê-ô.

5. Việc đánh nhau với chiếc cối xay gió được Đôn Ki-hô-tê xem là cuộc chiến như thế nào?

A. Là cuộc chiến tranh chính nghĩa vì nhân dân.

B. Là cuộc chiến chính đáng để quét cái xấu ra khỏi mặt đất.

C. Là phụng sự mệnh lệnh của tầng lớp quý tộc.

D. Là cuộc chiến không cân sức.

6. Phẩm chất đáng quý nào của nhân vật Đôn Ki-hô-tê được thể hiện qua đoạn trích?

A. Có khát vọng tiêu diệt cái ác để cứu giúp mọi người.

B. Anh hùng và nhân nghĩa.

C. Dù có khó khăn vẫn không nản chí.

D. Biết nhường nhịn người khác, đặc biệt là với Xan-chô Pan-xa.

7. Trong đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió", Đôn Ki-hô-tê là nhân vật như thế nào?

A. Một người anh hùng thích giúp đỡ người khác.

B. Một người nghĩa hiệp.

C. Một người u mê, thích học đòi người khác để phiêu lưu.

D. Một người nhân hậu và tốt bụng.

8. Trong đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió", Đôn Ki-hô-tê đã chịu thất bại khi nào?

A. Tiêu diệt hết chỉ còn lại một cối xay gió cuối cùng.

B. Đánh chiếc cối xay gió đầu tiên gần nhất.

C. Tiêu diệt hơn phân nửa cối xay gió.

D. Khi không còn chiếc cối xay gió nào.

9. Câu nào sau đây cho thấy Đôn Ki-hô-tê muốn noi gương các hiệp sĩ giang hồ?

A. Đêm hôm ấy, hai người ở dưới các vòm cây, và Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành cây khô, rút các mũi sắt ở chiếc cán gãy lắp vào làm thành ngọn giáo.

B. Vì theo Đôn Ki-hô-tê, con đường này có lắm người qua lại chẳng thể nào không gặp nhiều chuyện phiêu lưu khác nhau.

C. Chớ có chạy trốn, lũ hèn mạt nhát gan kia, bởi duy nhất chỉ có một hiệp sĩ tấn công bọn mi đây.

D. Ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương thế nào cũng không được rên rỉ dù đổ cả ruột gan ra ngoài.

10. Vì sao suốt đêm Đôn Ki-hô-tê lại không ngủ?

A. Vì thất bại trước chiếc cối xay gió khiến gã không thể chợp mắt được.

B. Vì đó là tinh thần của các hiệp sĩ giang hồ.

C. Vì gã nhớ người tình Đuyn-xi-nê-a.

D. Vì gã thức để nhớ lại khoảng thời gian phiêu lưu của mình.

II. TỰ LUẬN

Tóm tắt đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió" trong tác phẩm Đôn Ki-hô-tê của Xéc-van-tet.

Gợi ý trả lời:

Đôn Ki-hô-tê dấn thân vào cuộc chinh chiến với người trò ngộ nghĩnh. Thầy cưỡi ngựa đi trước, trò cưỡi lừa theo sau. Hai hình ảnh tương phản ấy tạo ra một tình huống khôi hài tiếp theo. Trên đường hành hiệp, chợt nhìn thấy ba bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng, Đôn Ki-hô-tê cho đó là lũ khổng lồ dữ tợn và anh ta phải thực hiện sứ mệnh tiêu diệt bọn chúng. Nếu đánh bại chúng, chúng ta sẽ giàu to nhờ thu chiến lợi phẩm, Đôn Ki-hô-tê nghĩ như thế. Đôn Ki-hô-tê thúc con chiến mã xông lên trong lời réo gọi của người trò Xan-chô. Vừa lúc ấy, gió thổi mạnh hơn, những cánh quạt thổi quay nhanh hơn. Gã hiệp sĩ càng hăng máu xông vào để bắt bọn "gian ác" phải đền tội. Gió nổi lên dữ dội, những cánh quạt quay tít, vừa đến chiếc cối xay gió gần nhất, ngọn giáo của người hiệp sĩ đã bị gãy tan tành, cả người lẫn ngựa ngã chổng ra đất. Anh giám mã vội thúc lừa đến cứu chủ sau cú ngã như trời giáng. Sau khi tỉnh dậy, Đôn Ki-hô-tê cho rằng vị pháp sư Phơ-re-xtôn đã đánh cắp thư phòng và sách vở của mình, nay lại tước mất phần vinh quang chiến thắng. Xan-chô đưa thầy lên lưng ngựa, hai người tiếp tục cuộc hành trình. Tuy buồn phiền về việc mất ngọn giáo, nhưng Đôn Ki-hô-tê vẫn cảm khái nhắc lại chuyện hiệp sĩ Va-gax lúc chiến đấu bị gãy gươm đã nhổ cây sồi làm vũ khí, giết được bao nhiêu quân giặc Mô-rô, trở thành hiệp sĩ lừng danh. Đôn Ki-hô-tê cao hứng nói mình sẽ nhổ một cây sồi làm vũ khí và sẽ lập nên những chiến công phi thường.

Hai thầy trò nói chuyện. Thầy không kêu đau vì các hiệp sĩ giang hồ dù có bị thương cũng không được rên rỉ. Còn giám mã thì được Đôn Ki-hô-tê cho phép cứ được rên la vì cho tới nay chưa thấy sách kiếm hiệp nào ngăn cấm cả!

Đến bữa ăn, Đôn Ki-hô-tê chưa muốn ăn còn giám mã ngồi trên lưng lừa chén một cách khoái trá, tu rượu ngon lành. Giám mã nghĩ cái nghề kiếm chuyện phiêu lưu tuy có nguy hiểm nhưng cũng không đến nỗi vất vả.

Đêm hôm đó, hai thầy trò ngồi dưới gốc cây. Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành khô lắp vào cán gãy làm thành một ngọn giáo. Suốt đêm không ngủ chỉ vì nhớ đến người tình Đuyn-xi-nê-a; giám mã thì đánh một giấc đến sáng, vừa mở mắt đã tu rượu; anh chỉ lo bầu rượu cạn và không tìm ra chỗ mua. Hiệp sĩ giang hồ lại không ăn sáng vì lão nói rằng chỉ cần nghĩ đến tình nương là gã đã no rồi.

Bài 8. CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Khi hai người lên trên gác thì Giôn-xi đang ngủ. Xiu kéo tấm mành mành xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bơ-men sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì. Một cơn mưa lạnh lẽo, dai dẳng vẫn đang rơi, lẫn cùng với tuyết. Cụ Bơ-men mặc chiếc sơ mi cũ màu xanh, ngồi đóng vai một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả làm tảng đá.

Sáng hôm sau, Xiu tỉnh dậy sau khi chợp mắt được một tiếng đồng hồ thì thấy Giôn-xi đang mở to cặp mắt thẫn thờ nhìn tấm mành mành màu xanh đã kéo xuống.

"Kéo nó lên, em muốn nhìn", cô thều thào ra lệnh.

Xiu làm theo một cách chán nản.

Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

"Đó là chiếc lá cuối cùng", Giôn-xi nói, "Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết".

"Em thân yêu, thân yêu!" Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối, "Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?".

Nhưng Giôn-xi không trả lời. Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho một chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Khi những dây ràng buộc cô với tình bạn và với thế gian cứ lơi lỏng dần từng sợi một, ý nghĩ kì quặc ấy hình như càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

[...] Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu: "Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ chỉ còn việc bồi dưỡng và chăm nom – thế thôi".

Và buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi nằm, thấy Giôn-xi đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng, chị ôm lấy cả người Giôn-xi lẫn những chiếc gối.

"Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị", cô nói, "cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bản pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và – em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có thấy làm lạ tại sao tại chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men, - cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng".

(O Hen-ri, *Chiếc lá cuối cùng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983).

1. Thể loại mà nhà văn Mĩ O. Hen-ri chuyên viết là gì?

A. Truyện dài.
C. Truyện vừa.
B. Truyện ngắn.
D. Tiểu thuyết.

2. Vì sao Giôn-xi tin rằng khi chiếc lá cuối cùng rụng xuống thì cô cũng vĩnh viễn rời xa cõi đời này?

A. Vì Giôn-xi bị ốm nặng và vô phương cứu chữa.

B. Vì Giôn-xi không còn niềm tin vào cuộc sống.

C. Vì Giôn-xi là người rất mê tín.

D. Vì Giôn-xi và chiếc lá có mối quan hệ mật thiết với nhau.

3. Ý nghĩ nào đã xuất hiện trong đầu cụ Bơ-men khi cụ cùng Xiu lên gác trong đêm hôm trước?

A. Tìm một bác sĩ để chữa bệnh cho Giôn-xi.

B. Tại sao không vẽ một chiếc lá thường xuân bất tử để cứu cô gái?

C. Đưa Giôn-xi đến một nơi khác để chữa bệnh.

D. Đưa Giôn-xi về nhà để em không còn thấy chiếc lá.

4. Chủ đề của đoạn trích chiếc lá cuối cùng là gì?

A. Làm nổi bật tình yêu thương giữa những con người nghèo khổ với nhau.

B. Làm nổi bật đức tính cao cả và sự hi sinh quên mình của cụ Bơ-men.

C. Làm nổi bật sự lo lắng của Xiu giành cho Giôn-xi.

D. Làm nổi bật tài vẽ của cụ Bơ-men.

5. Đối với Giôn-xi, chiếc lá cuối cùng ấy có ý nghĩa như thế nào?

A. Chiếc lá là sinh mệnh của cô.

B. Chiếc lá là mầm sống còn lại của cây.

C. Chiếc lá là cảm hứng để cô tiếp tục vẽ.

D. Chiếc lá là niềm vui hàng ngày của cô.

6. Tại sao chiếc lá trên cây thường xuân không bao giờ rụng nữa?

A. Vì chiếc lá đó chưa đến lúc rụng xuống.

B. Vì chiếc lá đó đã được cụ Bơ-men buộc chặt trên cây.

C. Vì đó là kiệt tác do cụ Bơ-men tạo ra, những chiếc lá thật đã rụng hết.

D. Vì chiếc lá hiểu tâm trạng của Giôn-xi.

7. Vì sao chiếc lá mà cụ Bơ-men vẽ được xem là một kiệt tác?

A. Vì chiếc lá mà cụ Bơ-men vẽ rất đẹp.

B. Vì chiếc lá mà cụ Bơ-men vẽ rất độc đáo.

C. Vì chiếc lá mà cụ Bơ-men vẽ đã mang lại niềm tin cho Giôn-xi.

D. Vì chiếc lá mà cụ Bơ-men vẽ giống như chiếc lá thật.

8. Cái chết của cụ Bơ-men có tác dụng như thế nào đối với nghệ thuật?

A. Đó là cái chết hết sức cao cả.

B. Đó là hành động để cứu sống Giôn-xi.

C. Chứng tỏ một chân lí rằng nghệ thuật không chỉ là cái đẹp mà là vì cuộc sống, vì hạnh phúc của mọi người.

D. Cả A, B và C đều đúng.

9. Vì sao trong đoạn trích, tác giả không kể lại chi tiết cụ Bơ-men vẽ chiếc lá?

A. Vì đó không phải là nội dung chính của tác phẩm.

B. Vì tác giả muốn người đọc tự phát hiện và cảm nhận.

C. Vì tác giả muốn tạo sự bất ngờ cho người đọc.

D. Vì tác giả cảm thấy không cần thiết.

10. Giá trị nghệ thuật của đoạn trích "Chiếc lá cuối cùng" thể hiện ở những điểm nào?

A. Sử dụng phương pháp biểu đạt tinh tế.

B. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ trong việc khắc họa tính cách nhân vật.

C. Miêu tả tâm lí nhân vật một cách độc đáo.

D. Tạo ra cốt truyện hợp lí.

II. TỰ LUẬN

Trình bày các đặc điểm của truyện ngắn qua truyện "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri.

Gợi ý làm bài:

Đối với đề này, chúng ta có thể thực hiện theo ba phần sau:

Phần mở đầu: Giới thiệu về tác giả O Hen-ri và truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của ông; những đặc sắc về nội dung, cốt truyện, nghệ thuật và nhất là ý nghĩa của truyện.

Phần nội dung: trình bày nội dung các vấn đề về *câu chuyện, nhân vật trong truyện, hình tượng chiếc lá do cụ Bơ-men vẽ, ý nghĩa của câu chuyện.*

Về câu chuyện:

Câu chuyện được đặt trong bối cảnh của một khu phố tồi tàn với những căn phòng cho thuê giá rẻ ở phía tây công viên Oa-sinh-tơn, trong khu phố tồi tàn đó có một ngôi nhà ba tầng, đó chính là căn nhà nơi nhân vật chính trong truyện trú ngụ. Thời điểm được xác định là tháng mười một, khi gió lạnh mùa đông bắt đầu tràn về. Hai nữ họa sĩ trẻ và nghèo là Giôn-xi và Xiu đến thuê chung một căn phòng ở tầng trên cùng của căn nhà. Cụ Bơ-men cũng là một họa sĩ nghèo sống ở tầng dưới cùng. Giôn-xi bị bệnh sưng phổi và cảm thấy không muốn sống nữa mặc cho Xiu hết lời động viên và nhiệt tình chăm sóc. Hàng ngày Giôn-xi nằm quay mặt ra cửa sổ, nhìn những chiếc lá trên cây thường xuân rụng dần và đếm những chiếc lá còn lại. Cô nghĩ rằng khi chiếc lá cuối cùng rời khỏi cành thì cũng là lúc cô phải lìa xa cõi đời. Tâm trạng bi quan của Giôn-xi cứ kéo dài và đến tai cụ Bơ-men. Vào một đêm mưa tuyết khủng khiếp, khi chiếc lá cuối cùng trên cây đã rụng, cụ Bơ-men đã vẽ một chiếc lá thường xuân thay cho chiếc lá cuối cùng. Tuyệt tác của cụ Bơ-men đã cứu sống Giôn-xi nhưng cụ lại ốm nặng và qua đời.

Về nhân vật:

Chiếm vị trí trung tâm của truyện chính là hình ảnh từng chiếc lá trên cây thường xuân già rụng dần. Đó là một hình tượng giàu tính nghệ thuật: *một cây thường xuân già cỗi đã cạn nhựa sống chỉ còn lại bộ xương khẳng khiu với mấy chiếc lá và bám vào bức tường đổ nát.* Đây chính là hình ảnh về cuộc đời cô đơn, mòn mỏi của người nghệ sĩ.

Mỗi chiếc lá rụng lại gợi cảm giác rằng cuộc đời đang lụi tàn dần, mỗi phút trôi qua là một phút mất mát: nét tươi tốt dần tan biến nhường chỗ cho vẻ héo hắt, xơ xác.

Mỗi nhân vật trong truyện là một tính cách, một số phận. Xiu là một nữ họa sĩ nghèo phải nhận vẽ minh họa cho một tạp chí, bán tranh cho lão chủ bút để kiếm tiền chăm sóc Giôn-xi, mua rượu Booc-đô cho đứa em ốm, mua sườn lợn để đáp ứng cho cái tính háu ăn của mình... Giôn-xi là một nữ họa sĩ trẻ khát khao được vẽ vịnh Na-plơ, bản thân chị bị viêm phổi nặng và sống nhờ vào sự chăm sóc hết lòng của Xiu; Giôn-xi chán chường và không chút hy vọng, cứ nhìn qua cửa sổ đếm từng chiếc lá thường xuân rơi rụng, mỏi mòn đợi chiếc lá cuối cùng lìa cành, xem đó là khoảnh khắc cuối cùng của đời cô. Bơ-men là một họa sĩ già, thường làm mẫu vẽ cho các nghệ sĩ cùng xóm.

Về hình tượng "Chiếc lá cuối cùng":

Chiếc lá thường xuân vẽ trên tường vào một đêm mưa tuyết khủng khiếp là một tuyệt tác của cụ Bơ-men. Nó đã giúp cho Giôn-xi lấy lại cuộc sống của mình.

Với đức hy sinh cao cả và tài năng tuyệt vời cùng với tâm hồn của một nghệ sĩ giàu lòng nhân ái, cụ Bơ-men đã vẽ chiếc lá thường xuân định mệnh. Chiếc lá được vẽ trong một đêm lạnh buốt khủng khiếp dưới ánh sáng của một chiếc đèn bão với vài chiếc bút lông rơi vung vãi và một bảng màu xanh vàng pha trộn lẫn lộn.

Bơ-men vẽ chiếc lá với mục đích giành lại sự sống cho Giôn-xi. Và quả thật tuyệt tác đó đã có tác dụng màu nhiệm đưa Giôn-xi trở về với cuộc sống, với niềm mơ ước sáng tạo của người nghệ sĩ trẻ.

Về ý nghĩa của chủ đề:

"Chiếc lá cuối cùng" mà cụ Bơ-men vẽ không những là một tác phẩm kiệt xuất về mặt nghệ thuật vì nó giống như thật, mà còn là biểu tượng của lòng nhân ái, đức hy sinh cao cả, sự quên mình để bảo tồn sự sống cho người khác. Như vậy truyện đã "Ca ngợi tình yêu thương con người, ca ngợi mục đích và ý nghĩa cao quý của nghệ thuật là hãy yêu thương và hy sinh sự sống vì con người.

Phần kết luận: Cần tóm tắt các đặc điểm chính của truyện và làm nổi bật hình thức, nội dung tự sự của truyện. Phải thấy rằng truyện chỉ đề cập đến một sự việc nhỏ nhưng tầm ảnh hưởng của nó lại rất lớn lao, đó chính là giá trị của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng".

Bài 9. HAI CÂY PHONG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Làng Ku-ku-rêu chúng tôi nằm ven chân núi, trên một cao nguyên rộng có những khe nước ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống. Phía dưới làng tôi là thung lũng Đất vàng, là cánh đồng thảo nguyên Ca-dắc-xtan mênh mông nằm giữa các nhánh của rặng núi Đen và con đường sắt làm thành một dải thẫm màu băng qua đồng bằng chạy tít đến tận chân trời phía tây.

Phía trên làng tôi, giữa một ngọn đồi, có hai cây phong lớn. Tôi biết chúng từ thuở bắt đầu biết mình. Dù ai đi từ phía nào đến làng Ku-ku-rêu chúng tôi cũng đều trông thấy hai cây phong đó trước tiên, chúng luôn hiện ra trước mắt hết như những ngọn hải đăng đặt trên núi. Thậm chí tôi cũng không biết giải thích ra sao, - phải chăng người ta vẫn đặc biệt trân trọng nâng niu những ấn tượng thời thơ ấu, hay vì do có liên quan đến nghề họa sĩ của tôi, - nhưng cứ mỗi lần về quê, khi xuống xe lửa đi qua thảo nguyên về làng, tôi đều coi bổn phận đầu tiên là từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy.

Dù chúng có cao đến đâu chăng nữa, đứng xa thế cũng khó lòng trông thấy ngay được, nhưng tôi thì bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nhìn rõ.

Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Ku-ku-rêu, và lần nào tôi cũng nghĩ thầm với một nỗi buồn da diết: "Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao chóng về tới làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong! Rồi sau đó đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất".

Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn – chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thuỷ triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm tha thiết nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào.

[...] Vào năm học cuối cùng, trước khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai chúng tôi chạy ào lên đấy phá tổ chim. Cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy

lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả dung đưa như muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền và chúng tôi, lũ nhóc con đi chân đất, công kênh nhau bám vào các mắt mấu và cành cây trèo lên cao làm chấn động cả vương quốc loài chim. Hàng đàn chim hoảng hốt kêu lên, chao đi chao lại trên đầu. Nhưng chúng tôi vẫn chưa coi vào đâu, đến đây đã thấm gì! Chúng tôi cứ leo lên cao nữa, cao nữa – nào xem ai can đảm và khéo léo hơn ai! – và từ trên những cành cao ngất, cao đến ngang tầm cánh chim bay, bỗng như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôi cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng.

[...] Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thảng thốt và vui sướng, rồi trong tiếng xạc xào không ngớt ấy, tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia. Thuở ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hy vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này?

Quả đồi có hai cây phong ấy, không biết vì sao ở làng tôi họ gọi là "Trường Đuy-sen".

(Ai-ma-tốp, *Người thầy đầu tiên*, NXB Văn học, Hà Nội, 1999).

1. Tác phẩm nào sau đây không phải là của nhà văn Ai-ma-tốp?

A. Người thầy đầu tiên. C. Cây phong non trùm khăn đỏ.

B. Đôn Ki-hô-tê. D. Con tàu trắng.

2. Đoạn trích "Hai cây phong" được trích trong tác phẩm nào của nhà văn Ai-ma-tốp?

A. Người thầy đầu tiên. C. Cây phong non trùm khăn đỏ.

B. Đôn Ki-hô-tê. D. Con tàu trắng.

3. Đoạn trích trên của tác giả Ai-ma-tốp được viết trong hoàn cảnh nào?

A. Tác giả sinh sống ở làng và kể lại chuyện làng mình.

B. Tác giả kể lại câu chuyện do người khác nói lại.

C. Tác giả nhìn thấy hai cây phong và nhớ lại khoảng thời gian khi tác giả còn cắp sách đến trường.

D. Tác giả là một nhân vật trong truyện, nhân vật ấy hồi tưởng lại quá khứ với với biết bao kỷ niệm thời tuổi thơ trong đó có ngôi trường dấu yêu.

4. Trong mạch kể xưng là chúng tôi, hình ảnh huyền ảo thực sự làm cho chúng tôi ngây ngất là gì?

A. Là bức tranh thiên nhiên vụt mở ra với chân trời thảo nguyên, dòng sông, làn sương... chất bí ẩn của những miền đất lạ.

B. Hai cây phong khổng lồ với các mắt mấu, những cành cao ngất đến ngang tầm cánh chim bay.

C. Hai cây phong với động tác nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời, tiếng lá xào xạt dịu hiền.

D. Chúng tôi trèo lên cao làm đàn chim hốt hoảng kêu lên, chao đi chao lại trên đầu.

5. Hai cây phong trong đoạn trích được miêu tả trong đoạn trích theo chiều hướng nào?

A. Từ quá khứ về hiện tại.

B. Từ xa trông về.

C. Từ trong làng trông ra.

D. Từ trong hồi tưởng của tác giả.

6. Tác giả đã sử dụng bút pháp gì để làm nổi bật hình ảnh hai cây phong?

A. So sánh và ẩn dụ.

B. Miêu tả.

C. Tường thuật và biểu cảm.

D. Kể chuyện kết hợp với biểu cảm.

7. Từ trên hai cây phong nhìn xuống, điều gì đã lôi cuốn lũ trẻ trong làng mãnh liệt nhất?

A. Ngôi làng yêu dấu.

B. Vùng thảo nguyên bao la và hoang vu.

C. Những miền đất đầy bí ẩn lẩn sau chân trời xanh.

D. Dòng sông xanh uốn lượn dưới chân núi.

8. Đặc điểm nào ở hai cây phong đã để lại trong tác giả nhiều ấn tượng nhất?

A. Hai cây phong có vẻ đẹp không gì so sánh được.

B. Hai cây phong có tiếng nói và tâm hồn.

C. Hai cây phong gắn liền với tuổi thơ của tác giả và nó như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh.

D. Hai cây phong là biểu tượng của làng quê.

9. Vì sao lũ trẻ trong làng lại không phá tổ chim?

A. Vì bọn chúng không thể nào với tới tổ chim.

B. Vì chúng bàng hoàng, sững sốt trước một thế giới vô cùng đẹp đẽ đang mở ra trước mắt.

C. Vì chúng muốn để cho lũ chim lớn thêm nữa.

D. Cả A, B và C đều sai.

10. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu văn: *"Cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền"*?

A. Hoán dụ. C. Ẩn dụ.

B. Nhân hóa. D. So sánh.

II. TỰ LUẬN

1. Nêu nội dung chủ yếu của các tác phẩm Văn học nước ngoài đã học: "Đánh nhau với cối xay gió", "Chiếc lá cuối cùng", "Cô bé bán diêm", "Hai cây phong", "Đi bộ ngao du", "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục"?

2. Tóm tắt truyện ngắn "Người thầy đầu tiên" của tác giả Ai-ma- tốp.

Gợi ý trả lời:

1. Nội dung chủ yếu của các tác phẩm Văn học nước ngoài đã học: *Đánh nhau với cối xay gió, Chiếc lá cuối cùng, Hai cây phong, Đi bộ ngao du, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*

- *Đánh nhau với cối xay gió:* Phê phán những phẩm chất nực cười của Đôn Ki-hô-tê và người giám mã của ông ta, đồng thời ca ngợi một số phẩm chất tốt đẹp của họ, qua đó cho thấy cuộc sống của một lớp người mang danh hiệp sĩ dưới thời Trung đại ở Tây Âu.

- *Cô bé bán diêm*: Nêu cao lòng thương cảm đối với những mảnh đời bất hạnh, nhất là các em nhỏ.

- *Chiếc lá cuối cùng:* Thể hiện tình yêu thương cao cả, đức hi sinh quên mình để bảo tồn sự sống cho người khác.

- *Hai cây phong:* Thể hiện tình yêu quê hương tha thiết và niềm xúc động về câu chuyện người thầy đã vun trồng những ước mơ và hy vọng cho tuổi thơ.

- *Đi bộ ngao du:* Thể hiện tình yêu thiên nhiên và trân trọng những giá trị do thiên nhiên mang lại cho cuộc sống của con người.

- *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục:* Truyện phê phán tính cách khoa trương, ngờ nghệch của một thương nhân thích làm sang qua đó mang lại tiếng cười sảng khoái cho người xem.

2. Tóm tắt truyện "Người thầy đầu tiên" của tác giả Ai-ma-tốp

Nội dung truyện ngắn "Người thầy đầu tiên" được đặt trong bối cảnh của một vùng quê hẻo lánh của nước Cộng hòa Cư-rơ-gư-xtan thuộc miền Trung Á vào những năm 20 của thế kỉ XX. Trong thời kì đó, trình độ phát triển về mọi mặt của vùng đất này còn rất hạn chế, tư tưởng phong kiến và gia trưởng còn rất nặng nề, phụ nữ bị coi thường, trẻ mồ côi bị rẻ rúng. Cô bé An-tư-nai mồ côi sống trong gia đình chú thím ở làng Ku-ku-rêu. Cô bé chẳng được học hành, hàng ngày chịu sự sai khiến và giám sát của bà thím. Đuy-sen được Đoàn thanh niên Cộng sản cử về làng để mở trường. Đuy-sen đã nhanh chóng cứu giúp những em bé ở nơi đây và đưa các em đến trường học. Bà thím ác nghiệt ép gã An-tư-nai cho một lão già. Lần này, An-tư-nai được thầy Đuy-sen cứu thoát và đưa lên tỉnh học, sau đó cô còn được lên học ở Mát-xcơ-va. Cuộc đời thay đổi đối với An-tư-nai, còn thầy Đuy-sen bây giờ đã già và chuyển sang làm nghề đưa thư.

Bài 10. ÔN TẬP TRUYỆN KÍ VIỆT NAM

1. **Chọn câu trả lời đúng về thể loại và năm ra đời của văn bản "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh?**

   A. Nhật kí - 1937.
   C. Truyện dài – 1939.
   B. Tiểu thuyết – 1938.
   D. Truyện ngắn – 1941.

2. **Đặc điểm nghệ thuật nổi bật trong truyện ngắn "Lão Hạc" của Nam Cao là gì?**

   A. Diễn tả tâm lí nhân vật sâu sắc, lối kể chuyện tự nhiên nhưng đậm chất triết lí và trữ tình.
   B. Lời văn tự sự chân thành, trữ tình thiết tha.
   C. Truyện giàu chất thơ với những rung động tinh tế.
   D. Khắc họa tính cách nhân vật và miêu tả hiện thực cuộc sống sinh động, hấp dẫn.

3. **"Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000" là văn bản thuộc thể loại nào?**

   A. Miêu tả.
   C. Tự sự.
   B. Thuyết minh.
   D. Biểu cảm.

4. **Các truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng được viết vào thời kì nào?**

   A. Trước năm 1930.
   C. Từ năm 1945 đến năm 1954.
   B. Từ năm 1930 đến năm 1945.
   D. Sau năm 1954.

5. Giá trị nội dung, tư tưởng của các tác phẩm văn học hiện thực trước năm 1945 là gì?

A. Giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực.

B. Giá trị phê phán và giá trị nhân đạo.

C. Giá trị biểu cảm và giá trị hiện thực.

D. Giá trị biểu cảm và giá trị phê phán.

6. Tác phẩm nào sau đây không thể hiện cuộc sống cùng khổ, đau thương và phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc?

A. *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.

B. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng.

C. *Lão Hạc* của Nam Cao.

D. Cả ba đều đúng.

7. Đoạn trích nào đã thể hiện một cách khéo léo bộ mặt độc ác tàn nhẫn của bọn tay sai thực dân phong kiến và tinh thần phản kháng quyết liệt của người nông dân?

A. *Tức nước vỡ bờ* của Ngô Tất Tố.

B. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng.

C. *Lão Hạc* của Nam Cao.

D. *Chiếc lá cuối cùng* của O Hen-ri.

8. Trong những tác phẩm dưới đây, tác phẩm nào không nhắc đến hình ảnh người mẹ?

A. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng.

B. *Tôi đi học* của Thanh Tịnh.

C. *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.

D. *Lão Hạc* của Nam Cao.

9. Tác phẩm nào dưới đây ghi lại cảm giác hồi hộp và những kỉ niệm trong sáng của một em bé trong ngày đầu tiên đến trường?

A. *Tôi đi học* của Thanh Tịnh.

B. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng.

C. Hai cây phong của Ai-ma-tốp.

D. Chiếc lá cuối cùng của O Hen-ri.

10. Từ năm 1970 trở đi, thế giới đã lấy ngày nào làm ngày kỉ niệm "Ngày Trái Đất"?

A. Ngày 20/10.
B. Ngày 22/4.
C. Ngày 01/5.
D. Ngày 08/3.

Bài 11. THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Ngày 22 tháng 4 hàng năm được gọi là Ngày Trái Đất do một tổ chức bảo vệ môi trường của Mĩ khởi xướng từ năm 1970. Từ đó đến nay đã có 141 nước trên thế giới tham gia tổ chức này, với quy mô và nội dung thiết thực về bảo vệ môi trường.

Ngày Trái Đất hàng năm được tổ chức theo những chủ đề liên quan đến những vấn đề môi trường nóng bỏng nhất của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất với chủ đề "Một ngày không dùng bao bì ni lông".

Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân huỷ của pla-xtic. Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi.

Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

Vì vậy, chúng ta cần phải:

- Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông, cùng nhau giảm thiểu chất thải ni lông bằng cách giặt phơi khô để dùng lại.

- Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.

- Sử dụng các túi đựng không phải bằng ni lông mà bằng giấy, lá, nhất là khi dùng để gói thực phẩm.

- Nói những hiểu biết của mình về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông cho gia đình, bè bạn, và mọi người trong cộng đồng để cùng nhau tìm ra giải pháp cho vấn đề sử dụng bao bì ni lông trước khi thải bỏ bao bì ni lông tới mức gây ô nhiễm nghiêm trọng đối với môi trường.

Mọi người hãy cùng nhau quan tâm tới Trái Đất hơn nữa!

Hãy bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta trước những nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đang gia tăng.

Hãy cùng nhau hành động

"MỘT NGÀY KHÔNG DÙNG BAO BÌ NI LÔNG".

(Theo tài liệu của Sở Khoa học – Công nghệ Hà Nội).

1. Ý nghĩa việc ra đời Ngày Trái Đất là gì?

A. Nhằm tập trung nghiên cứu về Trái Đất.

B. Nhằm bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh.

C. Nhằm nâng cao ý thức bảo vệ và giữ gìn môi trường sống.

D. Nhằm nghiên cứu vũ trụ.

2. Chủ đề chính của Ngày Trái Đất năm 2000 là gì?

A. Hạn chế sử dụng bao ni lông.

B. Một ngày không dùng bao ni lông.

C. Tái sử dụng bao ni lông.

D. Không vứt bao ni lông xuống các cống dẫn nước thải.

3. Phương thức biểu đạt chính trong văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" là gì?

A. Tự sự.

C. Thuyết minh.

B. Biểu cảm.

D. Miêu tả.

4. Đặc tính nào của bao ni lông có thể gây nguy hại cho môi trường khi sử dụng chúng?

A. Đặt tính không phân huỷ của các pla-xtic.

B. Làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh.

C. Có thể gây tắc nghẽn cống thoát nước.

D. Có thể thải ra các chất khí độc hại nếu đem đốt.

5. **Câu nào dưới đây đề cập đến nội dung của văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000"?**

A. Là văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan Nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát đi ngày 22/4/2000 nhân ngày đầu tiên Việt Nam tham gia ngày *Bảo vệ quyền lợi trẻ em.*

B. Là văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan Nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát đi ngày 22/4/2000 nhân ngày đầu tiên Việt Nam tham gia ngày *Bảo vệ Trái Đất.*

C. Là văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan Nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát đi ngày 22/4/2000 nhân ngày đầu tiên Việt Nam tham gia ngày *Bảo vệ hòa bình.*

D. Là văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan Nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát đi ngày 22/4/2000 nhân ngày đầu tiên Việt Nam tham gia *Ngày Trái Đất.*

6. **Ý nghĩa việc ra đời của văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" là gì?**

A. Tạo ra thói quen khi sử dụng bao ni lông của người dân.

B. Hạn chế việc sử dụng bao ni lông của người dân.

C. Phát động một ngày không sử dụng bao ni lông trong nước.

D. Báo động những tác hại của bao ni lông.

7. **Tác hại của bao ni lông được nêu ra trong văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" là gì?**

A. Bao ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn tới hiện tượng xói mòn đất.

B. Bao bì ni lông vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt.

C. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh.

D. Cả A, B và C đều đúng.

8. **Câu nào sau đây không phải là giải pháp được đưa ra trong văn bản: "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000"?**

A. Không sử dụng bao ni lông khi không cần thiết.

B. Tái sử dụng bao ni lông bằng cách giặt và phơi khô.

C. Không nên sử dụng bao ni lông.

D. Thông tin những hiểu biết của mình về bao ni lông cho bạn bè, người thân và xã hội.

9. Văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" đã đề ra giải pháp nào dưới đây cho vấn đề sử dụng bao ni lông?

A. Thay đổi thói quen sử dụng bao ni lông, cùng nhau giảm thiểu chất thải ni lông bằng cách tái sử dụng chúng.

B. Tuyệt đối không sử dụng bao ni lông mà thay vào đó là các loại bao bì khác dễ bị phân huỷ.

C. Mọi người tự tìm hiểu về tác hại của bao ni lông đối với môi trường.

D. Chôn bao ni lông sau khi đã sử dụng.

10. Lời kêu gọi có tính chất bao quát nhất và thiết thực nhất trong văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" là gì?

A. Bỏ thói quen sử dụng bao ni lông lâu nay.

B. Nhận thức về tác hại của bao ni lông là trách nhiệm của mọi người và toàn xã hội.

C. Hãy cùng nhau hành động: "Một ngày không dùng bao ni lông".

D. Xóa bỏ nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường của bao ni lông.

II. TỰ LUẬN

Tóm tắt nội dung văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" và nêu cảm nhận về văn bản đó.

Gợi ý trả lời:

Văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" cho chúng ta những hiểu biết cần thiết về môi trường, về tác hại và phương cách sử dụng hiệu quả bao ni lông.

Về tổ chức và mục đích.

Ngày Trái Đất là ngày 22/4 hàng năm; lúc đầu do một tổ chức bảo vệ môi trường của Mĩ khởi xướng từ năm 1970, đến nay đã có hơn 140 nước trên thế giới tham gia với mục đích bảo vệ môi trường, chủ đề của Ngày Trái Đất hàng năm là những vấn đề nóng bỏng nhất của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000, Việt Nam tham gia vào tổ chức Ngày Trái Đất. Chủ đề "Một ngày không sử dụng bao ni lông" là do nước ta đề xuất.

Những tác hại của bao ni lông.

Tác giả đã phân tích và giải thích một cách chi tiết về những tác hại của việc sử dụng bao ni lông. Đa số chúng ta đều chưa biết về những tác hại của một loại vật dụng tưởng chừng như vô hại này. 5 tác hại được tác giả nêu ra trong văn bản là:

- Bao bì ni lông có chứa chất pla-xtic, một chất không phân huỷ và sẽ gây nguy hại cho môi trường trên khắp mọi miền đất nước. Mỗi ngày chúng ta thải ra hàng triệu bao ni lông, phần lớn trong số đó được vứt bừa bãi ở khắp nơi.
- Bao bì ni lông khi lẫn vào đất sẽ làm cản trở quá trình phát triển của các loài thực vật như cây trồng, hoa cỏ... dẫn đến tình trạng xói mòn ở các vùng đồi núi.
- Bao ni lông vứt bừa bãi sẽ làm tắc nghẽn cống rãnh, kênh mương, gây nên cảnh ứ đọng, ngập lụt; từ đó ruồi muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi nuốt phải.
- Bao bì ni lông màu vốn chứa các chất như chì, ca-đi-mi sẽ làm nhiễm độc thực phẩm khi dùng để đựng, điều này sẽ tác động xấu đến não và là nguyên nhân gây bệnh ung thư phổi.
- Khi đốt các loại bao ni lông sẽ phát sinh ra khói có chứa khí độc đi-ô-xin. Khi hít phải sẽ gây ngộ độc, khó thở, nôn ra máu, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

Tóm lại, sử dụng vô tội vạ bao ni lông sẽ đầu độc môi trường chúng ta và cũng là đầu độc chính chúng ta. Đó là lời cảnh báo của tác giả dành cho mọi người.

Những giải pháp.

Ngày Trái Đất năm 2000 có chủ đề "một ngày không sử dụng bao ni lông" là rất thiết thực. Nếu mọi người ai ai cũng tự giác thực hiện thì môi trường của chúng ta sẽ phải khỏi gánh chịu hàng triệu bao ni lông thải ra mỗi ngày. Những giải pháp cho việc sử dụng bao ni lông hiệu quả đã được tác giả đưa ra. Cụ thể là:

- Thay đổi thói quen và giảm thiểu sử dụng bao ni lông.
- Không sử dụng bao ni lông khi không cần thiết.
- Dùng giấy và lá gói thực phẩm thay cho bao ni lông.
- Nói cho mọi người trong nhà và bạn bè biết những tác hại ghê gớm của bao ni lông và những biện pháp sử dụng bao ni lông hiệu quả.

Vì Trái Đất, vì ngôi nhà chung của chúng ta, ai ai cũng cần quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Một trong những việc làm đầu tiên là hưởng ứng khẩu hiệu "một ngày không dùng bao ni lông".

"Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" là một văn bản thuyết minh. Những kiến thức khoa học về độc tố, về tác hại của bao ni lông đã được tác giả trình bày hết sức ngắn gọn nhưng đầy đủ, thuyết phục mọi người. Những kiến nghị mà tác giả nêu ra rất thiết thực và không khó để thực hiện. Mọi người cần quan tâm hơn nữa đến công tác bảo vệ môi trường để chúng ta thật sự có một môi trường trong lành nhằm bảo vệ chính cuộc sống chúng ta.

Bài 12. CÂU GHÉP

I. TRẮC NGHIỆM

1. Câu nào dưới đây định nghĩa đúng nhất về câu ghép?

A. Là câu do một hoặc hai cụm chủ vị tạo thành.

B. Là câu có hai cụm chủ vị trở lên tạo thành.

C. Là câu có hai cụm chủ vị trở lên bao chứa nhau tạo thành.

D. Là câu có hai cụm chủ vị trở lên không bao chứa nhau tạo thành.

2. Để xem xét một câu có phải là câu ghép hay không, chúng ta phải xem xét khía cạnh nào?

A. Xét quan hệ về mặt ngữ âm giữa các vế câu.

B. Xét quan hệ về mặt ngữ nghĩa giữa các vế câu.

C. Xét quan hệ về mặt ngữ pháp giữa các vế câu.

D. Xét quan hệ về mặt bổ trợ nhau giữa các vế câu.

3. Thế nào là hai cụm chủ vị bao chứa nhau?

A. Hai cụm chủ vị độc lập với nhau, không có quan hệ về mặt ngữ pháp.

B. Hai cụm chủ vị quan hệ song song và bình đẳng với nhau trong câu.

C. Hai cụm chủ vị mà cụm chủ vị này nằm trong cụm chủ vị kia và cụm chủ vị kia bao hàm cụm chủ vị này.

D. Hai cụm chủ vị đó phải tạo nên một câu ghép.

4. Trong các câu sau, câu nào không phải là câu ghép?

A. Hôm nay tôi đi học còn Nam đi chơi thể thao.

B. Hôm nay tôi đi học và đi chơi thể thao.

C. Hôm nay tôi đi học và Nam đi chơi thể thao.

D. Hôm nay tôi đi học, Nam đi chơi thể thao.

5. Trong các câu sau, câu nào là câu ghép?

A. Hôm nay, tôi và Hải cùng nhau giải bài tập.

B. Trời mưa, đường trơn.

C. Bọn thị vệ đang rót mời mụ những thứ rượu quý của các nước phương Tây và dâng cho mụ những thứ bánh ngọt.

D. Ông lão trông thấy, hoảng sợ, cúi rạp xuống đất chào mụ vợ.

6. Trong câu ghép, từ "nếu" là từ chỉ loại quan hệ nào?

A. Quan hệ nguyên nhân – kết quả.

B. Quan hệ bổ sung.

C. Quan hệ khả năng - điều kiện.

D. Quan hệ nội dung – hình thức.

7. Câu: "Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ" (Thanh Tịnh – *Tôi đi học*) có kiểu cấu tạo nào?

A. Câu có hai cụm chủ vị bao chứa nhau.

B. Câu có một cụm chủ vị nằm trong phần trạng ngữ.

C. Câu có hai cụm chủ vị không bao chứa nhau.

D. Câu có thành phần trạng ngữ và một cụm chủ vị.

8. Câu: "Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị" đã sử dụng phương pháp nào để nối các câu ghép?

A. Dùng các dấu câu.

B. Dùng các dâu câu và từ có quan hệ điều kiện.

C. Dùng từ có quan hệ nguyên nhân.

D. Dùng từ có quan hệ bổ sung.

9. Trong câu ghép không sử dụng quan hệ từ để nối các vế câu thì bắt buộc phải sử dụng dấu câu nào sau đây?

A. Dấu hai chấm.

B. Dấu chấm.

C. Dấu phẩy.

D. Dấu chấm phẩy.

10. Quan hệ từ nào sau đây không phải là loại quan hệ từ dùng để nối các vế câu ghép với nhau?

A. Quan hệ từ chỉ nguyên nhân.

B. Quan hệ từ chỉ điều kiện.

C. Quan hệ từ chỉ nhượng bộ.

D. Quan hệ từ chỉ cách thức.

Bài 13. ÔN DỊCH, THUỐC LÁ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Dịch hạch, thổ tả, hàng vạn hàng triệu người chết, nhờ tiến bộ y học, loài người hầu như đã tiệt trừ được những dịch khủng khiếp ấy. Nhưng vào cuối thế kỷ này lại xuất hiện những ôn dịch khác.

Cả thế giới đang lo âu về nạn AIDS, chưa tìm ra giải pháp, thì nhiều nhà bác học, sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu đã lớn tiếng báo động:

Ôn dịch thuốc lá đang đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.

Ngày trước Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua:

"Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu".

Hẳn rằng người hút thuốc lá không lăn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu.

Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi bị chất hắc ín trong khói thuốc làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

Trong khói thuốc lá lại có chất ôxit các-bon, chất này thấm vào máu, bám chặt các hồng cầu không cho chúng tiếp cận ôxi nữa. Không lạ gì sức khỏe của người nghiện thuốc ngày càng sút kém.

Thấm vào các tế bào, chất hắc ín lại thường gây ra ung thư. Ta đến bệnh viện K sẽ thấy rõ: Bác sĩ viện trưởng cho biết trên 80% ung thư vòm họng và ung thư phổi là do thuốc lá.

Ta đến Viện Nghiên cứu các bệnh tim mạch, bác sĩ viện trưởng cho biết: Chất ni-cô-tin của thuốc lá làm các động mạch co thắt lại, gây những bệnh nghiêm trọng như huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim. Có thấy một bệnh nhân bị tắc động mạch chân lên những cơn đau như thế nào, rồi phải cắt dần từng ngón chân đến cả bàn chân; có thấy những người 40-50 tuổi đã chết

đột xuất vì nhồi máu cơ tim; có thấy những khối ung thư ghê tởm mới nhận ra tác hại ghê gớm của thuốc lá.

Không cần nhắc đến những việc nghiêm trọng như vậy, chỉ riêng bệnh viêm phế quản của hàng triệu người cũng đã làm mất bao nhiêu ngày công lao động và làm tổn hao sức khoẻ cộng đồng.

[...] Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh mặc tôi!

Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh. Anh uống rượu say mèm, anh làm anh chịu. Nhưng hút thuốc thì người gần anh cũng hít phải luồng khói độc. Điều này hàng nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rất rõ.

Vợ con, những người làm việc cùng phòng với những người nghiện thuốc cũng bị nhiễm độc, cũng đau tim mạch, viêm phế quản, cũng bị ung thư. Anh có quyền hút, nhưng có mặt người khác, xin mời anh ra ngoài sân, ngoài hành lang mà hút.

Tội nghiệp thay những cái thai còn nằm trong bụng mẹ, chỉ vì có người hút thuốc ngồi cạnh mẹ mà thai bị nhiễm độc, rồi mẹ đẻ non, con sinh ra suy yếu. Hút thuốc cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác. [...]

(Theo Nguyễn Khắc Viện, *Từ thuốc lá đến ma túy – Bệnh nghiện*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992).

1. Nhan đề của bài văn "Ôn dịch, thuốc lá" có ý nghĩa như thế nào?

A. Những người nghiện thuốc lá cũng giống như những người đang mắc phải một loại bệnh dịch nguy hiểm.

B. Dịch thuốc lá có thể tàn phá cơ thể của con người một cách nhanh chóng, giống như bệnh AIDS.

C. Nghiện thuốc lá không những là một loại bệnh dịch mà còn là một loại bệnh dịch vô cùng nguy hiểm.

D. Khuyên con người nên tránh xa thuốc lá, không nên tiếp xúc với nó để tránh nguy cơ gây bệnh.

2. Khói thuốc lá xâm nhập vào cơ thể con người thông qua con đường nào?

A. Đường mẹ truyền sang con.

B. Đường máu.

C. Qua tiếp xúc trực tiếp với người bệnh như bắt tay, sử dụng chung dụng cụ vệ sinh hằng ngày.

D. Qua đường hô hấp.

3. Tác hại lớn nhất mà thuốc lá mang đến cho con người là tác hại nào?

A. Kinh tế bị thiệt hại nghiêm trọng, sản xuất đình trệ, kém phát triển.

B. Tiêu tốn nhiều tiền của, gây ô nhiễm môi trường không khí.

C. Hủy hoại cơ thể con người, làm suy yếu sức khỏe cộng đồng.

D. Làm cho các tệ nạn xã hội ngày càng bùng phát dữ dội, đe dọa đến trật tự trị an.

4. Hãy cho biết, từ "Ôn dịch" trong văn bản *Ôn dịch, thuốc lá* được hiểu như thế nào?

A. Là một loại tà ma, quỷ quái rất đáng sợ.

B. Là một loại bệnh nguy hiểm, gây chết người hàng loạt.

C. Là một từ dùng để chửi rủa.

D. Nói về những loài động vật có hại đối với đời sống con người.

5. Câu nào dưới đây nói không đúng về tác hại của khói thuốc lá?

A. Khói thuốc lá gây ra bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn lây lan trong không khí như bệnh lao.

B. Khói thuốc lá gây ra tác hại về đường hô hấp, gây viêm phế quản, ung thư phổi.

C. Khói thuốc lá gây ra những bệnh nghiêm trọng về tim mạch và ung thư.

D. Khói thuốc lá gây ra ảnh hưởng đến sức khỏe của những người xung quanh.

6. Trong văn bản "Ôn dịch, thuốc lá", tác giả đã sử dụng những phương thức nào để tạo lập văn bản?

A. Phương pháp thuyết minh và phương pháp lập luận.

B. Phương pháp thuyết minh và phương pháp tự sự.

C. Phương pháp miêu tả và phương pháp lập luận.

D. Phương pháp miêu tả và phương pháp biểu cảm.

7. Nội dung của văn bản "Ôn dịch, thuốc lá" đề cập đến vấn đề nào sau đây?

A. Hút thuốc lá là một thói quen rất dễ lây lan, dễ gây nghiện.

B. Nêu lên những tác hại mà thuốc lá gây ra nhưng không dễ kịp thời nhận biết.

C. Thuốc lá gây những thiệt hại nặng nề về sức khỏe của cá nhân, cộng đồng và xã hội.

D. Cả A, B, C đều đúng.

8. Trong văn bản trên, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào để so sánh với tác hại đáng sợ của thuốc lá?

A. Hình ảnh sự xâm lược của quân giặc ngoại xâm.

B. Hình ảnh loài chuột chuyên môn gặm nhấm.

C. Hình ảnh của những con tằm ăn lá dâu.

D. Hình ảnh của những đợt sóng thần hung tợn.

9. Trong câu văn sau: "Hẳn rằng người hút thuốc lá không lăn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu", tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?

A. Tác hại của thuốc lá đến đời sống con người là không đáng kể.

B. So với tác hại của rượu bia, tác hại của thuốc lá rất nhỏ, không ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

C. Người hút thuốc lá không bị say, cũng không bị chết.

D. Tác hại của thuốc lá đến cơ thể con người chậm hơn rất nhiều so với các chất kích thích khác nhưng lại rất nặng nề.

10. Hiện nay, những người bị nghiện thuốc lá có thể cai nghiện hoàn toàn được. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

II. TỰ LUẬN

1. Nhan đề "Ôn dịch, thuốc lá" có ý nghĩa gì?

2. Phân tích văn bản "Ôn dịch, thuốc lá" theo bốn phần của văn bản?

Gợi ý trả lời:

1. Nhan đề *"Ôn dịch, thuốc lá"*

- Thuốc lá là cách gọi tắt của tệ nghiện thuốc lá. So sánh tệ nghiện thuốc lá với một căn bệnh (ôn dịch) cho thấy tác giả muốn nhấn mạnh điểm giống nhau giữa hai "loại bệnh". Chúng có đặc điểm chung là dễ lây lan và gây nguy hiểm cho sức khỏe của con người. Nhưng từ "ôn dịch" trong văn bản không chỉ có ý nghĩa như một thứ bệnh lây lan mà còn là một căn bệnh nguy hiểm.

- Từ "ôn dịch" thường dùng làm tiếng chửi rủa. Việc để dấu phẩy giữa hai từ trong tiêu đề cho thấy tác giả muốn tỏ thái độ căm tức, ghê tởm đối với thuốc lá. Đó là sự khinh miệt đối với một căn bệnh đang lạn tràn trong cộng đồng xã hội.

- Nếu trong tiêu đề không có dấu phẩy hoặc thay bằng một câu khác thì văn bản không còn giá trị biểu cảm nữa.

2. Phân tích văn bản "*Ôn dịch, thuốc lá*" theo bốn phần của văn bản

Văn bản "Ôn dịch, thuốc lá" của Nguyễn Khắc Viện có thể được chia làm 4 phần, nội dung của mỗi phần có thể tóm tắt như sau:

- *Phần 1:* từ *Dịch hạch, thổ tả ... còn nặng hơn cả AIDS".*

Tác giả đặt vấn đề, nêu tầm quan trọng và tính chất nghiêm trọng của vấn đề được nêu trong văn bản.

Dựa vào kết luận của hơn năm vạn công trình nghiên cứu, tác giả đưa ra nhận định và xem như đó là một tiên đề: Ôn dịch, thuốc lá đang đe dọa sức khỏe và tính mạng của loài người còn nặng hơn cả bệnh AIDS.

- *Phần 2:* từ *Ngày trước Trần Hưng Đạo ... sức khỏe cộng đồng.*

Cách thức mà thuốc lá làm hại đến sức khỏe của con người, nó không làm người ta lăn đùng ra chết nên không dễ nhận biết. Do vậy, thuốc lá là một kẻ thù tiềm tàng, có thể gây hại bất cứ lúc nào.

Để cụ thể hơn, tác giả đã so sánh việc chống thuốc lá với chống giặc ngoại xâm. Tác giả đã mượn lời của thiên tài quân sự Trần Hưng Đạo để nói về tác hại của thuốc lá. *Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu.* Dâu được ví với con người, tằm ví với khói thuốc lá. Tằm ăn dâu dần dần, tuy nhiên, nếu tằm ăn dâu thì có thể nhận biết ngay là đến đâu, nhưng tác hại của khói thuốc lá cho con người thì không thể thấy được. Những công trình nghiên cứu đã cho thấy trong khói thuốc lá có đến 4000 loại hóa chất trong khói thuốc lá có thể gây bệnh hiểm nghèo. Tiếc thay nhiều người cảm thấy sảng khoái khi nhả khói phì phèo, thậm chí còn xem đó là một biểu tượng cho sự sang trọng.

Sau khi nêu tác hại ghê gớm của khói thuốc lá đối với sức khỏe của con người, tác giả nêu lên một thiệt hại khác đó là về mặt kinh tế và xã hội. Chẳng hạn, chỉ vì bệnh viêm phế quản, chúng ta có thể mất đi bao nhiêu ngày công lao động.

- *Phần 3:* từ *Có người bảo ... mà còn nêu gương xấu.*

Nếu trong phần thứ hai tác giả nêu tác hại của khói thuốc đối với bản thân người hút thì trong phần này tác giả lại đề cập đến tác hại đối với những người không hút thuốc nhưng phải hứng chịu khói thuốc từ chung quanh. Đây là điều mà không phải ai cũng biết. Để làm nổi bật điều này, tác giả đã mở đầu bằng lời biện minh thường gặp ở những người hút thuốc: "Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!". Bằng những lập luận chặt chẽ, dẫn chứng sinh động và cả tình cảm nhiệt thành, tác giả đã bác bỏ luận điểm sai lầm ấy.

Có hai khái niệm được giới khoa học dùng phổ biến là *hút thuốc lá chủ động* và *hút thuốc lá bị động*. Không hút thuốc nhưng để cho khói thuốc gây tác hại đến bản thân gọi là hút thuốc lá bị động hoặc hút thuốc lá thụ động.

Những người hút thuốc làm cho những người chung quanh sẽ hút thuốc lá bị động, đó là một tấm gương xấu về mặt đạo đức.

- *Phần 4: phần còn lại.*

Trình bày cảm nghĩ và lời bình của tác giả: "Nghĩ đến mà kinh! Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này". Tác giả đã so sánh tình hình hút thuốc lá ở Việt Nam và các nước Âu - Mĩ. Ta nghèo hơn các nước Âu – Mĩ rất nhiều nhưng xài thuốc lá tương đương với các nước đó. Đó là điều không thể chấp nhận. Để chống tệ hút thuốc lá, các nước đó đã tiến hành những chiến dịch, thực hiện những biện pháp ngăn ngừa quyết liệt hơn ta. Đó là điều thứ hai đáng để suy nghĩ.

Sự so sánh ở phần này của văn bản vừa có tác dụng làm rõ hơn tính đúng đắn của những điều được thuyết minh ở các phần trên, vừa tạo đà thuận lợi, cơ sở vững chắc cho tác giả nêu lên lời phán xét cuối cùng.

Bài 14. BÀI TOÁN DÂN SỐ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Có người cho rằng: Bài toán dân số đã được đặt ra từ thời cổ đại. Lúc đầu tôi không tin điều này. Bởi vì vấn đề dân số kế hoạch hoá gia đình chỉ mới được đặt ra vài chục năm nay. Còn nói từ thời cổ đại tức là chuyện của dăm bảy ngàn năm về trước. Độ chênh lệch về thời gian ấy, ai mà tin được! Thế mà nghe xong câu chuyện này, qua một thoáng liên tưởng, tôi bỗng "sáng mắt ra".

Đó là câu chuyện từ một bài toán cổ kể về chuyện kén rể của nhà thông thái. Nhà thông thái nọ có một cô con gái rất đẹp. Đến tuổi cập kê, cô gái cần tuyển một đấng phu quân. Rất nhiều chàng trai đến dự thi. Được làm rể nhà thông thái là điều vô cùng hấp dẫn, nhất là đối với con cái của nhà giàu có. Nhà thông thái đưa ra một bàn cờ tướng gồm 64 ô. Ông yêu cầu các chàng trai thực hiện theo điều kiện sau: đặt một hạt thóc vào ô thứ nhất; ô thứ hai đặt 2 hạt thóc; và các ô tiếp theo số thóc cứ thế nhân đôi. Ai đủ số thóc theo yêu cầu của bài toán thì sẽ là chồng cô gái. Ban đầu ai cũng tưởng có gì mà không đủ. Nhưng rồi kết cục không chàng trai nào đủ thóc để lấy được cô gái. Số thóc

được tính ra theo bài toán cấp số nhân ấy, nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt trái đất này. Một con số kinh khủng biết chừng nào.

Bây giờ nếu ta tạm thời công nhận theo Kinh Thánh, khi khai thiên lập địa, trái đất này mới chỉ có hai người: một chàng Adam và một nàng Eva; thì đến năm 1995 dân số toàn thế giới là 5,63 tỉ người. Theo bài toán cổ kia thì loài người phát triển theo cấp số nhân, công bội là 2, đã đạt đến ô thứ 30. Đó là với điều kiện mỗi gia đình chỉ có 2 con, và đã trừ đi tỉ lệ tử vong (kể cả dịch bệnh và chiến tranh không quá 5%).

Trong thực tế một phụ nữ có khả năng sinh được rất nhiều con. Theo thống kê của hội nghị Cai-rô (Ai Cập) họp ngày 5 tháng 9 năm 1994 thì tỉ lệ sinh con của một phụ nữ Ấn Độ là 4,5; Nê-pan là 6,3... Tính chung toàn châu Phi là 5,8; phụ nữ Việt Nam là 3,7. Như vậy, phấn đấu để mỗi gia đình có từ một đến hai con là một chỉ tiêu rất khó khăn. Với tỉ lệ hằng năm tăng 1,73 % như mười lăm năm trước và 1,57% năm 1990 thì dân số hành tinh của chúng ta năm 2015 sẽ là hơn 7 tỉ người. Theo bài toán cổ trên, số dân ấy đã mon men sang ô thứ 31 của bàn cờ.

Đừng để cho mỗi con người trên trái đất chỉ còn diện tích một hạt thóc. Muốn thế phải góp phần làm cho chặng đường đi đến ô thứ 64 càng dài lâu hơn càng tốt. Đó là con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người.

(Theo Thái An, *Báo Giáo dục và Thời đại Chủ nhật*, số 28, 1995).

1. Văn bản "Bài toán dân số" được viết theo phương thức biểu đạt nào dưới đây?

A. Phương pháp thuyết minh, lập luận kết hợp với tự sự.

B. Phương pháp lập luận kết hợp với phương pháp thuyết minh.

C. Phương pháp thuyết minh kết hợp với phương pháp miêu tả.

D. Phương pháp tự sự kết hợp với phương pháp miêu tả.

2. Nội dung chính của văn bản "Bài toán dân số" đề cập đến vấn đề gì?

A. Sự gia tăng dân số quá nhanh là một hiểm họa cần được báo động.

B. Hạn chế sự gia tăng dân số là vấn đề có tính chất sống còn của mỗi người, mỗi quốc gia và trên toàn thế giới.

C. Thế giới đang đứng trước nguy cơ dân số tăng đột biến.

D. Cả A, B, C đều đúng.

3. Vấn đề chủ yếu mà tác giả đặt ra cho con người trong văn bản "Bài toán dân số" là gì?

A. Phải có biện pháp cụ thể để bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em trên toàn thế giới.

B. Nếu không có biện pháp hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ làm hại chính mình.

C. Phải có biện pháp để giải quyết tình trạng thất nghiệp cho người dân và nâng cao chất lượng cuộc sống.

D. Sự gia tăng dân số có tầm quan trọng to lớn đến khả năng phát triển của từng quốc gia.

4. Con đường, biện pháp tốt nhất để hạn chế sự gia tăng dân số là gì?

A. Nhà nước có quy định bắt buộc về tỉ lệ sinh con ở mỗi gia đình.

B. Giải quyết tình trạng đói nghèo, lạc hậu, mù chữ ở phụ nữ.

C. Đẩy mạnh giáo dục tuyên truyền, nâng cao sự hiểu biết ở phụ nữ.

D. Nên có mức phạt để cảnh cáo những vi phạm về vấn đề sinh con ở các gia đình.

5. Số thóc dùng cho các ô của bàn cờ được tác giả liên tưởng đến:

A. Tỉ lệ gia tăng dân số trên thế giới rất cao, đến mức báo động.

B. Dân số ở châu Á trong những năm gần đây.

C. Khả năng sinh con của phụ nữ trên toàn thế giới.

D. Số lễ vật mà chàng trai phải mang đến gia đình cô gái trong lễ cưới.

6. Theo những số liệu minh họa trong bài viết, hãy cho biết tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở châu lục nào là lớn nhất?

A. Châu Á.

B. Châu Âu.

C. Châu Mỹ.

D. Châu Phi.

7. Nguyên nhân chính dẫn đến việc gia tăng dân số đột biến là gì?

A. Do yêu cầu phải đáp ứng nguồn lực lao động.

B. Do yêu cầu phải có con trai để gánh vác trọng trách trong gia đình.

C. Do khả năng sinh sản của người phụ nữ là rất lớn.

D. Do không có biện pháp kế hoạch hoá gia đình và khả năng hiểu biết của phụ nữ bị hạn chế.

8. Hậu quả nặng nề nhất của việc gia tăng dân số thế giới là gì?

A. Mất ổn định chính trị trên toàn cầu, tạo ra nhiều tệ nạn xã hội.

B. Nền kinh tế thế giới bị giảm sút nghiêm trọng, tình trạng thiếu lương thực thường xuyên xảy ra.

C. Ảnh hưởng nghiêm trọng đến vấn đề "Tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người.

D. Nền giáo dục các nước thấp kém, ô nhiễm môi trường thường xuyên đe dọa cuộc sống của con người.

9. Đọc đoạn văn sau và cho biết ý nào phản ánh đúng nội dung của đoạn văn đã cho?

"Trong thực tế, một người phụ nữ có khả năng sinh được rất nhiều con. Theo thống kê của Hội nghị Cai-rô (Ai Cập) họp ngày 5/9/1994 thì tỉ lệ sinh con của một phụ nữ Ấn Độ là 4,5; Nê-pan là 6,3... Tính chung toàn châu Phi là 5,8; Phụ nữ Việt Nam là 3,7...".

A. Chỉ tiêu đặt ra cho mỗi gia đình chỉ có từ một đến hai con là rất khó thực hiện được.

B. Phụ nữ châu Phi là những người có tỉ lệ sinh con tự nhiên cao nhất trên thế giới.

C. Sinh con, nuôi con là quyền lợi tự nhiên vốn có mà thượng đế đã ban tặng cho mỗi người phụ nữ.

D. Gia tăng dân số ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều vấn đề của xã hội.

10. Trong văn bản "Bài toán dân số", tác giả sử dụng biện pháp liệt kê trong đoạn văn thứ tư (kể về các tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở các châu lục) nhằm mục đích gì?

A. Để chứng minh tính thực tiễn của bài toán.

B. Để toàn thế giới dễ dàng nhận thức được tác hại nghiêm trọng của việc gia tăng dân số quá mức.

C. Đưa ra những bằng chứng để thuyết phục mọi người hãy tự mình góp phần làm giảm tỉ lệ sinh tự nhiên.

D. Để thông báo cụ thể về thực tiễn phát triển dân số ở các châu lục, giúp người đọc hình dung rõ tình hình gia tăng dân số của từng nước.

II. TỰ LUẬN

Qua văn bản "Bài toán dân số", chúng ta có thể rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển xã hội?

Gợi ý trả lời:

Điểm nhấn của văn bản "Bài toán dân số" chính là những số liệu theo thống kê của hội nghị Cai-rô (Ai Cập) họp ngày 5 tháng 9 năm 1994 đưa ra. Những số liệu này cho thấy tỉ lệ sinh con của phụ nữ khắp các nơi trên thế giới là rất lớn, *phụ nữ Ấn Độ là 4,5; Nê-pan là 6,3..., tính chung toàn châu Phi là 5,8; phụ nữ Việt Nam là 3,7. Như vậy, phấn đấu để mỗi gia đình có từ một đến hai con là một chỉ tiêu rất khó khăn. Với tỉ lệ hằng năm tăng 1,73 % như mười lăm năm trước và 1,57% năm 1990 thì dân số hành tinh của chúng ta năm 2015 sẽ là hơn 7 tỉ người.* Một vấn đề cần được quan tâm là phụ nữ ở những nước nghèo lại có khả năng sinh nhiều con. Những nước kém phát triển ở hai châu lục là châu Phi và châu Á lại là những nước có tốc độ gia tăng dân số nhiều nhất. Chính sự phát triển dân số ào ạt này ảnh hưởng đến khả năng phát triển xã hội của những nước đó. Sự bùng nổ dân số luôn đi kèm với nghèo nàn, lạc hậu, kinh tế kém phát triển, văn hóa, giáo dục không được cải thiện... Ngược lại, khi kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục không được nâng cao thì thì không thể khống chế được tình trạng gia tăng dân số. Hai mặt trên có liên quan với nhau và tác động trực tiếp lên nhau, ở những nước có nền kinh tế phát triển cao như Nhật, Đức, Mĩ... tỉ lệ sinh của họ rất thấp; trong khi đó những nước nghèo đói nhất lại có tỉ lệ sinh cao nhất.

Từ thực trạng trên, muốn giải quyết vấn nạn bùng nổ dân số cần phải cải thiện trước tiên về kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục, văn hóa... Cần có sự trợ giúp của các nước phát triển trong sự nghiệp ngăn chặn sự gia tăng dân số quá mức.

Bài 15. VÀO NHÀ NGỤC QUẢNG ĐÔNG CẢM TÁC

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,
Chạy mỏi chân thì hãy ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn biển,
Lại người có tội giữa năm châu.
Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,

Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.

(Phan Bội Châu, trong *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX*, NXB Văn học, Hà Nội, 1976).

1. Nội dung chính trong các tác phẩm của Phan Bội Châu đề cập đến những vấn đề gì?

A. Thể hiện lòng yêu nước, yêu thương dân tha thiết của tác giả trước cảnh nước mất nhà tan.

B. Thể hiện khát vọng độc lập, tự do, mong muốn đất nước giàu mạnh.

C. Thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất, chiến đấu bền bỉ cho sự nghiệp cách mạng.

D. Cả A, B, C đều đúng.

2. Bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" của Phan Bội Châu được viết bằng:

A. Chữ Quốc ngữ.

B. Chữ Hán.

C. Chữ Nôm.

D. Chữ Nôm và chữ Hán.

3. Bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" nằm trong tập thơ nào của Phan Bội Châu?

A. *Hải ngoại huyết thư* viết bằng chữ Hán.

B. *Sào nam thi tập* viết bằng chữ Hán và chữ Nôm.

C. *Ngục trung thư* viết bằng chữ Hán.

D. *Trùng quang tâm sử* viết bằng chữ Hán.

4. Bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Khi tác giả gặp gỡ Phan Châu Trinh và tranh luận về con đường cứu nước.

B. Khi tác giả chuẩn bị lên đường sang Trung Quốc tìm đường cứu nước.

C. Vào đầu năm 1914 khi tác giả bị bọn quân phiệt tỉnh Quảng Đông bắt giam vào ngục.

D. Khi tác giả lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân đánh vào nhà ngục Quảng Đông.

5. Nội dung của bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" là gì?

A. Thể hiện phong thái ung dung, khí phách kiên cường, bất khuất trước cảnh tù ngục khốc liệt của nhà thơ.

B. Thể hiện nỗi buồn bã, cô đơn của tác giả trong những ngày bị giam cầm trong ngục.

C. Thể hiện nỗi đau về thể xác và tinh thần khi bị tra khảo, gông cùm.

D. Thể hiện ý chí không khuất phục trước sức mạnh của kẻ thù.

6. Bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt.

B. Thất ngôn bát cú Đường luật.

C. Song thất lục bát.

D. Thể thơ tám chữ.

7. Ba chữ "Bồ kinh tế" trong câu thơ *Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế* có ý nghĩa gì?

A. Là dụng cụ đựng thóc gạo thời xưa.

B. Là ám chỉ sự nghiệp cách mạng lâu dài và vĩ đại.

C. Là nói lên ước mơ giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc ra khỏi cuộc đời nô lệ.

D. Ba từ này lấy từ chữ "kinh tế bang thế" có nghĩa là trị nước cứu đời. Đây là một hoài bão lớn lao của những anh hùng hào kiệt.

8. Bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" được viết với một giọng điệu như thế nào?

A. Bi ai, sầu thảm, buồn thê lương.

B. Giọng điệu nhẹ nhàng, sâu lắng.

C. Giọng điệu hùng hồn, mạnh mẽ.

D. Giọng điệu êm đềm, thánh thót, du dương.

9. Ý nào sau đây thể hiện đúng nhất về nội dung hai câu thơ "Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu – Chạy mỏi chân thì hãy ở tù"?

A. Thể hiện thái độ sợ sệt, mệt mỏi, chán nản của tác giả.

B. Thể hiện niềm tự hào cao độ về những hành động chính nghĩa mà mình đã làm cho đất nước.

C. Thể hiện thái độ coi thường mọi hiểm nguy và tinh thần quyết tâm không hề nao núng, sờn lòng của tác giả trước khó khăn.

D. Thể hiện thái độ hài hước của tác giả khi mình bị bắt giam.

0. Phan Bội châu là lãnh tụ của:

A. Việt Nam cách mạng Đảng.

B. Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

C. Tân Việt cách mạng Đảng.

D. Phong trào Đông Du đưa học sinh ra nước ngoài học tập.

I. TỰ LUẬN

Phân tích bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" của Phan Bội Châu.

Gợi ý làm bài:

Bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" của Phan Bội Châu được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú, giọng thơ mạnh mẽ hào hùng. Phan Bội Châu viết bài thơ này khi đang bị bắt giam trong ngục với những cực hình mà chính quyền thực dân áp dụng: cổ đeo gông, chân tay bị xiềng xích. Cảnh ngộ éo le này càng làm tăng cốt cách và khí phách anh hùng của Phan Bội Châu trong bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác".

Bốn phần trong bài thơ chia theo kết cấu: đề, thực, luận, kết. Tác giả nói đến chết và sống trong phần đề. Câu phá đề bộc lộ một tâm thế coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh: *Nếu chết xong đi thế cũng hay.* Câu thừa đề tác giả lại nói đến yếu tố sống: *Còn ta, tại lại tính cho mày! Mày* ở đây chính là thực dân Pháp, bè lũ vua quan bán nước, là bọn tay sai Long Tế Quang... *Tính* là tính sổ, là trả thù cái tội ác mà *mày* gây ra cho dân tộc *ta.* Bao nhiêu căm hận của tác giả đã dồn vào chữ *mày* trong câu. Hai câu đề trong bài thơ đề cập đến hai thái cực trái ngược nhau, tác giả sẵn sàng *chết* vì biết đó là chết vinh; nhưng còn một điều mà tác giả phải sống, đó là sống để *tính* với quân thù.

Hai câu thực đăng đối, tác giả sử dụng hình tượng tượng trưng, biểu lộ một niềm tin sáng chói. Người anh hùng chân chính không thể chết trong ngục tù. Con đường cách mạng (*ruổi gió mây*) vẫn còn ở phía trước nên không có kẻ thù nào có thể ngăn cản được. Ngôn ngữ thơ vừa đối xứng, vừa tương phản đầy ấn tượng. Hai chữ *đâu có* và *há không* đối nhau, phủ định và khẳng định một sự nghiệp chính nghĩa cao cả:

Trời đâu có ngục chôn thần thánh,
Đất há không đường ruổi gió mây.

Tác giả khẳng định niềm tin của mình vào sự nghiệp cách mạng của mình, *há không* có con đường cho tác giả cống hiến bản thân mình.

Phần luận thể hiện một cốt cách anh hùng của người chiến sĩ vĩ đại, một chí lớn vượt qua mọi thử thách, không lùi bước trước mọi nguy hiểm để hướng tới sự nghiệp *tát cạn bể Đông, mở quang ngàn Bắc*. Phan Bội Châu đã từng kêu gọi đồng chí, đồng bào đoàn kết đứng lên chiến đấu bằng gươm giáo, bằng xương máu, bằng thơ ca: *thiết chiến, thiệt chiến, huyết chiến* để giành lại tự do. *Chèo tấc lưỡi, vẫy đôi tay* là hình ảnh hoán dụ đầy ý nghĩa. Hình ảnh trời, đất ở phần thực cùng với bể Đông, ngàn Bắc đã mở ra một không gian bao la, kì vĩ; đó cũng là tầm vóc lớn lao của người anh hùng cách mạng *gan không núng, chí không mòn:*

Tát cạn bể Đông chèo tấc lưỡi
Mở quang ngàn Bắc vẫy đôi tay.

Hai câu kết là lời động viên, kêu gọi chiến đấu. Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc là to lớn, là *ngàn thu* chứ không phải là ngày một ngày hai. Cho nên phải *gắng sức*, phải biết *xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ* như tác giả từng nói trong *Bài ca chúc Tết thanh niên.* Đó cũng chính là lời động viên chính tác giả trong hoàn cảnh éo le này:

Anh em ai nấy xin thêm gắng,
Công nghiệp ngàn thu há một ngày.

Ngôn ngữ câu thơ khoa trương, hình ảnh tượng trưng, hài hòa và cân xứng giọng thơ hào hùng là vẻ đẹp của bài thơ. Đây là bài ca yêu nước, là ý chí quyết tâm của tác giả thể hiện khí phách hiên ngang, bất khuất của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

Bài 16. ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,

Gian nan chi kể việc con con!

(Phan Châu Trinh, *Đập đá ở Côn Lôn*).

1. Tác phẩm nào sau đây không phải là của Phan Châu Trinh?

A. Ngục trung thư.

B. Tây Hồ thi tập.

C. Giai nhân kì ngộ.

D. Tỉnh quốc hồn ca.

2. Đặc điểm chính trong văn chính luận của Phan Châu Trinh là gì?

A. Thấm đượm tinh thần nghĩa hiệp và nho nhã của những Nho sĩ trong thời phong kiến.

B. Giàu tính hùng biện, đanh thép, thấm đượm tinh thần yêu nước.

C. Toát lên vẻ đẹp của phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ.

D. Ca ngợi tinh thần trung quân ái quốc của người dân Việt Nam.

3. Bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" được Phan Châu Trinh sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Viết vào năm 1908, khi Phan Châu Trinh đi ngao du ở Côn Lôn.

B. Viết vào năm 1908, khi phong trào chống thuế Trung Kì diễn ra.

C. Viết vào năm 1908, khi Phan Châu Trinh bị bắt giam tại Côn Đảo và phải tham gia lao động khổ sai.

D. Khi Phan Châu Trinh tham gia thuyết giảng kêu gọi duy tân đất nước.

4. Chủ đề của bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" nói lên điều gì?

A. Miêu tả lại cảnh đập đá ở Côn Lôn.

B. Dựng lại hình ảnh lao động khổ sai của các chiến sĩ cách mạng khi bị giặc bắt.

C. Đề cao công lao của các chiến sĩ cách mạng trong cuộc đấu tranh chống quân xâm lược.

D. Thể hiện ý chí kiên cường bất khuất, khí phách hiên ngang, lòng trung thành sắt son của người chiến sĩ cách mạng.

5. Trong bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn", biện pháp tu từ nào đã được tác giả Phan Châu Trinh sử dụng chủ yếu?

A. Hoán dụ và nhân hóa.

B. Nhân hóa và ẩn dụ.

C. Khoa trương, cường điệu hóa.

D. So sánh và ẩn dụ.

6. Cảm xúc nổi bật trong bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" là gì?

A. Cảm xúc lãng mạn hào hùng của tác giả.

B. Lòng căm thù giặc sâu sắc của các chiến sĩ cách mạng.

C. Cảm xúc rung động trước cảnh đẹp của quê hương.

D. Tình yêu quê hương, đất nước và sự thông cảm với những người dân b
đô hộ.

7. Hai câu thơ:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy làm cho lở núi non.

Nói lên điều gì?

A. Vẻ sừng sững, hiên ngang của đảo Côn Lôn trước biển rộng.

B. Khát vọng dâng hiến cho đời của đấng nam nhi khi sống trong trời đất.

C. Coi thường những thử thách của thiên nhiên, rộng hơn là những th
thách của cuộc sống.

D. Cả A, B và C đều đúng.

8. Tác giả sử dụng một hình ảnh rất độc đáo trong bài thơ, đó là "đá' Theo em, hình ảnh đá tượng trưng cho điều gì?

A. Hình ảnh của thiên nhiên gắn liền với cuộc sống của con người.

B. Những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống mà con người phải vượt qua.

C. Bọn thực dân Pháp đang đô hộ nước ta.

D. Lòng hận thù sâu sắc của các chiến sĩ cách mạng đối với bọn thực dâ
xâm lược.

9. Trong bốn câu thơ:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự và miêu tả.

C. Tự sự và biểu cảm.

B. Miêu tả và thuyết minh.

D. Biểu cảm và thuyết minh.

10. Người chiến sĩ cách mạng được khắc họa trong bài thơ "Đập đá ở Cô Lôn" có những vẻ đẹp nào?

A. Tư thế hiên ngang, lẫm liệt.

B. Tinh thần bất khuất, không chịu khuất phục trước mọi khó khăn.

C. Luôn giữ vững niềm tin và ý chí cách mạng.

D. Cả ba đều đúng.

II. TỰ LUẬN

1. Hình tượng người chiến sĩ yêu nước vào đầu thế kỷ XX được thể hiện như thế nào trong hai bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" của Phan Bội Châu và "Đập đá ở Côn Lôn" của Phan Châu Trinh?

2. Phân tích bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" của Phan Châu Trinh.

Gợi ý trả lời:

1. Hình tượng người chiến sĩ yêu nước vào đầu thế kỷ XX được thể hiện trong hai bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" của Phan Bội Châu và "Đập đá ở Côn Lôn" của Phan Châu Trinh

Văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX có những bước phát triển mới với những hoạt động sôi nổi phong phú. Tiên phong trong phong trào văn học thời kì này là các nhà Nho yêu nước tham gia phong trào cách mạng. Những tác phẩm của họ đã thể hiện tinh thần yêu nước sâu sắc, ý chí đấu tranh để giải phóng dân tộc, phát triển đất nước. Tác phẩm của họ còn khắc họa hình tượng người chiến sĩ yêu nước trong hoàn cảnh tù đày gian khổ nhưng vẫn hiên ngang, giữ vững ý chí kiên định với khí phách hào hùng. Tiêu biểu trong số đó là bài thơ *"Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác"* của Phan Bội Châu và bài thơ *"Đập đá ở Côn Lôn"* của Phan Châu Trinh.

Hai tác phẩm trên đã khắc họa rõ nét hình ảnh người chiến sĩ dù lâm vào cảnh tù đày vẫn với tư thế hiên ngang, giữ vững khí phách của người chiến sĩ cách mạng, làm nên một phong thái ung dung giữa muôn trùng khó khăn của cuộc sống. Giọng thơ trong hai bài thơ này thể hiện sự coi thường khó khăn gian khổ pha lẫn chút tự hào:

Vẫn là hào kiệt vẫn phong lưu
Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.

(Phan Bội Châu)

Chỉ có một ý chí kiên định, một bản lĩnh vững vàng thì mới dám coi thường gian khổ nơi chốn tù đày, coi ở tù như một chuyện bình thường, là chốn trú ngụ khi đường đời mệt mỏi. Từ suy nghĩ ấy đã toát lên tư thế của người chiến sĩ cách mạng, họ không bị phụ thuộc mà vẫn làm chủ bản thân mình, sự nghiệp cách mạng vẫn được họ theo đuổi cho dù có trắc trở, gian truân. Coi những thử thách của nhà tù là cơ hội cho người chiến sĩ rèn luyện bản thân, biến nhà tù thành nơi học tập, thể hiện khí phách của người làm trai:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy làm cho lở núi non.

Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
(Phan Châu Trinh)

Người tù thể hiện tư thế oai hùng, hiên ngang. Hành động đập đá biểu hiện sức mạnh và khí thế của con người. Đó là hình ảnh biểu tượng cho việc phá tan xiềng xích nô lệ của kẻ thù thể hiện ý chí quyết tâm vì độc lập tự do của đất nước.

Chí khí lớn lao, hành động dũng mãnh nên không ngại gì khó khăn, không kể đến tấm thân phong trần. Dù có bị vùi dập chốn lao tù họ vẫn một lòng kiên trung với lí tưởng cách mạng:

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
(Phan Châu Trinh)

Khí phách hào hùng, tư thế hiên ngang và ý chí kiên định của hai nhà cách mạng họ Phan xứng đáng tiêu biểu cho hình tượng người chiến sĩ cách mạng đầu thế kỉ XX. Yêu nước, bất khuất khi còn được tự do là điều thường gặp nhưng khi rơi vào tay giặc vẫn thể hiện bản chất ấy thì đáng khâm phục và tự hào. Truyền thống dân tộc ta đã góp phần tôi luyện thêm tinh thần sắt đá không chỉ của hai nhà thơ họ Phan mà còn biết bao nhiêu người khác nữa.

2. Phân tích bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" của Phan Châu Trinh

Tương tự như bài *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* của Phan Bội Châu bài thơ *Đập đá ở Côn Lôn* của Phan Châu Trinh được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú. Bài thơ đã thể hiện khí phách hiên ngang bất khuất của người chiến sĩ cách mạng trong chốn tù đày.

Nhan đề bài thơ gợi lên cảnh lao động khổ sai của tác giả và các chiến sĩ yêu nước bị thực dân Pháp bắt giam và đày đọa ở Côn Đảo. Sau sự kiện chống thuế ở Trung Kì, năm 1908, Phan Châu Trinh và một số chiến sĩ bị thực dân Pháp bắt giam và đày ra Côn Đảo với án khổ sai chung thân.

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Bốn câu thơ đầu vừa tả thực cảnh đập đá, vừa biểu lộ một tâm thế, một chí. Chí nam nhi, chí làm trai coi việc *đứng giữa đất Côn Lôn*, bị tù đày khổ sai là một thách thức nhưng không phải là thấp hèn mà là *lẫy lừng*, không những th

còn *lẫy lừng làm cho lở núi non*. Hai từ *đứng giữa* biểu thị một tư thế hiên ngang, bất khuất trước quân thù. Câu thơ thứ hai thể hiện chí khí kiên cường trước cảnh đày đọa của quân thù. Các động từ *đánh tan, đập bể* vừa tả thực sức mạnh đập đá, vừa thể hiện một quyết tâm, một ý chí căm thù giặc. Đó là quyết tâm phá tan cảnh ngục tù, lật đổ ách thống trị của bọn thực dân tàn bạo. Câu thứ ba và thứ tư đối nhau làm cho lời thơ thêm mạnh mẽ, các số từ trong câu đã tạo nên vẻ đa nghĩa cho bài thơ:

Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Hai câu năm và sáu đối nhau rất chỉnh. Tác giả lấy thời gian bị giam cầm (*tháng ngày*) đối với gian truân, thử thách (*mưa nắng*); lấy thân dày dạn phong trần (*thân sành sỏi*) đối với tinh thần sắt thép (*dạ sắt son*). Nghệ thuật đối làm hiện lên hình ảnh người chiến sĩ cách mạng có tâm hồn và khí phách cao đẹp. *Thân sành sỏi* và *dạ sắt son* là hai hình ảnh ẩn dụ thể hiện một cách hàm súc và hình tượng phẩm chất cao quý của tác giả:

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con!

Các từ *bao quản* và *chi sờn* biểu thị một thái độ chấp nhận đương đầu với khó khăn thử thách, thái độ thách thức với cảnh ngục tù của quân thù. Hai câu kết thể hiện bản lĩnh phi thường của những người có chí lớn, mưu đồ đại sự (*vá trời)* mà không thành (*lỡ bước*). Hình ảnh những anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang đã được khắc họa một cách thú vị. Chuyện tù đày được xem là *con con,* không đáng kể. Hai câu cuối toát lên một phong thái ung dung tự tại, rất ngạo nghễ của người chí sĩ yêu nước:

Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con!

Đập đá ở Côn Lôn là bài thơ tiêu biểu cho thơ ca viết trong ngục tù của các chiến sĩ yêu nước đầu thế kỷ XX. Bài thơ có giọng điệu đĩnh đạc, hào hùng; ngôn ngữ hàm súc, vừa bình dị, vừa cổ kính sang trọng. Tác giả đã lấy thơ để giãi bày cái tâm, cái chí của mình. Sẵn sàng xả thân để cứu nước, sắt son thuỷ chung với sự nghiệp cứu nước, bất khuất hiên ngang trước cảnh tù đày đó chính là cái tâm, cái chí của Phan Châu Trinh thể hiện qua bài thơ *Đập đá ở Côn Lôn.*

Bài 17. MUỐN LÀM THẰNG CUỘI

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế nay em chán nửa rồi,
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió cùng mây thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

(Tản Đà, *Thơ Tản Đà*, NXB Văn học, Hà Nội, 1982).

1. Bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" nằm trong tập thơ nào của Tản Đà?

A. *Khối tình con* I, xuất bản năm 1917.

B. *Khối tình con* II, xuất bản năm 1917.

C. *Thề non nước*, Tiểu thuyết viết năm 1920.

D. *Giấc mộng lớn*, Tự truyện viết năm 1932.

2. Ý nào sau đây nói đúng về vị trí thơ của Tản Đà trong toàn bộ tiến trình của thi ca Việt Nam?

A. Thơ Tản Đà là thơ cổ điển trong nền thi ca Việt Nam.

B. Thơ Tản Đà là sự khởi đầu của dòng thơ cách mạng năm 1945.

C. Thơ Tản Đà là gạch nối giữa hai nền thơ cổ điển và nền thơ hiện đại.

D. Thơ Tản Đà đặt nền móng cho sự xuất hiện của dòng thơ mới hiện đại.

3. Bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" được viết theo thể thơ nào?

A. Thể thơ tứ tuyệt.

B. Thể thơ thất ngôn bát cú.

C. Thể thơ tự do.

D. Thể thơ bảy chữ.

4. Nội dung chính của bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" là gì?

A. Ước mơ được lên cung trăng để làm bạn với chị Hằng và chú Cuội.

B. Cuộc sống thanh thản, an nhàn, hạnh phúc của tác giả trong cuộc sống đời thường.

C. Lòng yêu đời, yêu người của tác giả.

D. Tâm sự buồn chán của nhà thơ trước cảnh thực tại tầm thường, xấu xa, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng bầu bạn với chị Hằng.

5. Tản Đà là nhà thơ lỗi lạc, nổi tiếng trên thi đàn thơ Việt Nam vào những thập niên hai mươi của thế kỉ XX. Đúng hay sai?

A. Đúng.   B. Sai.

6. Nhận định nào sau đây nói không chính xác về nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ "Muốn làm thằng Cuội"?

A. Thể thơ Đường luật được tác giả tuân thủ một cách nghiêm ngặt nên có những câu thơ còn gò bó, công thức, chưa thoát hết ý.

B. Cảm xúc mãnh liệt, lối thơ phóng túng vừa bay bổng vừa sâu sắc.

C. Sử dụng yếu tố tưởng tượng phong phú, tạo nên sự hoà quyện giữa yếu tố hiện thực với yếu tố hư ảo.

D. Ngôn ngữ thơ trong sáng, gần gũi, giàu sức biểu cảm, gây thích thú cho người đọc.

7. Ý nào sau đây bộc lộ đúng tâm trạng của tác giả trong hai câu thơ "Đêm trăng buồn lắm chị Hằng ơi! Trần thế em nay chán nửa rồi"?

A. Tâm trạng buồn rầu vì đường công danh sự nghiệp không thành.

B. Tâm trạng buồn rầu vì cảnh trần thế đầy rẫy những xấu xa.

C. Tâm trạng buồn rầu vì cảnh nghèo túng, đói khổ của con người ở chốn trần gian.

D. Tâm trạng buồn rầu vì tác giả không làm được gì để giúp đỡ gia đình.

8. Nhận định nào sau đây bộc lộ đúng bản chất tiếng cười của tác giả được thể hiện ở câu thơ cuối của bài?

A. Tiếng cười thoả mãn vì đã đạt được ước mơ thoát li khỏi chốn hồng trần bụi bặm, đầy rẫy sự bất công.

B. Tiếng cười mỉa mai, khinh bỉ chốn trần gian giờ chỉ là một nơi hoàn toàn nhỏ bé.

C. Tiếng cười mãn nguyện vì cuối cùng ước mơ được gặp chị Hằng, chú Cuội ở cung trăng giờ đã thành hiện thực.

D. Cả A và B.

9. Trong bài thơ, tác giả thể hiện rõ tính cách "Ngông" của một con người phóng khoáng, lãng mạn. "Ngông" ở đây có nghĩa là:

A. "Ngông" là làm những việc trái với lẽ thường, khác biệt với mọi người.

B. "Ngông" là làm những việc hợp với lẽ thường, hợp với cuộc sống của con người.

C. "Ngông" là làm những việc trọng đại, to lớn, ảnh hưởng đến nhiều người và toàn xã hội.

D. "Ngông" là làm những việc ngu ngốc, gàn dở, đáng bị xã hội lên ấn.

10. Nội dung chính ở hai câu thơ cuối trong bài thơ là gì?

A. Cho người đọc thấy được tính cách phóng khoáng, đa tình của nhà thơ.

B. Sự bay bổng và cảm giác lãng mạn khi tác giả cảm nhận về cuộc sống.

C. Ước mơ được thoát li khỏi cuộc sống trần thế đã trở thành hiện thực.

D. Nói lên ước mơ của tác giả về cuộc sống trong tương lai.

II. TỰ LUẬN

Phân tích cái "ngông" của Tản Đà trong bài thơ "Muốn làm thằng Cuội".

Gợi ý trả lời:

"*Ngông*" có nghĩa là thái độ và hành động khác với bình thường và những người chung quanh. Trong văn chương, cái "ngông" thường biểu hiện bản lĩnh của con người có cá tính mạnh mẽ, không chịu khép mình trong khuôn khổ chật hẹp của lề thói thông thường, đôi khi là tầm thường trong xã hội.

Cái ngông của Tản Đà trong bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* thể hiện qua ý muốn lên cung trăng bầu bạn với chị Hằng ở câu thơ thăm dò:

Cung quế đã ai ngồi đó chửa?

Sau đó là một lời cầu xin:

Cành đa xin chị nhắc lên chơi.

Hai câu thơ vừa thăm dò vừa cầu khẩn của tác giả thể hiện sự cô đơn, không bầu bạn ở chốn trần gian của tác giả. Lên cung trăng, tác giả sẽ không còn cô đơn, buồn tủi mà có bầu có bạn, cùng thả hồn theo gió theo mây. Với Tản Đà lên cung trăng không phải làm một sự chạy trốn, thoát li với trần thế. Đi vào cõi mộng, nhà thơ vẫn mang theo bản tính đa tình và tâm hồn thơ của mình. Đặc biệt, cái "ngông của nhà thơ vẫn còn đó, để rồi mỗi năm cứ rằm tháng tám, *tựa nhau trông xuống thế gian* chơi. Đó là cảm hứng lãng mạn đậm nét *ngông* của Tản Đà.

Bài 18. HAI CHỮ NƯỚC NHÀ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,

Cõi giời Nam gió thảm đìu hiu,
Bốn bề hổ thét chim kêu,
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình.
Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
Chút thân tàn lần bước dặm khơi,
Trông con tầm tã châu rơi,
Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên.
Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định,
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay
Giời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì!
Than vận nước gặp khi biến đổi,
Để quân Minh thừa hội xâm lăng,
Bốn phương khói lửa tưng bừng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông!
Nơi đô thị thành tung quách vỡ,
Chốn nhân gian bỏ vợ lìa con,
Làm cho xiêu tán hao mòn,
Lạ gì khác giống dễ còn thương đâu
Thảm vong quốc kể sao xiết kể,
Trông cơ đồ nhường xé tâm can,
Ngậm ngùi đất khóc giời than,
Thương tâm nòi giống lầm than nỗi này!
Khói Nùng Lĩnh như xây khối uất,
Sông hồng giang nhường vật cơn sầu
Con ơi! càng nói càng đau,
Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?
Cha xót phận tuổi già sức yếu,
Lỡ sa cơ đành chịu bó tay,
Thân lươn bao quản vũng lầy,
Giang sơn gánh vác sau này cậy con.
Con nên nhớ tổ tông khi trước
Đã từng phen vì nước gian lao,

Bắc Nam bờ cõi phân mao,
Ngọn cờ độc lập máu đào còn dây...

(Trần Tuấn Khải, *Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải*, NXB Văn học, Hà Nội, 1984).

1. Bài thơ "Hai chữ nước nhà" nằm trong tập thơ nào của Trần Tuấn Khải?

A. *Duyên nợ phù sinh* I – năm 1921.

B. *Duyên nợ phù sinh* II – năm 1923.

C. *Bút quan* hoài I – năm 1924 .

D. *Với sơn hà* I, II – năm 1936 và 1949.

2. Những bài thơ của Trần Tuấn Khải được truyền tụng rộng rãi vào những năm 20 của thế kỉ XX nổi tiếng nhất là thể loại nào?

A. Các thể loại cổ truyền của dân tộc như thể lục bát, song thất lục bát.

B. Thể loại thơ tự do và những bài thơ mới.

C. Thể loại thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

D. Thể loại những vở kịch thơ.

3. Bài thơ "Hai chữ nước nhà" được tác giả sáng tác dựa vào sự kiện lịch sử nào?

A. Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938.

B. Quân Nguyên Mông xâm lược nước ta.

C. Quân Minh xâm lược nước ta, cha Nguyễn Trãi bị giặc bắt đem sang Trung Quốc.

D. Sự kiện "Lệ Chi Viên"- gia đình Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc.

4. Bài thơ "Hai chữ nước nhà" được sáng tác theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú.

C. Tứ tuyệt.

B. Song thất lục bát.

D. Tự do.

5. Vì sao Trần Tuấn Khải lại chọn câu chuyện của cha con Nguyễn Trãi để gửi gắm tâm sự của mình mà không chọn một câu chuyện nào khác?

A. Vì cả Trần Tuấn Khải và Nguyễn Trãi đều là nhà thơ nên có sự đồng điệu về tâm hồn.

B. Vì nhà thơ thật sự cảm động sâu sắc trước tình cha con sâu nặng.

C. Vì nhà thơ muốn tìm một nhân vật có cùng cảnh ngộ để dễ dàng giãi bày tâm sự trong cảnh nước mất nhà tan.

D. Vì đây là một sự kiện lịch sử có vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

6. Trong bài thơ, tác giả đã mượn lời của *Nguyễn Phi Khanh dặn dò Nguyễn Trãi* để gửi gắm tâm sự gì của mình?

A. Tâm sự yêu nước, xót xa trước cảnh nước mất nhà tan, cuộc sống nhân dân cơ cực và quyết tâm vùng dậy đánh đuổi quân xâm lược.

B. Tâm sự đồng cảm trước sự mất mát của Nguyễn Trãi.

C. Tâm trạng đau lòng trước cuộc chia li đầy nước mắt của cha con Nguyễn Phi Khanh – Nguyễn Trãi.

D. Lòng căm thù sâu sắc bọn giặc phương Bắc xâm lược, gây bao cảnh tang thương.

7. Câu chuyện lịch sử được tác giả mượn để tái hiện trong bài thơ "Hai chữ nước nhà" nói về những nhân vật có thật nào trong lịch sử?

A. Anh hùng Quang Trung và Lê Lai.

B. Bà Triệu Thị Trinh và anh trai là Triệu Quốc Đạt.

C. Trần Quốc Tuấn và Lý Thường Kiệt.

D. Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi.

8. Nội dung chủ yếu trong bài thơ "Hai chữ nước nhà" là gì?

A. Nỗi đau xé lòng trước cảnh đất nước bị xâm lăng, nhân dân điêu đứng.

B. Tinh thần yêu nước thiết tha, ý chí quyết tâm phục thù cứu nước, giành lại độc lập dân tộc.

C. Tình yêu thương, quý trọng những con người chịu nhiều bất hạnh.

D. Cả A và B đều đúng.

9. Hình ảnh người cha trong cuộc chia li ở trong cảnh ngộ như thế nào?

A. Một người cha đang lâm trọng bệnh, biết mình không qua khỏi nên dặn dò con những điều cần làm khi cha mất.

B. Một người cha bị hàm oan sắp lên pháp trường để thi hành án.

C. Một người dân mất nước bị giặc bắt, biết trước mình đang đi dần vào chỗ chết trong khi chưa đền đáp được nợ non sông, nên căn dặn con thay mình đảm đương trọng trách đó.

D. Tư thế của một vị anh hùng trước khi lên đường cứu nước.

10. Bài thơ "Hai chữ nước nhà" được viết theo:

A. Giọng điệu nhẹ nhàng, thanh thoát, gây cảm giác dễ chịu.

B. Giọng điệu hào hùng, mạnh mẽ như thúc giục lòng người.

C. Giọng điệu bi ai, lâm li, thống thiết lẫn sự căm hờn, phẫn uất.

D. Giọng điệu bình thường, không có gì đặc sắc.

II. TỰ LUẬN

1. Ý nghĩa của nhan đề "Hai chữ nước nhà".

2. Phân tích đoạn trích "Hai chữ nước nhà" của Trần Tuấn Khải.

Gợi ý trả lời:

1. Ý nghĩa của nhan đề "Hai chữ nước nhà"

Hai chữ nước nhà là bài thơ mở đầu tập *Bút quan hoài I* của Trần Tuấn Khải, được sáng tác vào năm 1926. Bài thơ lấy đề tài lịch sử thời kì nước ta bị quân Minh xâm lược (thế kỉ XV). Cha con Nguyễn Trãi đã bị thất thế trong cuộc xâm lược này của quân giặc. Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt giải về Trung Quốc. Nguyễn Trãi định theo cha nhưng tới biên giới phía Bắc, Nguyễn Phi Khanh khuyên Nguyễn Trãi nên quay trở về để tính chuyện trả thù cho cha, cho dân tộc. Tác giả bài thơ đã mượn lời người cha căn dặn con để viết nên tác phẩm mang tinh thần yêu nước sâu sắc và ý nguyện độc lập dân tộc.

2. Đoạn trích "Hai chữ nước nhà" của Trần Tuấn Khải

Đoạn trích "Hai chữ nước nhà" gồm 36 câu thơ được Trần Tuấn Khải sáng tác vào năm 1926, in trong tập *Bút quan hoài I.* Những đề tài lịch sử, những gương anh hùng dân tộc đã được Trần Tuấn Khải ghi lại nhằm khích lệ tinh thần yêu nước, nói lên nỗi nhục của những người mất nước, qua đó thể hiện khát vọng độc lập, tự do của tác giả.

Trong lời đề từ của bài thơ, tác giả nói rõ cảm hứng của mình là *Nghĩ lời ông Phi Khanh dặn ông Nguyễn Trãi khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu.* Từ chi tiết này, ta có thể thấy *Hai chữ nước nhà* là bài thơ mượn đề tài lịch sử để thể hiện tinh thần yêu nước của tác giả.

Phần đầu của bài thơ, tác giả gợi lên cảnh đau thương của đất nước khi bị quân Minh xâm lược. Những hình ảnh nhân hóa rất gợi cảm như *mây sầu ảm đạm, gió thảm đìu hiu, hổ thét chim kêu* đã cho thấy sự đau thương của đất nước dưới ách đô hộ của nhà Minh. Sông núi cũng mang một nỗi đau như con người. Cả một không gian rộng lớn từ chốn ải Bắc đến cõi giời Nam và khắp bốn bể đều thấm máu và nước mắt của bao con người Việt Nam:

Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,
Cõi giời Nam gió thảm đìu hiu,
...
Chút thân tàn lần bước dặm khơi,
Trông con tầm tã châu rơi

Trước cảnh đất nước bị đô hộ, người cha trên đường đi đày vẫn còn ngổn ngang nỗi niềm. Các chữ trong đoạn thơ đã thể hiện niềm uất hận của người anh hùng thất thế, một bi kịch mà người cha đang gặp. Câu thơ thấm đầy nỗi niềm, giọng thơ vừa thiết tha vừa não nùng: *Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên.* Trước khi ra đi, người cha chỉ kịp nhắn gửi đến con những nỗi niềm của mình, giao phó trách nhiệm trọng đại lại cho con:

Giống Hồng Lạc hoàng tiên đã định,
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay
Giời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì!

Câu *Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì!* như muốn nhắc người con khắc ghi lòng tự tôn dân tộc, nối tiếp truyền thống của những người đi trước quên mình vì độc lập của dân tộc. Những câu thơ sau trở nên đầy hận khi khi người cha nói về những tội ác tày trời của quân giặc:

Bốn phương khói lửa bừng bừng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông!

Những hình ảnh như *khói lửa bừng bừng, xương rừng máu sông, thành tung quách vỡ, đất khóc giời than...* tuy mang tính ước lệ nhưng vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ vì đã gợi lên bao nỗi nhục mất nước, lòng căm thù đối với quân giặc. Người cha trước khi đi nhìn cảnh đất nước mà đau đớn lòng. Càng lo cho vận mệnh của đất nước thì nỗi đau ấy càng thêm chất chứa. Câu cảm thán kết hợp với câu hỏi tu từ cất lên vô cùng thống thiết:

Con ơi! càng nói càng đau,
Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?

Lời thơ như chứa đầy lệ, có lời than, có tiếng nức nở. Ở đây không còn là lời cha dặn con đơn thuần mà là lời của cả một dân tộc.

Những câu cuối cùng trong bài thơ vừa nói lên bi kịch của người cha: *tuổi già sức yếu, sa cơ đành chịu bó tay,* vừa đặt niềm tin vào người con trong việc trả thù nhà, gánh nợ nước: *Giang sơn gánh vác sau này cậy con.* Những lời tha thiết dặn con lần cuối như *vì nước, nhớ tổ tông* là mệnh lệnh cho người con trong hoàn cảnh đau buồn của đất nước.

Con nên nhớ tổ tông khi trước
Đã từng phen vì nước gian lao,
Bắc Nam bờ cõi phân mao,
Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây...

Hai chữ nước nhà là bài thơ hay và cảm động. Bài thơ thể hiện một cách cô đọng nỗi đau mất nước, đồng thời khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, nêu cao khát vọng độc lập tự do của cả dân tộc. *Hai chữ nước nhà* không còn là lời giữa hai cha con với nhau mà là lời của Tổ quốc, của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp.

KIỂM TRA HỌC KÌ I

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu, mỗi câu 0,2 điểm)

1. Hãy nối các dữ kiện ở cột A (tên tác giả) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên tác phẩm) trong bảng dưới đây.

A (tác giả)	B (tác phẩm)
Ngô Tất Tố	Những ngày thơ ấu
Nam Cao	Tôi đi học
Trần Tuấn Khải	Lão Hạc
Thanh Tịnh	Tắt đèn
Nguyên Hồng	Hai chữ nước nhà

2. Hãy nối các dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên nhân vật) trong bảng dưới đây.

A (tác phẩm, đoạn trích)	B (nhân vật)
Đánh nhau với cối xay gió	Ông giáo
Lão Hạc	Đôn Ki-hô-tê
Chiếc lá cuối cùng	Chị Dậu
Tôi đi học	Giôn-xi
Tức nước vỡ bờ	"Tôi"

3. Hãy nối các dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (thể loại) trong bảng dưới đây.

A (tác phẩm)	B (thể loại)
Đập đá ở Côn Lôn	Truyện ngắn
Tắt đèn	Thơ
Tôi đi học	Truyện vừa
Những ngày thơ ấu	Tiểu thuyết
Người thầy đầu tiên	Hồi kí

4. **Bài thơ nào sau đây giúp ta cảm nhận "*một hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp bước nguy nan nhưng vẫn không sờn lòng đổi chí*"?**

A. Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác.

B. Đập đá ở Côn Lôn.

C. Muốn làm thằng Cuội.

D. Hai chữ nước nhà.

5. **Tác phẩm nào sau đây đã "*kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng, tủi cực cùng tình yêu thương cháy bỏng của tác giả thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh*"?**

A. *Chiếc lá cuối cùng* của tác giả O Hen-ri.

B. *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.

C. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng.

D. *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen.

6. **Trong các văn bản sau, văn bản nào là văn bản nhật dụng?**

A. *Ôn dịch, thuốc lá* của Nguyễn Khắc Viện.

B. *Lão Hạc* của Nam Cao.

C. *Đập đá ở Côn Lôn* của Phan Châu Trinh.

D. *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* của Phan Bội Châu.

7. **Trong tác phẩm "Lão Hạc" của Nam Cao, nguyên nhân sâu xa khiến lão Hạc phải chọn cái chết là gì?**

A. Vì lão Hạc không muốn sống nữa.

B. Vì lão Hạc ân hận vì trót lừa con vật cưng của mình.

C. Vì lão Hạc không muốn làm liên luỵ đến người khác.

D. Vì tình thương con của lão Hạc.

8. **Câu nào dưới đây nói đúng về tiểu thuyết "Đôn Ki-hô-tê" của tác giả Xéc-van-tet?**

A. Là tiểu thuyết ca ngợi những hành động nghĩa hiệp của giới hiệp sĩ Tây Ban Nha vào thế kỷ XVI.

B. Là tiểu thuyết phê phán giới quý tộc Tây Ban Nha vào thế kỷ XVI.

C. Là tiểu thuyết phản ánh cuộc sống của người nông dân Tây Ban Nha vào thế kỷ XVI.

D. Là tiểu thuyết phản ánh sự đối lập giữa cuộc sống của tầng lớp quý tộc với người nông dân.

9. Văn bản "Hai cây phong" được trích từ tác phẩm nào sau đây?

A. Truyện ngắn *Cô bé bán diêm.*

B. Truyện vừa *Người thầy đầu tiên.*

C. Truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng.*

D. Tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê.*

10. Trong đoạn trích "Tức nước vỡ bờ", nhân vật Chị Dậu là người như thế nào?

A. Thương yêu chồng con hết mực.

B. Có lòng căm thù bọn tay sai của những kẻ thực dân, phong kiến.

C. Có thái độ phản kháng mạnh mẽ đối với các thế lực áp bức.

D. Cả A, B và C đều đúng.

11. Ý nghĩa lớn nhất của văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" là gì?

A. Góp phần thay đổi thói quen trong việc sử dụng bao ni lông của mọi người.

B. Góp phần bảo vệ Trái Đất và môi trường khỏi bị ô nhiễm.

C. Tạo cho mọi người thói quen không sử dụng bao ni lông.

D. Khắc phục được những tác hại của bao ni lông.

12. Nội dung chủ yếu của đoạn trích trong bài thơ "Hai chữ nước nhà" của tác giả Trần Tuấn Khải là gì?

A. Ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước.

B. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên quê hương.

C. Nói lên nỗi đau mất nước và ý chí phục thù cứu nước.

D. Khắc họa hình ảnh người Nho sĩ trong thời phong kiến.

13. Chủ đề của truyện ngắn "Tôi đi học" là gì?

A. Gợi lại cảm giác lạ lẫm, sợ sệt của nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên.

B. Khắc họa niềm vui sướng, hân hoan của nhân vật tôi và các bạn trong ngày đầu tiên đến trường.

C. Gợi lại cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên.

D. Gợi lại sự chăm sóc ân cần, chu đáo của những người thân nhân vật tôi trong ngày đầu tiên đến trường.

14. Nhân vật bé Hồng trong đoạn trích "Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng là một người như thế nào?

A. Có tình thương yêu vô bờ đối với mẹ.

B. Là một người dễ xúc động, tinh tế và nhạy cảm.

C. Chịu nhiều nỗi đau và mất mát.

D. Cả A, B và C đều đúng

15. Giá trị nghệ thuật của đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" được thể hiện qua những chi tiết nào?

A. Xây dựng đoạn trích có độ kịch tính cao.

B. Xây dựng nhân vật với việc bộc lộ tính cách rất tài tình.

C. Có giá trị hiện thực và nhân đạo lớn.

D. Cả A, B và C đều đúng.

16. Nội dung chính được đề cập trong truyện ngắn "Cô bé bán diêm" là gì?

A. Kể về số phận bất hạnh của một em bé nghèo làm công việc bán diêm.

B. Tái hiện những chi tiết trong truyện cổ tích kể về một em bé bán diêm nhiều bất hạnh.

C. Thể hiện lòng cảm thương sâu sắc đối với những em bé có cuộc đời khốn khổ.

D. Lên án sự vô tâm của những bậc làm cha mẹ và sự bất công của xã hội.

17. Câu nào dưới đây nói về tác hại của khói thuốc lá trong văn bản "Ôn dịch, thuốc lá"?

A. Khói thuốc lá gây ra tác hại về đường hô hấp, gây viêm phế quản, ung thư phổi.

B. Khói thuốc lá gây ra ảnh hưởng đến sức khỏe của những người xung quanh.

C. Khói thuốc lá gây ra những bệnh nghiêm trọng về tim mạch và ung thư.

D. Cả A, B và C đều đúng.

18. Ý nghĩa sự ra đời của văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" là gì?

A. Nhằm tập trung nghiên cứu về Trái Đất.

B. Nhằm bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh.

C. Nhằm nâng cao ý thức bảo vệ và giữ gìn môi trường sống.

D. Nhằm nghiên cứu vũ trụ.

19. Câu nào sau đây không nói về nội dung chính trong các tác phẩm của Phan Bội Châu?

A. Thể hiện lòng yêu nước, yêu thương dân tha thiết của tác giả trước cảnh nước mất nhà tan.

B. Thể hiện tinh thần yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống lao động của những người dân quê hương.

C. Thể hiện khát vọng độc lập, tự do, mong muốn đất nước giàu mạnh.

D. Thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất, chiến đấu bền bỉ cho sự nghiệp cách mạng.

20. Bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" được tác giả Phan Châu Trinh viết trong hoàn cảnh nào?

A. Viết vào năm 1908, khi Phan Châu Trinh đi ngao du ở Côn Lôn.

B. Viết vào năm 1908, khi phong trào chống thuế Trung Kì diễn ra.

C. Viết vào năm 1908, khi Phan Châu Trinh bị bắt giam tại Côn Đảo và phải tham gia lao động khổ sai.

D. Khi Phan Châu Trinh tham gia thuyết giảng kêu gọi canh tân đất nước.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của tác giả Nam Cao.

Bài tham khảo:

Viết về đề tài nông dân trước Cách mạng tháng Tám, "Lão Hạc" là một truyện ngắn đặc sắc của Nam Cao. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông dân nghèo khổ. Nhân vật lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận của con người, số phận nông dân Việt Nam trong xã hội cũ.

Lão Hạc là một con người nghèo khổ, bất hạnh. Ba sào vườn, một túp lều, một con chó Vàng... đó là tài sản, là vốn liếng của lão. Vợ chết đã lâu, cảnh gà trống nuôi con, lão lần hồi làm thuê kiếm sống. Đứa con trai độc nhất không có trăm bạc để cưới vợ, cảm thấy *nhục lắm* đã *phẫn chí* đi phu đồn điền cao su ở Nam Kì biền biệt ba bốn năm chưa về. Tuổi già, sống cô quạnh, nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Lão Hạc chỉ còn biết làm bạn với con chó Vàng. Lão bị ốm một trận kéo dài hai tháng mười tám ngày. Không một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, một chén thuốc. Tình cảnh ấy thật đáng thương. Tiếp theo một trận bão to, cây trái hoa màu trong vườn bị phá sạch sành

sanh. Làng mất nghề sợi. Đàn bà con gái trong làng đi làm thuê rất nhiều, giành hết mọi việc. Sau trận ốm, lão yếu hẳn đi, chẳng ai thuê lão đi làm nữa. Thất nghiệp, giá gạo mỗi ngày một cao. Lão và cậu Vàng mỗi ngày ăn hết ba hào mà vẫn đói deo đói dắt. Bao nhiêu tiền bán hoa lợi trong vườn dành dụm được bấy lâu nay, lão đã chi tiêu gần hết trong trận ốm.

Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần (...). Lão Hạc ơi! Ta đâu có quyền giữ cho ta một tí gì đâu? Nhân vật ông giáo đã nghĩ như thế khi nghe lão Hạc nói về ý định phải bán con chó. Cậu Vàng ăn khỏe, mỗi ngày cậu ấy ăn *bỏ rẻ cũng mất hào rưỡi, hai hào.* Lão Hạc rất yêu cậu Vàng nhưng *lấy tiền đâu mà nuôi được?* Lão Hạc phải bán con Vàng cho thằng Xiên, thằng Mục... Bán cậu Vàng xong, lão lại bị đẩy sâu xuống đáy vực bi thảm. Lão cảm thấy mình là một kẻ tệ lắm, đã già mà còn *đánh lừa một con chó!* Đói khổ, túng bấn, cô đơn... ngày một thêm nặng nề... Lão Hạc chỉ ăn khoai, ăn củ chuối, ăn sung luộc, ăn rau má, thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai bữa ốc. Lão từ chối mọi sự giúp đỡ của ông giáo *gần như là hách dịch.* Lão xa ông giáo dần, chỗ dựa tinh thần của lão bấy lâu nay. Lão Hạc đã ăn bã chó để tự tử. Lão chết đau đớn thê thảm: đầu tóc rũ rượi, mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra... vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội.

Số phận một con người, một kiếp người như lão Hạc thật đáng thương. Với chủ nghĩa nhân đạo thống thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương xót đối với những con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết bi thảm. Chí Phèo tự sát bằng mũi dao, Lang Rận thắt cổ chết... và lão Hạc quyên sinh bằng bả chó. Lão Hạc từng hỏi ông giáo: *Nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?* Câu hỏi ấy thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một kiếp người.

Lão Hạc là một con người chất phác, hiền lành, nhân hậu. Lão rất yêu con. Biết con buồn vì không có tiền để cưới vợ, *lão thương con lắm...* Lão đau đớn khi con sắp đi làm phu đồn điền cao su. Lão chỉ biết khóc vì *thẻ của nó, người ta giữ, hình của nó, người ta đã chụp rồi. (...) nó là của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi! Cao su đi dễ khó về* (ca dao). Con trai lão đã đi biền biệt mấy năm chưa về. Hoa lợi trong vườn, bán được bao nhiêu lão dành dụm cho con, hy vọng khi con trở về *có chút vốn mà làm ăn.* Lão tự bảo: *mảnh vườn là của con ta... của mẹ nó tậu thì nó hưởng.* Đói khổ quá nhưng lão Hạc đã giữ trọn vẹn ba sào vườn cho con. Lão đã tìm đến cái chết, *thà chết chứ không chịu bán đi một sào.* Tất cả vì con, một sự hy sinh thầm lặng cực kì to lớn.

Lòng nhân hậu của lão Hạc được thể hiện đặc sắc đối với con chó vàng mà người con trai để lại. Lão quý nó, đặt tên cho nó là *cậu Vàng*. Cho nó ăn cơm trong bát sứ như nhà giàu. Bắt rận hoặc đem nó ra cầu ao tắm. Lão ăn gì cũng chia cho cậu Vàng cùng ăn. Lão ngồi uống rượu, cậu Vàng ngồi dưới chân, lão nhắm một miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Lão tâm sự với cậu Vàng như tâm sự với một người thân yêu ruột rà: *cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi*... Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu; nó là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão vợi đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã tỏa sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của ông lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ túng quẫn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.

Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng. Trong đói khổ cùng cực phải ăn củ chuối, củ ráy..., ông giáo mời lão ăn khoai, uống nước chè, lão cười hồn hậu và khất *ông giáo để cho khi khác*. Bất đắc dĩ phải bán con chó; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dằn vặt: *thì ra tôi già bằng này tuổi đầu còn đánh lừa một con chó*. Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai như một lời nguyền đinh ninh: *cái vườn là của con ta, của mẹ nó tậu thì nó hưởng*. Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con và gửi lại 30 đồng bạc để *lỡ có chết ... gọi là của lão có tí chút*, vì lão không muốn làm phiền đến hàng xóm. Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ *làm nghề ăn trộm* ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng.

Tóm lại, cuộc đời lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn; chết thì quằn quại, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, vị tha, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

(Theo **Tạ Thanh Sơn**, *Trắc nghiệm và tự luận Ngữ văn 8*

NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2006).

Bài 19. NHỚ RỪNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua,
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm.
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi,
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.
Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, rừng già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc,
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta là chúa tể cả muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.
[...]
Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!
Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị,
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn
Để hồn ta phảng phất được gần ngươi,
Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

(Thế Lữ, trong *Thi nhân Việt Nam*, Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Hà Nội, 1943).

1. **Điều nào sau đây không đúng khi nhận xét về Thế Lữ và thơ của ông?**
   A. Thế Lữ là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945).
   B. Thơ của Thế Lữ là gạch nối giữa thơ cổ điển và thơ hiện đại Việt Nam.
   C. Thế Lữ góp phần quan trọng trong việc đổi mới thơ ca và đem lại chiến thắng cho dòng Thơ mới.
   D. Thế Lữ là một trong những người có công đầu trong việc xây dựng ngành kịch nói ở nước ta.
2. **Nội dung bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ là gì?**
   A. Diễn tả nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng.
   B. Niềm khao khát sự tự do một cách mãnh liệt.
   C. Khơi dậy lòng yêu nước một cách thầm kín của người dân mất nước, sống cảnh đời nô lệ, phụ thuộc.
   D. Cả A, B, C đều đúng.
3. **Hình ảnh nào được tác giả mượn để sáng tác nên bài thơ, đồng thời qua đó bộc lộ tâm trạng của mình?**
   A. Hình ảnh con hổ – chúa tể của rừng xanh bị giam cầm trong cũi sắt.
   B. Hình ảnh người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm giữa chốn ngục tù tối tăm.
   C. Hình ảnh con hổ – chúa sơn lâm đang sống một cuộc sống tự do, phóng khoáng ở núi rừng.
   D. Hình ảnh thiên nhiên núi rừng hùng vĩ bị chiến tranh tàn phá.
4. **Việc xây dựng hai cảnh tượng đối lập nhau trong bài thơ: cảnh vườn bách thú tù túng và cảnh rừng xanh tự do nhằm mục đích gì?**
   A. Để gây ấn tượng, tạo sự hấp dẫn cho người đọc.
   B. Sử dụng nghệ thuật tương phản, xây dựng hai hình ảnh đối lập để làm nổi bật tình cảnh và tâm trạng của chúa sơn lâm.
   C. Nhằm mục đích thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ của người đọc đối với hoàn cảnh của con hổ.
   D. Nhằm mục đích chế giễu, thương hại cho con vật nổi tiếng hung tợn.
5. **Tâm trạng nào được diễn tả khi con hổ nhớ về những ngày còn tự do ở chốn núi rừng?**
   A. Tâm trạng buồn rầu, chán nản khi nhớ về những ngày tự do.
   B. Tâm trạng cô đơn, lạnh lẽo.

C. Tâm trạng căm thù những kẻ đã biến cuộc sống tự do tự tại của nó thành cuộc sống ngục tù mua vui cho mọi người.

D. Tâm trạng tiếc nuối những tháng ngày oanh liệt, vẫy vùng, sống tự do nơi núi rừng hùng vĩ.

6. Bài thơ "Nhớ rừng" được Thế Lữ sáng tác vào khoảng thời gian nào?

A. Được sáng tác vào khoảng thời gian từ 1930 – 1945.

B. Được sáng tác vào thời kì kháng chiến chống Pháp từ 1945 đến 1954.

C. Được sáng tác vào thời kì kháng chiến chống Mĩ từ 1954 đến 1975.

D. Được sáng tác khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ.

7. Bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ có ảnh hưởng và tác động như thế nào đến các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ thanh niên lúc bấy giờ?

A. Biểu hiện ý chí quyết tâm, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng của những người tù chính trị đang bị giam giữ.

B. Kín đáo khơi gợi lòng yêu nước, yêu tự do và quyết tâm chống giặc cứu nước của nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh niên.

C. Tác động đến tinh thần hăng say lao động, sẵn sàng vượt qua mọi gian khổ trong buổi đầu xây dựng đất nước.

D. Tạo ra tâm lí bi quan, chán chường trước cuộc sống thực tại, ước muốn được thoát li khỏi hiện thực.

8. Bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ được sáng tác theo thể thơ gì và với giọng điệu như thế nào?

A. Thể thơ tự do và với giọng điệu nhẹ nhàng, du dương.

B. Thể thơ tám chữ và với giọng điệu thiết tha, hùng tráng.

C. Thể thơ thất ngôn bát cú và với giọng điệu bi ai, sầu thảm.

D. Thể thơ tứ tuyệt và với giọng thơ sầu thảm, thống thiết.

9. Vì sao con hổ lại bực bội và chán ghét cảnh sống ở vườn bách thú?

A. Vì đây là một cuộc sống tù ngục, mất tự do.

B. Vì dưới con mắt của chúa sơn lâm, những thứ ở đây đều nhỏ bé, tầm thường, giả tạo, thấp hèn.

C. Vì ở đây không xứng với vị thế và sức mạnh của nó, nó không chấp nhận sống chung với những cái phàm tục.

D. Cả A, B, C đều đúng.

10. Khung cảnh núi rừng nơi "Hầm thiêng ngự trị" theo lời của con hổ là một khung cảnh như thế nào?

A. Là khung cảnh nhỏ bé, u buồn, không có gì hấp dẫn.

B. Là khung cảnh nước non hùng vĩ, oai linh.

C. Là khung cảnh tầm thường, giả tạo, đáng lên án.

D. Là khung cảnh tối tăm, chứa đựng nhiều cạm bẫy.

II. TỰ LUẬN

Phân tích và làm rõ giá trị nghệ thuật trong bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ.

Gợi ý trả lời:

Thế Lữ (1907 – 1989) tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, sinh ra ở vùng Kinh Bắc, là nhà thơ tiêu biểu nhất trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945) buổi đầu. Với một hồn thơ dồi dào lãng mạn, Thế Lữ góp phần quan trọng vào việc đổi mới thơ ca và đem lại chiến thắng cho Thơ mới. Ngoài sáng tác thơ, Thế Lữ còn viết truyện. Sau đó, ông chuyển sang hoạt động sân khấu và trở thành một trong những người có công đầu xây dựng ngành kịch nói ở nước ta.

Bài thơ "Nhớ rừng" được Thế Lữ viết năm 1934, in trong tập "Mấy vần thơ" xuất bản năm 1935. Bài thơ mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú để thể hiện ý chí căm hờn, u uất và niềm khát khao tự do mãnh liệt của tác giả cũng như những người bị giam cầm, bị nô lệ.

Bài thơ mở đầu bằng câu thơ chứa đầy uất hận của tác giả:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt.

Bị nhốt *trong cũi sắt*, căm hờn, uất hận đã chứa thành *khối*, *gậm* mãi mà chẳng tan, càng *gậm* càng cay đắng. Chỉ còn biết nằm dài bất lực, đau khổ. Bị chế giễu, bị nhục nhằn tù hãm, trở thành thứ đồ chơi cho lũ người *ngạo mạn, ngẩn ngơ*. Lũ người ngạo mạn kia không ai khác chính là bọn thực dân cướp nước. Đau khổ nhất là chúa sơn lâm nay bị tầm thường hóa, vị thế trước đây nay bị đánh mất:

Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.

Đó là một tâm trạng điển hình đầy bi kịch của của chúa sơn lâm khi bị sa cơ, thất thế, bị giam cầm. Hiểu hoàn cảnh lịch sử đất nước khi bài thơ ra đời mới thấy tính chất đồng điệu trong nỗi cay đắng, tủi hờn của con hổ với nỗi tủi nhục của nhân dân ta khi sống trong xiềng xích nô lệ.

Câu thơ tiếp theo gợi lại cuộc sống của con hổ nơi vườn bách thú:

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ.

Tình thương và nỗi nhớ của con hổ cho thấy sự luyến tiếc, nhớ nhung cuộc sống mà nó từng trải qua, nhớ thuở tung hoành, nhớ *cảnh sơn lâm bóng cả cây già.* Những khúc nhạc rừng hùng tráng, dữ dội. Chữ *nhớ,* chữ *với* và cách ngắt nhịp 4/2/2; 5/5; 4/2/2 làm gia tăng nỗi nhớ nhung của con hổ. Sự phong phú về nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm vô cùng mạnh mẽ của nhân vật oai hùng từng có một quá khứ oanh liệt. Những câu thơ tiếp theo là hồi ức đẹp về khung cảnh rừng xanh, nơi chúa sơn lâm một thời thống trị, nhưng nay nó chỉ còn trong kí ức:

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, rừng già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
...
Ta biết ta là chúa tể cả muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.
Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng ngắm ánh trăng tan?

Các động từ *gào, thét, hét* miêu tả khúc trường ca dữ dội của núi rừng, suối ngàn thiêng liêng và hùng tráng. Đó là những câu thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới. Tiếp đó, chúa sơn lâm mới trở về với thực tại: *ta nằm dài, ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ.* Các từ *ta* xuất hiện trong câu làm xuất hiện vẻ kiêu hãnh tự hào của chúa sơn lâm. Hình ảnh chúa sơn lâm được khắc họa trong chiều sâu tâm linh, trong chiều cao uy quyền được khẳng định. Khi *chúa* bước lên là muôn loài đều nể phục, tuy nhiên thời vàng son ấy nay không còn nữa.

Các câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện: *nào đâu những, đâu những ngày, đâu những bình minh, đâu những chiều* làm cho nỗi nhớ thêm dâng trào. Vào mỗi thời điểm trong ngày là một khoảnh khắc tự do và oai hùng của con hổ. Trong cuộc sống có *ánh trăng và suối,* có *mưa rừng,* có *bình minh,* có *tiếng chim ca*... Đoạn thơ nói về những nỗi nhớ của con hổ như một bức tranh nghệ thuật diễn tả quá khứ hào hùng của chúa sơn lâm. Chúa sơn lâm có lúc mơ mộng giữa cảnh suối trăng, có lúc trầm ngâm trong chiêm nghiệm, có lúc nén xuống, kiên nhẫn đợi chờ. Những câu thơ nói về hồi tưởng của con hổ là những câu hay nhất trong bài:

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Sau một nỗi nhớ *vàng son, oanh liệt,* chúa sơn lâm chợt tỉnh mộng, trở về với thực tại là cũi sắt, là cái khung cảnh giả tạo do con người đặt ra, chúa sơn lâm cảm thấy đau đớn và cay đắng vô cùng. Lời than của con hổ cũng là tiếng than vãn của những người dân lầm than bị áp bức bóc lột. Sự kết hợp giữa cảm thán với câu hỏi tu từ làm dội lên một lời thơ, một tiếng than của chúa bị sa cơ. Đó cũng là tiếng thở dài của những người khao khát tự do ngày ấy:

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Câu thơ: *Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu* gợi lại nỗi niềm của con hổ. Để rồi sau đó chúa sơn lâm chỉ biết nhắn gửi với lời lẽ thiết tha, bồn chồn.

Bài 20. ÔNG ĐỒ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua.
Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay".
Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu...
Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay,
Lá vàng rơi trên giấy;

Ngoài trời mưa bụi bay.
Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

(Vũ Đình Liên, trong *Thi nhân việt Nam*, Nguyễn Đức Phiên xb, Hà Nội, 1943).

1. Hãy cho biết thơ của tác giả Vũ Đình Liên có đặc điểm nào sau đây?

A. Giàu lòng thương người và nỗi niềm hoài cổ.

B. Lòng yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc.

C. Tinh thần yêu thiên nhiên và cuộc sống tươi đẹp.

D. Tâm trạng chán ghét cuộc sống thực tại và ý muốn quay về với cõi riêng tư.

2. Ông đồ trong bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên làm nghề gì?

A. Vẽ tranh để bán.

B. Dạy học.

C. Viết chữ và câu đối.

D. Cả A, B và C đều đúng.

3. Trong bài thơ "Ông đồ" của tác giả Vũ Đình Liên có nhắc đến một loài hoa. Đó là loài hoa nào?

A. Hoa cúc.

B. Hoa đào.

C. Hoa mai.

D. Hoa sen.

4. Ngày nay, cách viết chữ, câu đối, câu thơ trên các trang giấy thường được gọi là gì?

A. Nghệ thuật viết thư pháp.

B. Nghệ thuật vẽ tranh.

C. Nghệ thuật viết văn bản.

D. Nghệ thuật trang trí hình ảnh bằng bút.

5. Những ông đồ trong xã hội cũ trở nên thất thế và bị gạt ra lề cuộc đời khi nào?

A. Đã quá già, không còn đủ sức khỏe để làm việc.

B. Khi tranh vẽ và câu đối không còn được mọi người ưa thích.

C. Khi chế độ thi cử phong kiến bị bãi bỏ, chữ Nho bị xem nhẹ.

D. Khi các trường học mọc lên nhiều và chữ quốc ngữ trở nên phổ biến trong nhân dân.

6. Trong bài thơ, hình ảnh ông đồ già thường xuất hiện trên phố vào thời điểm nào?

A. Khi hoa mai nở, báo hiệu mùa xuân đã đến.

B. Khi kì nghỉ hè đã đến và học sinh nghỉ học.

C. Khi phố phường tấp nập, đông đúc.

D. Khi mùa xuân về, hoa đào nở rộ.

7. Hình ảnh ông đồ già trong bài thơ gắn bó với vật dụng nào dưới đây?

A. Chiếc cày, con trâu và tẩu thuốc.

B. Nghiên bút, mực tàu, giấy đỏ, bức liễn.

C. Bàn ghế, giáo án, học sinh.

D. Chiếc gậy, quẻ xâm, vật dụng bói toán.

8. Hai câu thơ: "Hoa tay thảo những nét – Như phượng múa rồng bay" nói lên điều gì?

A. Ông đồ rất tài hoa.

B. Ông đồ viết văn rất hay.

C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

9. Hai câu thơ nào dưới đây thể hiện tình cảnh đáng thương của ông đồ?

A. Ông đồ vẫn ngồi đấy – Qua đường không ai hay.

B. Năm nay đào lại nở – Không thấy ông đồ xưa.

C. Bao nhiêu người thuê viết – Tấm tắc ngợi khen tài.

D. Nhưng mỗi năm mỗi vắng – Người thuê viết nay đâu?

10. Chủ đề của bài thơ "Ông đồ" là gì?

A. Khẳng định chân lí tài tử thì đa truân.

B. Ca ngợi tài văn hay chữ tốt của ông đồ.

C. Xót thương đối với một lớp người đang tàn tạ và sự tiếc nuối cảnh cũ người xưa.

D. Tiếc thương một nét đẹp văn hóa bị mai một.

II. TỰ LUẬN

Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ "Ông đồ" của tác giả Vũ Đình Liên:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua.
Bao nhiêu người thuê viết

Tấm tắc ngợi khen tài
"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay".

Gợi ý bài làm:

Mở đầu bài thơ là lời giới thiệu về thời gian, không gian và những sự việc diễn ra trong thời gian và không gian đó.

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Khi mùa xuân đến, khi phố đông người qua, cũng là lúc ông đồ lại xuất hiện với giấy đỏ, mực tàu làm hành trang để mang lại cái đẹp cho đời. Hình ảnh thơ chân thật, ý thơ nhẹ nhàng, bình thản nhưng vẫn gợi chút bâng khuâng. Ngày xưa, người ta phải dâng một cơi trầu để kính cẩn xin ông đồ cho chữ, đó là đôi câu đối đỏ; ngày nay, ông đồ phải thân chinh đem giấy mực bày trên phố để mưu sinh. Đó là một thay đổi lớn theo chiều hướng đánh mất dần cái truyền thống. Ông đồ không còn là biểu tượng cho đời sống tinh thần của ngày xưa, không còn là hiện thân trong nét văn hóa cổ truyền của dân tộc. Hình ảnh ông đồ ngồi trên phố để bán chữ nhân dịp xuân về làm cho tác giả buồn lòng hơn.

Phố phường tấp nập người qua lại nhưng ông đồ thì vẫn cô đơn, lẻ loi và cặm cụi với bút giấy để tạo ra những tác phẩm mà mọi người đều *tấm tắc khen ngợi*. Những từ ngữ trong các câu tiếp theo cho thấy bàn tay tài hoa của ông đồ:

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay".

Vẻ đẹp của những chữ do ông đồ viết được tác giả diễn đạt qua các từ ngữ cổ: *hoa tay thảo, phượng múa rồng bay*. Nét đẹp mà tác giả nêu ra chính là niềm an ủi đối với ông đồ, nó đã giúp cho ông có được những vị khách đến với mình và ngỏ lời khen ngợi nét tài hoa của ông. Nhà thơ đã hân hoan chia sẻ với con người có đôi tay tài hoa ấy bằng những dòng thơ giàu xúc cảm:

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài.

Bài 21. QUÊ HƯƠNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...
Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
"Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe",
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.
Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

(Tế Hanh, *Thi nhân Việt Nam*, Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Hà Nội, 1943).

1. Bài thơ "Quê hương" được rút trong tập thơ nào của tác giả Tế Hanh?

A. Tập thơ *Nghẹn ngào* (1939) sau đó được in lại trong tập *Hoa niên* (1945).

B. Tập thơ *Gửi miền Bắc* (1955).

C. Tập thơ *Hai nửa yêu thương* (1963).

D. Tập thơ *Khúc ca mới* (1966).

2. Những bài thơ của Tế Hanh được biết đến nhiều nhất có đặc điểm gì?

A. Thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu sắc và cảm xúc dâng trào mỗi khi được sống với thiên nhiên.

B. Thể hiện nỗi nhớ thương tha thiết đối với quê hương miền Nam và niềm khát khao Tổ quốc được thống nhất.

C. Tình yêu quê hương miền Bắc và lòng gắn bó của tác giả đối với mảnh đất này.

D. Ca ngợi cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc và thể hiện quyết tâm đánh thắng quân thù.

3. Quê hương của Tế Hanh gắn liền với nghề nào?

A. Làm muối.

B. Đóng thuyền đi biển.

C. Đánh cá biển.

D. Cả ba nghề trên.

4. Nội dung của bài thơ "Quê hương" nói lên điều gì?

A. Đề cao giá trị của nghề đi biển của những người dân sống ở làng chài quê hương.

B. Nói lên nỗi nhớ nhung làng chài quê hương của đứa con tha hương.

C. Miêu tả vẻ đẹp của biển quê hương mỗi khi con tàu ra khơi.

D. Vẽ lại hành trình của đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

5. Nội dung của hai câu thơ: "*Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới – Nước bao vây cách biển nửa ngày sông*" là gì?

A. Miêu tả cảnh ra khơi đánh cá của đoàn tàu.

B. Miêu tả cảnh làng chài đón đoàn tàu ra khơi đánh cá trở về.

C. Thể hiện nỗi nhớ quê hương của người con tha hương.

D. Giới thiệu về làng chài quê hương tác giả.

6. Trong hai câu thơ: "*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*" và "*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*", tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh.

B. Nhân hóa.

C. Ẩn dụ.

D. Chơi chữ.

7. **Bốn câu thơ:** *"Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ*
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!"

nói lên điều gì?

A. Nỗi nhớ làng chài của người con tha hương.

B. Tâm trạng yêu đời và hăng say lao động của tác giả.

C. Tâm trạng luyến tiếc của tác giả khi không được cùng đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

D. Miêu tả những vẻ đẹp về màu sắc của biển quê hương.

8. Trong bài thơ "Quê hương", tác giả Tế Hanh đã ví *cánh buồm* với hình ảnh nào sau đây?

A. Con tuấn mã.

B. Mái chèo.

C. Mảnh hồn làng.

D. Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

9. Hai câu thơ: *"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng – Cả thân hình nồng thở vị xa xăm"* nói lên điều gì?

A. Sự gian khổ của những người dân làm nghề chài lưới.

B. Hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài.

C. Sinh hoạt hằng ngày của người dân làng chài.

D. Tình yêu thương quê hương tha thiết của tác giả.

10. Khung cảnh của làng quê tác giả trong mỗi lần đón thuyền về rất tấp nập. Cảnh tấp nập ấy được diễn tả trong câu thơ nào?

A. Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng - Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

B. Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã - Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.

C. Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng - Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

D. Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ - Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.

II. TỰ LUẬN

Nêu cảm nghĩ về bài thơ "Quê hương" của nhà thơ Tế Hanh.

Gợi ý trả lời:

Tế Hanh sinh năm 1921 tại Quảng Ngãi. Bài thơ "Quê hương" được viết khi ông đang học tại Huế, vào lúc đó ông mới 18 tuổi. Bài thơ có 20 câu, mỗi câu có 8 chữ. Lời thơ trong sáng, hình ảnh sáng tạo, cảm xúc nồng hậu thiết tha. Tình yêu và lòng thương nhớ quê hương của người con xa quê được thể hiện qua những vần thơ đậm đà và giàu hình ảnh.

Hai câu thơ đầu với hai chữ "làng tôi" cho thấy niềm tự hào của tác giả về làng quê của mình. Đó là một làng chài ven biển miền Trung, có sông nước bao

la vây quanh. Làng cách xa biển "nửa ngày sông", một cách tính độ dài dân dã. Chữ vốn rất có ý nghĩa trong việc gợi lên một nghề truyền thống lâu đời và chính yếu của người dân quê hương.

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.

Sáu câu thơ tiếp theo nói về cảnh ra khơi đánh cá của người dân làng chài. Đó là những hình ảnh đẹp, thơ mộng và mạnh mẽ trong những buổi sáng khi ánh ban mai hửng lên. Các tính từ được dùng rất chọn lọc trong đoạn thơ này đã tạo nên những hình ảnh rất đẹp: *trong, nhẹ, hồng*. Giọng thơ nhỏ nhẹ, tâm tình, như có tiếng reo:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Niềm vui đi chinh phục biển cả và khí thế ra khơi của bà con dân chài được thể hiện qua các hình ảnh về con thuyền, cánh buồm và mái chèo. Chiếc thuyền được ví với con tuấn mã phi nhanh đầy hăng hái. Mái chèo như lưỡi kiếm khổng lồ chém xuống mặt nước. Cánh buồm trắng to như *mảng hồn làng, cách ví von rất* sáng tạo nhằm nói lên khí thế lao động và khát vọng về ấm no hạnh phúc của người dân làng chài. Câu thơ *Rướn thân trắng bao la thâu góp gió* là một hình ảnh đẹp về cánh buồm to lớn đang căng gió ra khơi xa. Các từ ngữ *hăng, phăng, vượt, rướn, thâu góp* đã làm nổi bật sức mạnh, niềm tin tưởng tự hào vào khí thế ra khơi của đoàn thuyền đánh cá:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió

Hai khổ thơ 8 câu tả cảnh làng chài khi những đoàn thuyền đánh cá quay về bến. Cảnh ồn ào tấp nập của làng chài đã được tác giả khắc họa rất sinh động. Các hình ảnh *cá đầy ghe, những con cá tươi ngon thân bạc trắng* đã cho thấy một chuyến ra khơi đầy may mắn và bội thu. Ba tiếng *nhờ ơn trời* là lời cảm tạ thiên nhiên đã mang lại cho người dân những chuyến ra khơi bình yên, cũng như cho con người một nguồn sống. Trời đã cho biển lặng, sóng êm, biển cho nhiều tôm cá, tất cả tạo cho tác giả một niềm hy vọng về cuộc sống tốt đẹp của người dân làng chài. Những câu thơ trong phần này đầy màu sắc và hương vị biển:

Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về
Nhờ yên trời biển lặng cá đầy ghe
Những con cá tươi ngon thân trắng bạc

Từ nhỏ có lẽ tác giả đã sống với quê hương, sống với những lần đoàn thuyền ra khơi đánh cá và trở về nên mới có được những vần thơ thật sâu sắc và giàu hình ảnh. Dù ở xa quê hương nhưng tác giả vẫn diễn tả như thể mình đang chứng kiến cảnh tượng ấy đang diễn ra. Chính tình yêu quê hương đã giúp tác giả có được những cảm xúc như thế.

Yêu quê hương là yêu mến những chàng trai làng cường tráng có *làn da ngăm rám nắng*, được tôi luyện trong lao động, trong vị mặn của nước biển quê hương.

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.

Yêu làng chài là yêu những con thuyền sau một chuyến ra khơi vất vả, trở về nằm ngủ im lìm trên bến. Con thuyền trong bài thơ đã được nhân hóa nhằm gợi cảm cuộc sống lao động vất vả mà yên vui của người dân:

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Các chữ *im, mỏi, nằm, nghe, thấm dần* rất gợi cảm và biểu cảm. Sự chuyển đổi cảm giác tài tình đã tạo nên những vần thơ giàu cảm xúc.

Khổ thơ cuối nói lên nỗi nhớ nhung làng chài quê hương của người con xa quê. Nỗi nhớ ấy được diễn tả qua điệp khúc "*nhớ*" trong các câu thơ:

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

Nhớ quê hương là nhớ *màu xanh* của nước, *màu bạc* tươi ngon của cá, *màu vôi* bạc phếch của cánh buồm, là nhớ con thuyền làng chài *rẽ sóng ra khơi*, là nhớ cái mùi *nồng mặn quá* trong hương vị của biển. Chữ *thoáng* trong câu vừa gợi tả hình bóng con thuyền ra khơi mờ dần nơi cuối biển vừa thể hiện niềm tưởng nhớ trong hoài niệm của tác giả.

Tố Hữu đã ca ngợi thơ Tế Hanh là *những câu hát yêu thương*, còn nhà thơ Xuân Diệu thì cho rằng nó *như một dòng suối nhỏ nhưng là nguồn tình cảm trong lành và bền vững*. Đọc bài *Quê hương* của Tế Hanh ta cảm thấy yêu thơ và tâm hồn thơ của Tế Hanh. Với ông những cảnh sắc về bầu trời, dòng sông, cánh buồm, bến đỗ, con cá... là màu sắc, là hương vị là hình bóng thân yêu của quê

nhà. Hình tượng thơ của Tế Hanh tuy bình dị mà rất có tình. Những nét nhân hóa trong bài thơ *Quê hương* rất sáng tạo và hấp dẫn người đọc. Đó chính là điểm nhấn giúp bài thơ giàu tình cảm và cảm xúc.

Bài 22. KHI CON TU HÚ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chim đang chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...
Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Huế, tháng 7 – 1939

(Tố Hữu, *Từ ấy*).

Bài thơ "Khi con tu hú" của Tố Hữu được viết trong hoàn cảnh nào?

A. Khi mùa hạ đến, loài chim tu hú thường gọi bầy.

B. Khi lúa chim chín và trái cây ngọt dần.

C. Khi Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (Huế).

D. Vào năm 1942 khi Tố Hữu vượt ngục thành công và bắt liên lạc với tổ chức Đảng.

Bài thơ "Khi con tu hú" nằm trong tập thơ nào của tác giả Tố Hữu?

A. Từ ấy (1937 – 1946).

B. Việt Bắc (1946 – 1954).

C. Máu và hoa (1972 – 1977).

D. Một tiếng đờn (1979 – 1992).

Bài thơ nào sau đây không phải là của nhà thơ Tố Hữu?

A. Việt Bắc.

B. Đêm nay Bác không ngủ.

C. Sáng tháng Năm.

D. Mẹ Suốt.

4. **Bài thơ "Khi con tu hú" được viết theo thể thơ nào?**

A. Thất ngôn bát cú.

B. Thất ngôn tứ tuyệt.

C. Lục bát.

D. Song thất lục bát.

5. **Câu nào dưới đây nói đúng về Tố Hữu và thơ của ông?**

A. Tố Hữu sáng tác thơ để ca ngợi cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc.

B. Ở Tố Hữu có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ.

C. Thơ Tố Hữu hầu hết miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên quê hương và đất nước.

D. Cả A, B và C đều đúng.

6. **Nhan đề bài thơ là "Khi con tu hú" có ý nghĩa gì?**

A. Gợi ra hình ảnh loài chim sẽ được nhắc đến trong bài thơ.

B. Gợi lên thời điểm được nói đến trong bài thơ.

C. Gợi ra khung cảnh thiên nhiên trong bài thơ.

D. Gợi lên tư tưởng của tác giả.

7. **Bốn câu thơ:**

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

phản ánh tâm trạng nào của tác giả?

A. Tâm trạng khát khao cuộc sống tự do ở bên ngoài.

B. Tâm trạng tù túng, ngột ngạt khi bị bắt giam.

C. Tiếng kêu của chim tu hú khiến cho niềm khát khao tự do của tác giả càng thêm dâng trào.

D. Cả A, B và C đều đúng.

8. **Nội dung chủ yếu trong bài thơ "Khi con tu hú" của tác giả Tố Hữu là gì?**

A. Miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên quê hương trong một buổi trưa mùa hạ.

B. Thể hiện lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

C. Khẳng định một chân lí: "Trời xanh càng rộng càng cao".

D. Thể hiện lòng trung kiên và tinh thần bất khuất của tác giả.

9. Câu nào dưới đây diễn tả đúng nhất về *khung cảnh mùa hè* được tác giả miêu tả trong sáu câu thơ đầu của bài thơ?

A. Bức tranh mùa hè tràn ngập âm thanh của tiếng ve.

B. Bức tranh mùa hè tràn ngập màu xanh của bầu trời.

C. Bức tranh mùa hè tràn ngập âm thanh và màu sắc rực rỡ.

D. Bức tranh mùa hè là bức tranh của trời cao và nắng vàng.

10. Trong bài thơ "Khi con tu hú", có một hình ảnh được tác giả Tố Hữu nhắc đến hai lần, đó là hình ảnh nào?

A. Lúa chim đương chín và trái cây ngọt.

B. Trời xanh rộng và cao.

C. Bắp rây vàng hạt.

D. Tiếng kêu của chim tu hú.

II. TỰ LUẬN

Trình bày cảm nhận về bài thơ "Khi con tu hú" của tác giả Tố Hữu.

Gợi ý trả lời:

Tố Hữu viết bài thơ "Khi con tu hú" vào tháng 7 năm 1939 sau gần 100 ngày bị giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế). Không gian, thời gian, tâm trạng của tác giả đã được thể hiện qua những câu thơ đặc sắc trong bài thơ.

Bài thơ bắt đầu bằng tiếng chim tu hú gọi bầy vang vào ngục thất, nơi có một tù nhân đang bị giam cầm. Tiếng chim tu hú đã gợi lên trong tác giả nhiều điều về nỗi nhớ và hoài niệm. Tu hú thì gọi bầy, lúa chim thì đương chín, trái cây thì ngọt dần. Âm thanh và hương vị thể hiện một khung cảnh của làng quê thân yêu. Chữ "đương chín" và "ngọt dần" gợi tả sự trôi qua của thời gian một cách chậm chạp. Giọng thơ bồi hồi và da diết xuất phát từ không gian mênh mông:

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chim đương chín, trái cây ngọt dần.

Giữa chốn ngục tù lòng sôi rạo rực, người chiến sĩ nhớ tiếng ve ngân, nhớ màu vàng của bắp, màu đào của nắng. Khung cảnh cánh đồng quê hiện lên một cách bình dị, thân thiết, yêu thương:

Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.

Chỉ có những ai có khát vọng sống với có được nỗi nhớ ấy. Vần thơ đầy màu sắc, ánh sáng và âm thanh. Tiếng ve ngân chứa đầy tâm trạng. Đó là tâm

trạng ngột ngạt, tù túng nơi buồng giam; là tất cả những gì tác giả đã cảm nhận trong những ngày tháng tự do. Sau tiếng ve là màu sắc của thiên nhiên, của nắng và của bắp. Những thứ hết sức bình dị trong cuộc sống hàng ngày giờ trở thành những hình ảnh hết sức đẹp trong thơ Tố Hữu. Chữ "ngân" diễn tả thời gian kéo dài còn từ "đầy" diễn tả không gian có ánh nắng chan hòa và rực rỡ.

Nỗi nhớ của tác giả trở nên bồi hồi hơn với bầu trời xanh nơi có đôi diều sáo đang nhào lộn. Sự khoáng đạt của không gian là thế, mênh mông là thế, nó hoàn toàn trái ngược với sự chật chội nơi tác giả đang trú ngụ. Hình ảnh con diều lộn nhào từng không mang ý nghĩa cho sự tung hoành và khát vọng tự do, đó cũng chính là khát vọng cháy bỏng của tác giả hôm qua, hôm nay và mai sau:

Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.

Sáu câu thơ đầu làm hiện lên bức tranh đồng quê thân yêu, nó không dừng lại ở câu thơ mà đã nên nhạc, nên họa. Ngôn ngữ trong sáng, trau chuốt và giàu tính hình ảnh. Các câu thơ đã thể hiện sự trẻ trung và yêu đời, niềm khát khao và say mê cuộc sống. Có thể nói nhà thơ đang ở trong lao nhưng tâm hồn thì vẫn hướng về một không gian bao la nơi có bầu trời xanh, có nắng ấm, có tất cả những gì thuộc về cuộc sống tự do ở bên ngoài.

Những câu thơ tiếp theo nhà thơ đã chuyển từ giọng điệu tha thiết sang giọng điệu uất hận sục sôi.

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.

Mùa hè đã đến và đang qua, bao âm thanh của hè đã dậy bên lòng, thôi thúc, giục tác giả đạp tan xà lim chật chội, xóa bỏ cảnh tù đày. Lòng uất hận dâng trào khiến tác giả muốn phá tan chốn ngục tù chật chội và ngột ngạt. Câu thơ "Ngột làm sao chết uất thôi" với cách ngắt nhịp 3/3, cảm xúc được nén xuống bỗng trào lên thể hiện một ý chí bất khuất. Quyết sống chết vì tự do của bản thân cũng như của cả dân tộc. Mở đầu bài thơ là tiếng chim tu hú gọi bầy, khép lại bài thơ cũng là tiếng chim tu hú. Tiếng chim vừa gợi nhớ yêu thương, vừa như giục giã nhà thơ nhanh chóng về với cuộc sống của những người chiến sĩ cách mạng.

Bài 23. TỨC CẢNH PÁC PÓ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ bài thơ dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Tháng 2 năm 1941

(*Thơ Hồ Chủ tịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 1967).

1. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" do ai sáng tác?

A. Tố Hữu.
C. Phan Bội Châu.
B. Chế Lan Viên.
D. Hồ Chí Minh.

2. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Khi Bác Hồ đi thăm thắng cảnh Pác Bó.
B. Khi Bác Hồ tham gia lãnh đạo Chiến dịch Biên giới 1950.
C. Khi Bác Hồ trở về Việt Nam năm 1941, trực tiếp lãnh đạo cách mạng; Người đã sinh sống và làm việc tại hang Pác Bó.
D. Khi Bác Hồ sang Trung Quốc tìm đường cứu nước.

3. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" được sáng tác theo thể thơ gì?

A. Thất ngôn bát cú đường luật.
C. Song thất lục bát.
B. Thất ngôn tứ tuyệt.
D. Ngũ ngôn.

4. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" được viết với giọng điệu như thế nào?

A. Giọng điệu thoải mái pha chút vui đùa, hóm hỉnh.
B. Giọng điệu buồn thảm, thê lương.
C. Giọng điệu nhẹ nhàng, bình thường.
D. Giọng điệu bi hùng, ai oán.

5. Trong bài thơ, cuộc sống vật chất của Bác Hồ như thế nào?

A. Bác Hồ được sống một cuộc sống vật chất đầy đủ, sang trọng.
B. Bác Hồ sống bình dị nhưng không hề thiếu thốn.
C. Bác Hồ sống với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhưng Bác vẫn cho rằng đó là một cuộc sống sang trọng.
D. Bác Hồ sống một cuộc sống tẻ nhạt, buồn chán, không có ý nghĩa.

6. Những hình ảnh nào trong bài thơ đề cập đến những sinh hoạt vật chất hằng ngày của Bác?

A. Bờ suối, hang động.

B. Cháo bẹ, rau măng.

C. Bàn đá chông chênh.

D. Cả A, B, C đều đúng.

7. Khi nhận xét về Bác Hồ, nhiều nhà thơ, nhà nghiên cứu đều có chung nhận định: "*Trong người Bác luôn có sẵn cái thú lâm tuyền*". Thú lâm tuyền ở đây có nghĩa là:

A. Bác Hồ luôn yêu quý và thường hay nuôi dưỡng những con thú để bầu bạn với mình.

B. Bác luôn yêu thích thiên nhiên, sống gần gũi, hoà hợp với thiên nhiên.

C. Đó là những con vật ở chốn núi rừng.

D. Sở thích đi săn thú của Bác Hồ.

8. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" được viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Phương thức miêu tả và tự sự.

B. Phương thức trần thuật và tự sự.

C. Phương thức tự sự và biểu cảm.

D. Phương thức miêu tả và biểu cảm.

9. Hình ảnh người chiến sĩ gánh trên vai nhiệm vụ cao cả, thiêng liêng được thể hiện qua câu thơ nào dưới đây?

A. Sáng ra bờ suối, tối vào hang.

B. Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

C. Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng.

D. Cuộc đời cách mạng thật là sang.

10. Nhận định nào sau đây phản ánh đúng nhất về tính cách của Bác Hồ trong bài thơ?

A. Bình tĩnh, tự tin trong bất kì hoàn cảnh khó khăn nào.

B. Quyết đoán, kiên định trước mọi tình thế cách mạng.

C. Yêu nước, thương dân như con.

D. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn, gian khổ.

II. TỰ LUẬN

Nhận xét về giọng điệu trong bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" của Hồ Chí Minh.

Gợi ý trả lời:

- Câu thơ đầu có giọng điệu thoải mái, cho thấy Bác Hồ sống thật ung dung, đồng điệu với nhịp sống của núi rừng Pác Bó:

Sáng ra bờ suối tối vào hang.

Câu thơ ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi, gợi cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp: sáng – tối, ra – vào.

- Câu thơ thứ hai vẫn tiếp tục mạch cảm xúc đó nhưng có thêm nét tươi vui, thích thú. Đó là sự sẵn sàng của các loại thức ăn thường nhật:

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.

- Hai câu thơ đầu nói về sinh hoạt thường ngày của Bác trong ăn ở. Câu thơ thứ ba cũng diễn tả sinh hoạt đó nhưng ở một khía cạnh khác: làm việc.

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng.

Câu thơ trên thể hiện hơn nữa sự thích thú của Bác với điều kiện sinh hoạt tại Pác Bó, đồng thời cũng làm nổi bật hình ảnh người chiến sĩ cách mạng trên chiến khu. Giọng điệu thơ khỏe khoắn và nhiều ấn tượng.

Từ láy duy nhất trong bài thơ: *chông chênh* tạo nên một khung cảnh vừa mạo hiểm vừa gợi cảm, tạo cho người đọc chút tò mò. Ba chữ *dịch sử Đảng* toàn vần trắc làm cho lời thơ thêm mạnh mẽ. Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ cách mạng vừa chân thực, sinh động vừa mang một sứ mệnh lớn lao, một tư thế uy nghi giống như một tượng đài về tinh thần cách mạng. *Dịch sử Đảng* ở đây là sử Đảng Liên Xô, đó chính là khởi nguồn cho thắng lợi của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

- Câu thơ cuối cùng toát lên được tinh thần của toàn bài thơ:

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Sang ở đây hoàn toàn không phải là sang trọng theo cách hiểu hiện đại mà chính là sự sang trọng trong chính lối sống, sinh hoạt, làm việc và sự cống hiến của người chiến sĩ cách mạng. Câu thơ trên không thuyết minh cho toàn bài thơ nhưng đã làm cho bài thơ có một sức hấp dẫn kì lạ. Sức hấp dẫn ấy đến từ giọng điệu của câu thơ và toàn bài thơ.

Bài 24. NGẮM TRĂNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ bài thơ dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù*, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000).

1. Tập thơ "Nhật kí trong tù" được Hồ Chí Minh sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Bác trở về Việt Nam trực tiếp lãnh đạo cách mạng vào tháng 2-1941.

B. Trong thời gian Bác Hồ đi khắp năm châu tìm đường cứu nước.

C. Trong thời gian Bác bí mật sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế cho cách mạng và bị bắt giam trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây.

D. Trong thời gian Bác Hồ trở về thủ đô Hà Nội sau Cách mạng tháng Tám thành công.

2. Tập thơ "Nhật kí trong tù" được Bác sáng tác bằng chữ gì?

A. Chữ Hán.

B. Chữ Nôm.

C. Chữ Hán và chữ Nôm.

D. Chữ Quốc ngữ.

3. Tập thơ "Nhật kí trong tù" gồm bao nhiêu bài thơ và phần lớn được viết theo thể thơ nào?

A. Gồm 143 bài – được viết chủ yếu theo thể thơ tứ tuyệt.

B. Gồm 133 bài – được viết chủ yếu theo thể thơ tứ tuyệt.

C. Gồm 134 bài – được viết chủ yếu theo thể thơ song thất lục bát.

D. Gồm 135 bài – được viết chủ yếu theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

4. Mục đích của Bác Hồ khi viết tập thơ "Nhật kí trong tù" là gì?

A. Để tuyên truyền cách mạng, vận động quần chúng nhân dân hăng hái tham gia cách mạng.

B. Để giác ngộ cho các tầng lớp thanh niên, nâng cao trình độ hoạt động cách mạng cho họ.

C. Để lên án sự cai trị áp bức bóc lột của thực dân Pháp ở nước ta, kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

D. Để giải khuây trong những ngày ở tù.

5. **Bài thơ "Ngắm trăng" được Bác viết theo thể thơ gì?**

A. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.

B. Thể thơ song thất lục bát.

C. Thể thơ ngũ ngôn.

D. Thể thơ tự do.

6. **Bài thơ "Ngắm trăng" thể hiện tính cách gì ở Bác Hồ?**

A. Lòng yêu nước thương dân, nỗi đau trước cảnh nước mất nhà tan.

B. Lòng yêu thiên nhiên tha thiết, sống hoà nhập với thiên nhiên, sống lạc quan dù trong hoàn cảnh bị tù đầy.

C. Tinh thần kiên trì, dũng cảm vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

D. Cuộc sống giản dị, gần gũi với nhân dân.

7. **Bài thơ "Ngắm trăng" được Hồ Chí Minh viết trong hoàn cảnh nào?**

A. Trên đường bị chuyển từ nhà giam này sang nhà giam khác.

B. Trên chiến khu Việt Bắc vào một đêm trăng sáng, Bác không ngủ được vì bận lo việc nước.

C. Khi bị giam ở trong tù vào một đêm trăng sáng tuyệt đẹp.

D. Khi đang bàn bạc việc nước trên thuyền giữa sông.

8. **Nhận xét nào sau đây nói đúng tâm trạng của Bác Hồ trước cảnh đẹp tuyệt vời trong bài thơ "Ngắm trăng"?**

A. Tâm trạng xao xuyến, pha lẫn một chút bối rối.

B. Tâm trạng buồn bã, sầu não.

C. Tâm trạng hân hoan, mừng rỡ.

D. Tâm trạng bất bình, tức giận.

9. **Trong bài thơ "Ngắm trăng", Hồ chí Minh đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào dưới đây?**

A. Nghệ thuật hoán dụ.

C. Nghệ thuật so sánh.

B. Nghệ thuật nhân hoá.

D. Nghệ thuật ẩn dụ.

10. **Trong bài thơ "Ngắm trăng", mối quan hệ giữa Bác và trăng là mối quan hệ giữa:**

A. Mối quan hệ giữa những người bạn tri kỉ, tri âm.

B. Mối quan hệ giữa thi sĩ và trăng.

C. Mối quan hệ giữa hai con người đồng cảnh ngộ.

D. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên tươi đẹp.

II. TỰ LUẬN

Trong bài thơ "Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh có một thế giới trăng đầy lãng mạn. Hãy làm rõ nhận định trên.

Gợi ý trả lời:

Bài thơ "Ngắm trăng" nằm trước chùm thơ "Trung thu" của Hồ Chí Minh. Bài thơ được viết vào mùa thu năm 1942, đó là bài số 21 trong "Nhật kí trong tù" của Bác.

Bài thơ viết về cảnh ngắm trăng nhưng không phải ngắm trăng một cách bình thường mà nhìn ánh trăng từ trong ngục. Từ tư thế ngắm trăng ấy đã toát lên một vẻ đẹp thanh cao trong tâm hồn Bác, một phong thái ung dung, tự tại của người chiến sĩ cách mạng trước cảnh đẹp thiên nhiên.

Mở đầu bài thơ là cảnh ngộ của nhà thơ:

Trong tù không rượu cũng không hoa.

Bị giam cầm trong nhà lao của bọn Tưởng Giới Thạch, sự thiếu thốn trăm bề là điều tất nhiên. Điều này không nói ra thì có lẽ chúng ta cũng hình dung được. Nhưng sự thiếu thốn ấy không ngăn nổi tâm hồn thơ của Bác, không làm cho Bác buồn lòng:

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.

Ánh trăng, rượu, hoa là những thứ đi liền với tâm hồn thi sĩ. Rất nhiều bài thơ lấy cảm hứng từ những thú vui này. Đối với Bác, chung quanh chỉ có ánh trăng soi từ bên ngoài qua song sắt. Trước cảnh đẹp nhưng lại thiếu rượu và hoa, điều này đã làm mất đi một phần thi hứng của nhà thơ. Hai câu thơ đầu chưa đề cập đến ánh trăng nhưng đọc lên như đã hiện hữu một ánh trăng. Ánh trăng đó chính là ánh sáng trong tâm hồn Bác, soi vào một đêm tối tăm của đất nước. Hai câu thơ sau ánh trăng mới thật sự xuất hiện và bao trùm không gian chốn ngục thất, ánh trăng trở thành "nhân vật" chính của *đêm nay*:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Điểm nhấn của bài thơ chính là ở hai câu thơ cuối. Không chỉ có một hình ảnh mà là hai hình ảnh hòa quyện vào nhau. Sự hòa quyện đến mức đồng điệu và tưởng chừng như chỉ có một. Trong các câu thơ chữ Hán thường có hai hình ảnh gắn liền với nhau, chẳng hạn như *nhân – nguyệt* hoặc *nguyệt – thi gia.* Trong bài thơ của Bác Hồ cũng thế. Câu thứ ba Bác vẫn còn xưng *Người,* nhưng

câu cuối đã thành *nhà thơ*. Câu thơ mang ý nghĩa thẩm mĩ đặc sắc. Từ trong ngục tối, nơi chỉ có bốn bức tường giam, không có bất kì thú vui nào, người tù nhìn ánh trăng soi từ cửa sổ. Đó là hình ảnh rất bình thường nhưng đối với Bác nó trở thành một niềm vui, một dịp may hiếm có. Từ "*ngắm*" thể hiện vẻ say sưa và một sự thưởng thức, thưởng thức cái đẹp, cái tao nhã của thiên nhiên. Không chỉ diễn ra một chiều *ngắm*. Ánh trăng đã được nhân hóa để *nhòm* lại nhà thơ. Vầng trăng bây giờ không còn là một vật vô tri vô giác nữa mà đã có tâm hồn, một tâm hồn đồng điệu với tâm hồn Bác. Bác và trăng lặng lẽ nhìn nhau, cảm thông, chia sẻ với mối tình tri âm, tri kỉ. Hai câu thơ đối nhau, ngôn ngữ và hình ảnh cân xứng, hài hòa. Trăng và nhà thơ dù bị song sắt ngục tù chia cách nhưng vẫn rất gần gũi và ân tình. Đọc hai câu thơ chúng ta thấy ánh trăng như tràn ngập, như bừng sáng chiếu cả không gian bao la; khung cảnh không còn là ngục thất mà là một thế giới bao la với ánh trăng chiếu sáng và tâm hồn thi sĩ bay bổng. Có thể nói đây là hai câu thơ nhất và đẹp nhất ánh trăng trong thơ Bác. Tư thế ngắm trăng của Hồ Chí Minh đã thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp của Bác, đồng thời thể hiện tinh thần lạc quan của Người dù ở vào hoàn cảnh khó khăn nhất. Chúng ta còn bắt gặp nhiều bài thơ khác thể hiện được ý chí, nghị lực và tinh thần lạc quan của Bác nhưng đây là bài thơ để lại nhiều ấn tượng nhất. Bài thơ vừa thể hiện tình yêu thiên nhiên, vừa biểu lộ một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại, vừa thể hiện khát vọng tự do. Nó là hình ảnh tượng trưng cho một tâm thế sẵn sàng. Như Bác đã nói: "*Thân thể ở trong lao – Tinh thần ở ngoài lao*".

Nhà văn Hoài Thanh đã nhận xét rằng "*Thơ Bác đầy trăng*" quả thật không sai vì trong *Nhật kí trong tù* có đến 7 bài thơ nhắc đến trăng.

Bài 25. ĐI ĐƯỜNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

(Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù*, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000).

1. Bài thơ "Đi đường" được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Trong lúc Bác Hồ bị bắt giam ở nhà tù Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc), trên đường bị chuyển từ trại giam này sang trại giam khác, Bác đã sáng tác bài thơ.

B. Trong lúc Bác đi chiến dịch Biên giới, phải trèo lên núi cao để quan sát.

C. Trong lúc Bác vượt biên giới tìm đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ của nước ngoài.

D. Trong quá trình bôn ba nơi hải ngoại để tìm đường cứu nước.

2. Bài thơ "Đi đường" được sáng tác theo thể thơ gì?

A. Thể thơ tứ tuyệt Đường luật.

B. Thể thơ song thất lục bát.

C. Thể thơ ngũ ngôn.

D. Thể thơ tự do.

3. Trong các bài thơ đã học dưới đây, bài thơ nào không được viết theo thể thơ tứ tuyệt?

A. Bài thơ *Ngắm trăng* – Hồ Chí Minh.

B. Bài thơ *Đi đường* - Hồ Chí Minh.

C. Bài thơ *Rằm tháng giêng* - Hồ Chí Minh.

D. Bài thơ *Hai chữ nước nhà* – Trần Tuấn Khải.

4. Trong bài thơ "Đi đường", Hồ Chí Minh đã sử dụng biện pháp tu từ nào dưới đây?

A. Biện pháp tu từ nhân hoá.

B. Biện pháp tu từ so sánh.

C. Biện pháp tu từ điệp từ.

D. Biện pháp tu từ hoán dụ.

5. Trong bản dịch thơ "Đi đường", điệp ngữ "núi cao" được nhắc mấy lần?

A. Được nhắc lại 1 lần.

B. Được nhắc lại 2 lần.

C. Được nhắc lại 3 lần.

D. Được nhắc lại 4 lần.

6. Trong bản dịch thơ "Đi đường", điệp ngữ "núi cao" được nhắc lại nhiều lần nhằm mục đích gì?

A. Khắc họa đậm nét cảnh tượng hết lớp núi này đến lớp núi khác nối tiếp nhau trùng điệp.

B. Nhấn mạnh sự gian lao vất vả chồng chất của người đi đường.

C. Bộc lộ niềm yêu thích thiên nhiên.

D. Cả A, B đều đúng.

. Câu thơ nào trong bản dịch thơ "Đi đường" diễn tả sự trải dài bất tận của những dãy núi cao?

A. Đi đường mới biết gian lao.

B. Núi cao rồi lại núi cao trập trùng.

C. Núi cao lên đến tận cùng.

D. Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

. Ý nào sau đây phản ánh đúng nhất tâm trạng của người đi đường khi lên đến đỉnh núi?

A. Tự hào cao độ vì mình là người đầu tiên chinh phục được một địa điểm cao nhất mà mọi người chưa chinh phục được.

B. Thanh thản, ung dung vì đã đạt được mục đích, mọi cảnh vật như thu vào tầm mắt.

C. Sảng khoái, vui mừng vì mình đã kết thúc chặng đường đầy khó khăn.

D. Mệt mỏi, uể oải vì đã mất nhiều sức lực sau một chặng đường dài.

. Mượn sự kiện đi đường đầy gian lao, Hồ Chí Minh muốn khẳng định triết lí gì?

A. Đường đời có rất nhiều thử thách, con người phải có những biện pháp cụ thể để vượt qua từng thử thách.

B. Cuộc sống có nhiều cơ hội, con người phải biết nắm bắt và tận dụng triệt để.

C. Con người có sức mạnh to lớn, có thể đánh bại mọi khó khăn.

D. Đường đời chông gai, chứa đựng nhiều khó khăn, vất vả nhưng nếu cố sức vượt qua thì sẽ có niềm vui và hạnh phúc to lớn.

10. Bài thơ "Đi đường" thể hiện tinh thần gì của Bác Hồ?

A. Tính kiên trì, vượt qua mọi khó khăn, thử thách và thái độ lạc quan.

B. Tinh thần gan dạ, dũng cảm, chiến đấu vì sự nghiệp cách mạng.

C. Tinh thần yêu đời, yêu cuộc sống.

D. Tinh thần yêu độc lập, tự do.

II. TỰ LUẬN

1. Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ "Đi đường" của Hồ Chí Minh.

2. Lập dàn bài để tìm hiểu ý nghĩa bài thơ "Đi đường" của Hồ Chí Minh.

Gợi ý làm bài:

1. Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ "Đi đường" của Hồ Chí Minh

Đi đường là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt số 30 trong "Nhật kí trong tù". Lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đã bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giải lui giải tới qua nhiều nhà lao trên tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Trải qua cay đắng thử thách nặng nề, Người gửi gắm bao suy nghĩ, cảm xúc của mình vào bài thơ *Đi đường* này. Bài được tác giả Nam Trân dịch thành thơ:

Đi đường mới biết gian lao
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng
Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

Tác giả mượn chuyến đi đường để nêu lên cảm nhận đường đời vô cùng khó khăn, gian khổ: phải có quyết tâm cao, nghị lực phi thường mới chiến thắng thử thách, mới giành được thắng lợi vẻ vang.

Câu thơ thứ nhất trong bài nói lên một kinh nghiệm, một chiêm nghiệm trong cuộc sống, đó là chuyện đi đường và nỗi khó khăn của chuyện đi đường. Đối với nhà thơ, con đường được nói tới không chỉ là con đường đang đi mà là con đường cách mạng. Con đường đó vô cùng nguy hiểm, *là gươm kề tận cổ, súng kề tai.* Hình ảnh con đường được miêu tả bằng điệp từ *trập trùng* đã làm nổi bật với bao gian khổ. Trong câu thơ có chữ *cao* đã nói lên những khó khăn trên con đường mà Bác miêu tả trong bài thơ.

Hai câu thơ đầu về mặt văn chương ngữ nghĩa không có gì mới. Việc đi đường gặp khó khăn thường xuất hiện trong các áng văn cổ. Tuy nhiên, trong thơ Hồ Chí Minh nó được thể hiện một cách sâu sắc và có tính chiêm nghiệm, nó cho thấy một trải nghiệm của con người bao nhiêu năm trên đường bôn ba cứu nước. Con đường mà người chiến sĩ ấy vượt qua đâu chỉ có núi cao mà còn đầy phong ba bão táp, trên những đại dương bao la hay miền sa mạc cát trắng.

Hai câu thơ cuối kết thúc theo quan hệ điều kiện - nhân quả. Khi đã chiếm được đỉnh cao chót vót thì muôn dặm nước non thu vào trong tầm mắt:

Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

Muốn vượt qua các dãy núi để lên được trên đỉnh thì phải có quyết tâm và nghị lực lớn, chỉ có vậy mới giành được thắng lợi cuối cùng. Câu thơ hàm chứa bài học quyết tâm vượt khó, nêu cao ý chí và nghị lực trong cuộc sống để giành thắng lợi. Bài học này là bổ ích cho tất cả cho mọi người.

2. Lập dàn bài để tìm hiểu ý nghĩa bài thơ "Đi đường" của Hồ Chí Minh.

A. Mở bài

- *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh là tác phẩm văn học có giá trị lớn, là một tác phẩm quý trong kho tàng văn học Việt Nam.

- Nhiều bài thơ trong *Nhật kí trong tù* thể hiện quan niệm sống đúng đắn, trở thành bài học quý cho tất cả mọi người. Bài thơ *Đi đường* là một dẫn chứng tiêu biểu.

- Tìm hiểu bài thơ *Đi đường* của Bác để có thêm một bài học quý giá trong đường đời.

B. Thân bài

* Ý nghĩa của bài thơ:

- Nghĩa đen:

+ Con đường lên núi thật khó khăn vất vả, nhiều gian nan mệt nhọc. Vượt qua ngọn núi này, phải trèo lên ngọn núi khác cao hơn, núi non trập trùng nối tiếp nhau.

+ Khi đặt chân lên đỉnh núi cao nhất, ta sẽ thấy được mọi thứ ở xung quanh, khi đó mọi khó khăn sẽ trở thành nhỏ bé.

- Nghĩa bóng: Nếu có quyết tâm và lòng kiên trì vượt qua thử thách thì nhất định sẽ có được hiệu quả cao.

* Nội dung của bài thơ:

- Bài thơ nêu ra một chân lí tuy bình thường nhưng rất sâu sắc và không phải ai cũng có thể thực hiện được. Những khó khăn trong cuộc sống sẽ xảy ra đòi hỏi con người phải giải quyết, đó là thước đo cho lòng kiên trì và quyết tâm của mỗi con người. Chỉ khi có sự phấn đấu, rèn luyện thì mới mong đạt được kết quả cuối cùng.

- Bác Hồ cũng đã có một số câu thơ nói lên những thử thách trong cuộc sống, qua đó đề cao ý chí quyết tâm của con người:

Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông.
Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công.

Bài 26. CHIẾU DỜI ĐÔ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Phải chăng các vua thời Tam đại theo ý riêng mà tự tiện chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi. Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng của mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tốn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.

Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm của đất nước; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông tựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?

(Lý Công Uẩn, *Trong thơ văn Lí – Trần*, tập I, NXB KHXH, Hà Nội, 1977)

1. Lý Thái Tổ là vị vua đầu tiên của triều đại nào dưới đây trong lịch sử Việt Nam?

A. Triều Đinh.

B. Triều Lý.

C. Triều Trần.

D. Triều Lê Sơ.

2. Câu nào dưới đây nói đúng về thể loại "Chiếu"?

A. Là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.

B. Thể thơ do vua viết để khen ngợi các công thần.

C. Là một loại hịch dùng để khích lệ tinh thần quân sĩ.

D. Là văn bản đọc khi một vị vua mới lên ngôi.

3. Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ đã đưa kinh đô của nước ta từ đâu dời về đâu?

A. Từ Đại La về Hoa Lư (Ninh Bình).

B. Từ Đại La về Thiên Trường (Nam Định).

C. Từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Đại La.

D. Từ Hoa Lư về Thiên Trường (Nam Định).

4. Sự kiện Lý Công Uẩn dời đô diễn ra vào năm nào?

A. Năm 1009.

B. Năm 1010.

C. Năm 1011.

D. Năm 1012.

5. Câu nào dưới đây thể hiện rõ mục đích trong việc dời đô của vua Lý Thái Tổ?

A. Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu.

B. Trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi.

C. Cứ đóng đô yên thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tốn, muôn vật không được thích nghi.

D. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.

6. Câu nào dưới đây nói lên vị thế thuận lợi của kinh đô mới trong việc phát triển đất nước?

A. Ở vào nơi trung tâm của đất nước; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi.

B. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông tựa núi.

C. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng.

D. Câu A, B và C đều đúng.

7. Câu nào dưới đây diễn tả đúng nghĩa của từ "Thắng địa" trong "Chiếu dời đô"?

A. Là nơi cao ráo, thoáng mát.

B. Là nơi có phong cảnh và địa thế đẹp.

C. Là nơi có sông ngòi bao quanh.

D. Là nơi núi non hiểm trở.

8. Câu nào dưới đây cho thấy hành động dời đô của Lý Thái Tổ không phải là việc làm tuỳ tiện?

A. Trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi.

B. Hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng của mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu.

C. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.

D. Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.

9. "Chiếu dời đô" của Lý Thái Tổ phản ánh khát vọng gì của nhân dân Đại Việt?

A. Khát vọng về một đất nước độc lập thống nhất

B. Khát vọng về một kinh đô mới to đẹp hơn.

C. Khát vọng trở thành một nước hùng mạnh như Trung Hoa.

D. Khát vọng có kinh đô là trung tâm của đất nước.

10. "Chiếu dời đô" của Lý Thái Tổ có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với mọi người dân là vì lý do nào?

A. Phản ánh được ý nguyện của tầng lớp thống trị.

B. Phản ánh được tinh thần độc lập tự cường của quốc gia Đại Việt

C. Phản ánh được ý nguyện của nhân dân, có sự kết hợp hài hòa giữa tình và lí.

D. Giúp dân tộc có khả năng chống lại các cuộc xâm lược của phong kiến phương Bắc.

II. TỰ LUẬN

Phân tích văn bản "Chiếu dời đô" của Lí Công Uẩn.

Gợi ý trả lời:

Lý Công Uẩn quê ở Kinh Bắc, là võ tướng có tài của Lê Đại Hành, từng giữ chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Ông là người tài trí, đức độ,kín đáo, nhiều hy vọng. Năm 1009, Lê Ngọa Triều chết, Lý Công Uẩn được giới tăng lữ và triều thần tôn lên làm vua, lấy hiệu là Lý Thái Tổ và gây dựng nên nhà Lý tồn tại hơn 200 năm. Năm 1010, Lý Thái Tổ viết "Chiếu dời đô" để dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Đại La. Sau khi dời về Đại La, ông đổi tên địa điểm này thành Thăng Long, kinh đô của nước Đại Việt, chính là Hà Nội ngày nay.

Chiếu dời đô của Lý Công Uẩn là văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn. Chính văn bản này đã góp phần khai sinh ra ra kinh đô của nước ta trong quá khứ và hiện nay.

Phần đầu của *Chiếu dời đô* nói lên mục đích sâu xa, tầm quan tọng của việc dời đô. Đó là *để đóng đô nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên theo mệnh trời, dưới theo ý dân.* Nói một cách kác, việc

dời đô là một việc lớn, vừa hợp mệnh trời, vừa hợp lòng dân, là để xây doing đất nước cường thịnh, đem lại hạnh phúc cho muôn dân.

Việc dời đô không còn là chuyện xưa nay hiếm, nó đã được thực hiện bởi các vị vua trước đó ở Trung Hoa. Tác giả đã nêu lên những dẫn chứng cụ thể để thuyết phục mọi người. Chuyện các vị vua Trung Hoa dời đô để xây dựng đất nước phồn thịnh, chuyện các vị vua Việt Nam thời Đinh - Lê đóng đô ở Hoa Lư làm cho triều đại không vững bền, nhân dân đói kém... Lý Công Uẩn đau xót khi chứng kiến *vận số ngắn ngủi* của nhà Đinh, nhà Lê và cảm thấy việc dời đô là một việc làm cấp thiết.

Phần mở đầu của *Chiếu dời đô* có lí lẽ sắc bén, dẫn chứng cụ thể, giàu sức thuyết phục. Tác giả đã lồng vào cảm xúc vào bài chiếu, tạo nên những ấn tượng đẹp: *Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.*

Tác giả đã chỉ ra được những điểm thuận lợi của kinh đô mới so với kinh đô cũ. Đại La không có gì xa lạ đối với mỗi người dân Việt lúc đó, nó được Cao Biền đời nhà Đường xây dựng vào thế kỉ thứ IX. Những điểm mạnh của kinh đô đã được Lý Công Uẩn chỉ rõ trong bài chiếu. Vị trí của nó *ở vào nơi trung tâm của trời đất ... đã đúng ngôi nam bắc đông tây.* Địa thế của Đại La rất đẹp, rất hùng vĩ, là *thế rồng cuộn hổ ngồi, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi, địa thế rộng mà bằng phẳng; đất đai cao mà thoáng.*

Rõ ràng đây là một vùng đất lí tưởng thích hợp cho việc đóng đô và quần tụ cư dân. Nó không bị ngập lụt mà *muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi.*

Tóm lại, Đại La là *thắng địa,* là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của cả nước. Đại La xứng đáng là *kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.*

Phần thứ hai của *Chiếu dời đô* cho thấy tầm nhìn chiến lược của vị vua mở đầu triều Lí, một cái nhìn toàn diện, sâu sắc và chính xác về tất cả các mặt. Điều này hoàn toàn không phải là một ý kiến chủ quan mà chính là khả năng nhìn nhận và tính toán một cách chính xác, quyết đoán. Sau một nghìn năm, Thăng Long xưa nay là Hà Nội đã trở thành kinh đô của hầu hết các triều đại trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Đây chính là cống hiến vĩ đại của Lý Công Uẩn cho lịch sử Việt Nam như câu nói của ông lúc dời đô: *mưu toan nghiệp lớn, tính muôn đời cho con cháu.*

Về mặt văn chương, phần thứ hai của *Chiếu dời đô* rất đặc sắc. Cách viết hàm súc, giàu hình ảnh và biểu cảm. Vế đối trong các câu rất chuẩn và đạt hiệu quả cao về mặt nghệ thuật.

Phần cuối của bài Chiếu là lời bày tỏ của nhà vua trước quần thần về ý định dời đô, điều này cho thấy nhà vua rất công minh, đức độ trong việc trị nước:

Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?

Việc dời đô của Lý Công Uẩn là một kì tích, kì công đối với đất nước. Sau một ngàn năm, Thăng Long – Hà Nội đã trở thành kinh đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là trung tâm kinh tế, quốc phòng, văn hóa lớn của cả nước.

Chiếu dời đô là áng văn xuôi cổ độc đáo, đặc sắc của tổ tiên để lại. Ngôn từ trang trọng đúng như khẩu khí của bậc đế vương. Nó là kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ Việt Nam. Nó khơi dậy trong nhân dân ta lòng tự hào và ý chí tự cường mạnh mẽ.

Bài 27. HỊCH TƯỚNG SĨ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

... Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

Các ngươi ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thuỷ thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.

Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe

nhạc thái thường để đãi yến nguỵ sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển; hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bìu con díu, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khỏe khôn đuổi được quân thù; chén rượu ngon không làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tiếng xấu còn lưu, mà đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không?

Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là *Binh thư yếu lược*. Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây sau khi giặc giã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa? Ta viết ra bài hịch này để các ngươi biết bụng ta.

(Trần Quốc Tuấn, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỷ X – thế kỷ XVII*, NXB Văn học, Hà Nội, 1976).

1. Câu nào dưới đây không nói về thể loại "hịch"?

A. Là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

B. Được viết theo thể văn biền ngẫu (từng cặp câu cân xứng với nhau).

C. Là loại văn bản thường dùng trong văn miêu tả hoặc ghi lại cảm xúc của tác giả trước một cảnh đẹp.

D. Là thể loại văn có kết cấu chặt chẽ, có lí lẽ sắc bén, có dẫn chứng thuyết phục.

2. **Bài "Hịch tướng sĩ" được Trần Quốc Tuấn viết vào thời gian nào?**
   A. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ nhất năm 1258.
   B. Trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ hai năm 1285.
   C. Sau cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ hai năm 1285.
   D. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ ba năm 1288.
3. **Đặc điểm nổi bật của thể loại "hịch" là gì?**
   A. Dùng để khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe.
   B. Thường có lời văn hết sức ai oán, bi thương.
   C. Thường dùng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, nhân hóa.
   D. Thường được viết sau mỗi chiến thắng trước quân thù.
4. **Kết cấu của một bài "hịch" thường bao gồm mấy phần?**
   A. Hai phần: phần mở đầu và phần kết luận.
   B. Ba phần: phần mở đầu, phần thứ hai và phần kết luận.
   C. Bốn phần: phần mở đầu, phần thứ hai, phần thứ ba và phần kết luận.
   D. Năm phần: phần mở đầu, phần thứ hai, phần thứ ba, phần thứ tư và phần kết luận.
5. **Phần kết luận của mỗi bài "hịch" thường nêu lên những vấn đề gì?**
   A. Nêu ra vấn đề cần đề cập đến trong bài hịch.
   B. Nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách để gây lòng tin tưởng.
   C. Nhận định tình hình, phân tích phải trái để tạo lòng căm thù giặc của người nghe.
   D. Nêu chủ trương cụ thể và kêu gọi đấu tranh.
6. **Bài "Hịch tướng sĩ" được Trần Quốc Tuấn viết nhằm mục đích gì?**
   A. Kêu gọi quân sĩ ra trận chống lại cuộc xâm lược của phong kiến phương Bắc.
   B. Kêu gọi quân sĩ bỏ thói ham chơi, tập trung sức lực và tinh thần để sẵn sàng chống giặc.
   C. Khích lệ tướng sĩ học tập cuốn *Binh thư yếu lược* (sách tóm tắt những điều cốt yếu về binh pháp) do tác giả soạn.
   D. Ủng hộ vua Trần trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông Nguyên.

7. **Trong phần đầu của bài "Hịch tướng sĩ", Trần Quốc Tuấn nêu lên những tấm gương trong Bắc sử nhằm mục đích gì?**

   A. Ca ngợi các trung thần nghĩa sĩ đã lưu danh sử sách, để lại tiếng thơm muôn đời.

   B. Giáo dục lòng trung quân ái quốc của các tướng sĩ.

   C. Khích lệ, động viên tướng sĩ nêu cao tinh thần ái quốc, quyết tâm đánh thắng quân xâm lược.

   D. Cả A, B và C đều đúng.

8. **Trong đoạn cuối của bài "Hịch tướng sĩ", Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng sĩ thực hiện điều gì?**

   A. Tích cực rèn luyện võ nghệ, học tập binh thư và sẵn sàng ra trận chống quân thù.

   B. Không nên có thái độ thờ ơ trước cảnh đất nước bị quân Nguyên xâm lược.

   C. Phải từ bỏ những thú ăn chơi hưởng lạc tầm thường trong lúc đất nước bị xâm lăng.

   D. Đoàn kết với nhau trong sứ mệnh bảo vệ đất nước.

9. **Câu nào dưới đây thể hiện rõ dụng ý của Trần Quốc Tuấn khi cho rằng: "...ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan?**

   A. Tác động vào tư tưởng và tình cảm của các tướng sĩ.

   B. Kêu gọi tinh thần đấu tranh của các tướng sĩ.

   C. Khẳng định mình và các tướng sĩ là những người cùng cảnh ngộ.

   D. Thể hiện sự thông cảm với các tướng sĩ.

10. **Câu nào dưới đây thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?**

   A. Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên.

   B. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

C. Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ.

D. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc.

II. TỰ LUẬN

Trình bày lập luận của Trần Quốc Tuấn khi phê phán thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ trước cảnh tổ quốc lâm nguy.

Gợi ý trả lời:

Với âm điệu nhịp nhàng của thể văn biền ngẫu, với những biện pháp liệt kê, điệp từ, điệp ngữ trải suốt đoạn văn, với hình ảnh phong phú giàu sức biểu cảm, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện một trình tự nội dung hết sức sâu sắc.

Ngay từ đầu, bằng giọng điệu hết sức nghiêm khắc, người chủ soái đã chỉ trích hàng loạt thái độ thờ ơ vô trách nhiệm của các tướng sĩ trước những hành vi ngỗ ngược của quân thù: *Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn..., phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để đãi yến ngụy sứ mà không biết căm.*

Sau đó, ông nêu ra cái tầm thường, thậm chí là thấp hèn của những thú ăn chơi hưởng lạc của tướng sĩ trước lúc tổ quốc lâm nguy: *chọi gà, đánh bạc, vui thú vườn ruộng, quyến luyến vợ con, lo làm giàu, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát...*

Tiếp đó, Trần Quốc Tuấn phân tích những hậu quả trước mắt và lâu dài của thái độ và lối sống đáng chê trách đó.

- Hậu quả trước mắt là tướng sĩ không còn sức chiến đấu. Bằng hàng loạt hình ảnh tương phản mang sắc thái mỉa mai châm biếm nhưng giàu sức thuyết phục, tác giả đã chỉ ra rằng những thú vui chơi đó không thể nào ngăn nổi sức mạnh của quân thù: *Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bìu con díu, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khỏe khôn đuổi được*

quân thù; chén rượu ngon không làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai.

- Hậu quả về lâu dài chính là những mất mát về vật chất và tinh thần, tình cảm: *Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, rồi đến trăm năm sau tiếng dơ khôn rửa, tiếng xấu còn lưu, mà đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận.*

Bằng những chuỗi lập luận vững chắc, tác giả cho thấy nếu đem những thú vui chơi tầm thường của tướng sĩ đối chọi với sức mạnh của quân địch thì tất yếu sẽ thất bại. Việc cần làm lúc này là hãy gạt những thú vui qua một bên, tạm quên đi những thứ tầm thường, chuyên tâm vào việc học tập binh thư, luyện tập binh pháp để sống mái với quân thù. Tác giả không cấm tướng sĩ vui chơi nhưng vui chơi lúc này không phải lúc. Sau này khi thắng lợi, *dẫu các ngươi không muốn vui vẻ, phỏng có được không?*

Lập luận của tác giả vừa có lí vừa có tình nên giàu sức thuyết phục.

Bài 28. NƯỚC ĐẠI VIỆT TA

(trích *Bình Ngô đại cáo*)

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Từng nghe:
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng văn hiến đã lâu,
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương,
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại,
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong,
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô,
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.
Việc xưa xem xét
Chứng cớ còn ghi.

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*, trong Tổng tập văn học Việt Nam, tập 4, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995).

1. Câu nào dưới đây không nói đúng về thể loại "cáo"?

A. Là thể loại văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết.

B. Phương thức biểu đạt chủ yếu là biểu cảm.

C. Phần nhiều được viết bằng văn biền ngẫu (không có vần hoặc có vần, thường có đối, câu dài ngắn không gò bó, mỗi cặp hai vế đối nhau).

D. Có tính chất hùng biện, do đó lời lẽ phải đanh thép, lí luận phải sắc bén, kết cấu phải chặt chẽ, mạch lạc.

2. Tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" được Nguyễn Trãi viết trong hoàn cảnh nào?

A. Khi quân Minh chuẩn bị xâm lược nước ta, Nguyễn Trãi viết bài này để nhân dân chuẩn bị đối phó với giặc.

B. Khi cuộc kháng chiến chống quân Minh đang diễn ra, Nguyễn Trãi viết bài này để khích lệ tinh thần tướng sĩ.

C. Khi cuộc kháng chiến chống Minh thắng lợi, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo văn bản như một bản tuyên ngôn độc lập.

D. Khi Lê Lợi lên ngôi, Nguyễn Trãi báo cáo cho dân chúng biết.

3. Tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" bao gồm mấy phần?

A. 3 phần. C. 5 phần.

B. 4 phần. D. 6 phần.

4. Tác phẩm nào sau đây không được xem là bản "Tuyên ngôn độc lập" của nước ta?

A. *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt.

B. *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

C. *Thập điều giáo huấn* của Minh Mạng.

D. *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh.

5. Nội dung chủ yếu của tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" là gì?

A. Khẳng định đất nước ta có nền văn hiến lâu đời.

B. Khẳng định lãnh thổ riêng, phong tục riêng của nước ta, bên cạnh đó là chủ quyền và truyền thống lịch sử của nhân dân ta.

C. Khẳng định kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định sẽ bị đánh bại.

D. Cả A, B và C đều đúng.

6. Qua hai câu: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo", có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì?

A. Quan tâm đến cuộc sống của nhân dân, lấy nhân dân làm gốc, không để dân bị đối xử bạo ngược.

B. Nhân nghĩa chính là phải thương yêu nhau.

C. Cần đối xử với những kẻ thua trận như những người bạn.

D. Lấy nhân nghĩa thay cho hận thù.

7. Trong tác phẩm "Bình Ngô đại cáo", Nguyễn Trãi đã nêu ra những tiêu chí nào để khẳng định chủ quyền của dân tộc?

A. Lãnh thổ và chủ quyền.

B. Lãnh thổ, chủ quyền và văn hiến.

C. Lãnh thổ, chủ quyền, văn hiến và phong tục tập quán.

D. Lãnh thổ, chủ quyền, văn hiến, phong tục tập quán và lịch sử.

8. Câu nào dưới đây trong *Bình Ngô đại cáo* khẳng định nước ta có "lịch sử riêng"?

A. Vốn xưng văn hiến đã lâu.

B. Phong tục Bắc Nam cũng khác.

C. Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập.

D. Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương.

9. Câu nào dưới đây là vế đối của câu "Lưu Cung tham công nên thất bại"?

A. Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong.

B. Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân.

C. Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau.

D. Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.

10. Câu nào dưới đây được Nguyễn Trãi dùng để khẳng định nước ta có một lãnh thổ độc lập?

A. Vốn xưng văn hiến đã lâu.

B. Núi sông bờ cõi đã chia.

C. Phong tục Bắc Nam cũng khác.

D. Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô.

II. TỰ LUẬN

1. Trình bày hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa của tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi.

2. Nêu cảm nhận về đoạn trích "Nước Đại Việt ta" trong tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi.

Gợi ý trả lời:

1. Hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa của tác phẩm "Bình Ngô đại cáo"

Hoàn cảnh ra đời

Cuộc kháng chiến chống xâm lược Minh do Lê Lợi lãnh đạo giành thắng lợi. Sau khi đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, vâng mệnh Lê Lợi, Nguyễn Trãi viết văn bản *Bình Ngô đại cáo* để công bố trước dân chúng về sự nghiệp dẹp yên giặc Ngô đã hoàn thành. Bài cáo được ban bố vào đầu năm 1928, đây cũng là thời gian Lê Lợi lên ngôi vua lập ra nhà Lê.

Ý nghĩa

Bình Ngô đại cáo được xem như một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta, bài cáo ca ngợi tinh thần độc lập tự cường, lòng tự hào dân tộc trước thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống xâm lược phương Bắc.

2. Cảm nhận về đoạn trích "Nước Đại Việt ta" trong tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi

Đoạn trích "*Nước Đại Việt ta*" nằm ở phần đầu của tác phẩm "Bình Ngô đại cáo". Trong phần này, Nguyễn Trãi đã nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, đồng thời ca ngợi nền văn hiến lâu đời của dân tộc ta. Coi nhân nghĩa là cốt cách và là mục tiêu của dân tộc:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

Yêu dân, điếu phạt, trừ bạo là cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa, tất cả đều vì con người và cho con người, về nhân dân đang bị áp bức lầm than. Thương dân, trừng phạt kẻ có tội (điếu phạt), tiêu diệt kẻ tham tàn, cứu nhân dân thoát

khỏi đau thương, đem lại cuộc sống yên vui hạnh phúc cho nhân dân... đó chính là nhân nghĩa. Nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi nói đến là một tư tưởng vô cùng cao đẹp: đánh giặc để cứu nước cứu dân, vì độc lập đất nước, vì tự do của nhân dân. Việc nhân nghĩa bao giờ cũng chính nghĩa. Nhân nghĩa là sức mạnh để dân tộc ta chiến thắng quân xâm lược, đó là tư tưởng:

Đem đại nghĩa thắng hung tàn,
Lấy chí nhân thay cường bạo

Nhân dân ta đã lấy nhân nghĩa để xây dựng và phát triển nền văn hiến lâu đời. Đó là nền văn hiến đã trải qua các triều đại và được khẳng định một cách chắc chắn ngang tầm với phong kiến Trung Hoa:

Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng văn hiến đã lâu,
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương,

Tác giả đã dẫn chứng nhiều chi tiết để khẳng định nước ta cũng là một thực thể độc lập và ngang hàng với phong kiến phương Bắc. Đó là có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ đã được chia, có thuần phong mĩ tục, có nền độc lập trải qua các triều đại, có nhân tài hào kiệt. Những yếu tố đó đã góp phần làm nên tầm vóc Đại Việt, đồng thời là sức mạnh của dân tộc để đương đầu thắng lợi trước những cuộc xâm lược của một thế lực hùng mạnh. Tác giả nhắc lại những chiến tích trong lịch sử để cảnh báo quân thù, đồng thời khẳng định sức mạnh và truyền thống bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta:

Lưu Cung tham công nên thất bại,
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong,
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô,
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.
Việc xưa xem xét
Chứng cớ còn ghi.

Giọng văn trong bài cáo hùng hồn, đĩnh đạc; lí lẽ sắc bén; cách diễn đạt sóng đôi, cân xứng của lối văn biền ngẫu đã khẳng định và ca ngợi tầm vóc lớn lao của Đại Việt, biểu hiện một ý chí tự cường cao độ. Phần đầu của văn bản đã góp phần thể hiện giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bản tuyên ngôn độc lập, áng *thiên cổ hùng văn của dân tộc.*

Bài 29. BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

"Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo". Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.

Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tuỳ đâu tiện đấy mà đi học.

Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng hiểu nhiều rồi tóm lại cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị.

Đó là mấy điều, thành thật xin dâng. Chẳng quản lời nói vu vơ, cúi mong Hoàng thượng soi xét.

Kẻ hèn thần cung kính tấu trình.

(Nguyễn Thiếp, theo *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998).

1. Nguyễn Thiếp là người thầy, là nhân sĩ nổi tiếng vào thời kì nào?

A. Thời kì Trịnh Nguyễn phân tranh.

B. Thời kì Lê Trịnh.

C. Thời Tây Sơn nửa cuối thế kỷ XVIII.

D. Thời kì nhà Nguyễn, đầu thế kỷ XIX.

2. Một danh hiệu về người thầy của Nguyễn Thiếp mà nhân dân thường gọi là gì?

A. Tuyết Giang phu tử.

B. La Sơn phu tử.

C. N[illegible] Sơn phu tử.

D. Cả A, B và C đều đúng.

3. Câu nào dưới đây nói đúng về thể loại "tấu"?

A. Là loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.

B. Là loại văn thư của vua gửi cho dân chúng để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.

C. Có thể viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc văn biền ngẫu.

D. Câu A và C đúng.

4. Văn bản "Bàn luận về phép học" của Nguyễn Thiếp ra đời trong hoàn cảnh nào?

A. Là một phần trích từ bài *tấu* của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào năm 1791.

B. Là một phần trích từ bài *hịch* của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào năm 1791.

C. Là một phần trích từ bài *cáo* của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào năm 1791.

D. Là một phần trích từ bức thư của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào năm 1791.

5. Trong văn bản gửi cho vua Quang Trung, Nguyễn Thiếp đã đề cập đến ba điều mà các bậc làm vua nên biết. Đó là ba điều gì?

A. Dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

B. Văn, võ, hiếu.

C. Quân đức, (đức của vua), dân tâm (lòng dân), học pháp (phép học).

D. Cả A, B và C đều sai.

6. Theo Nguyễn Thiếp, mục đích của việc học là gì?

A. Để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi.

B. Để trở thành người có đầu óc thông thái, sau đó mang tri thức học được ra giúp nước.

C. Để không phải là người bị mù chữ.

D. Để có công danh rạng rỡ sau này.

7. Câu nào sau đây trong đoạn trích nêu rõ vai trò của việc học?

A. Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy.

B. Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.

C. Nước Việt ta từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.

D. Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tuỳ đâu tiện đấy mà đi học.

8. Theo Nguyễn Thiếp, muốn học tốt thì phải làm gì?

A. Đọc thật nhiều sách, tiếp thu thật nhiều tri thức.

B. Có phương pháp học đúng đắn, đồng thời phải siêng năng chăm chỉ.

C. Học phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, đặc biệt học phải đi đôi với hành.

D. Cần phải có thầy thật giỏi thì mới học tốt.

9. Trong văn bản "Bàn luận về phép học", Nguyễn Thiếp nêu ra các phép học chân chính là:

1. Tiến lên học tứ thư, ngũ kinh, chư sử.
2. Học kiến thức cơ bản để bồi lấy gốc.
3. Học rộng hiểu nhiều rồi tóm lại cho gọn.
4. Theo điều học mà làm.

sắp xếp các phép học trên theo trình tự trong đoạn trích trên?

A. (1) – (2) – (3) – (4).

C. (1) – (2) – (4) – (3).

B. (2) – (1) – (3) – (4).

D. (1) – (3) – (2) – (4).

10. Câu văn nào thể hiện rõ nhất tác dụng của các phép học mà Nguyễn Thiếp nêu ra trong đoạn trích?

A. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên.

B. Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị.

C. Chẳng quản lời nói vu vơ, cúi mong Hoàng thượng soi xét.

D. Câu A và B đúng.

II. TỰ LUẬN

Phân tích văn bản "Bàn luận về phép học" của Nguyễn Thiếp.

Gợi ý trả lời:

"Bàn luận về phép học" là văn bản trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi cho vua Quang Trung vào tháng 8 năm 1791. Lúc bấy giờ Nguyễn Thiếp đang làm ở Viện Sùng chính, phụ trách việc biên soạn sách và xây dựng Phượng Hoàng Trung đô ở Nghệ An. Bài tấu thể hiện tấm lòng của Nguyễn Thiếp đối

với việc chấn hưng nền học thuật nước nhà. Mục đích cao cả của ông là nhằm mở mang dân trí, đào tạo nhân tài cho đất nước.

Các vấn đề như mục đích, nội dung và phương pháp học tập đã được ông trình bày một cách ngắn gọn nhưng cụ thể.

Mở đầu, ông nhắc lại câu cổ ngữ: "Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học không biết rõ đạo". Mục đích của việc học trước tiên là biết để đối xử giữa mọi người với nhau. Nói cách khác học là để mở mang trí tuệ và bồi bổ đạo đức. Đạo mà ông nói đến là đạo làm người. Ông than phiền rằng nền chính học đã bị thất truyền. Có biết bao tệ lậu đáng bị chê trách như đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, coi thường đạo lí, không còn biết đến tam cương ngũ thường. Nhà dột từ nóc, chúa trọng nịnh thần. Những mặt trái đó đã làm Nguyễn Thiếp hết sức đau buồn: "Nước mất nhà tan đều do những điều tệ hại ấy". Nguyễn Thiếp đã dùng những lời lẽ hết sức trầm tĩnh, ôn hòa mà sâu sắc.

Phần thứ hai tác giả đề cập đến nội dung và phương pháp học tập. Khi trả lời câu hỏi học ở đâu, ông cho rằng học ở trường của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại đều tuỳ đâu tiện đấy mà học. Còn khi nói về vấn đề học cái gì, ông cho rằng nhất định phải theo Chu Tử, một học giả thời Nam Tống. Lúc đầu học tiểu học để bồi gốc. Tuần tự tiến đến học tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Nội dung học tập mà Nguyễn Thiếp nêu ra không có gì mới so với các thời trước đó. Các nội dung này đã được các triều đại phong kiến Trung Hoa và Việt Nam áp dụng từ hàng nghìn năm trước đó. Cái mới của Nguyễn Thiếp chính là phương pháp học tập. Theo ông, cần học rộng rồi tóm lược cho gọn, học phải đi đôi với hành, theo điều học mà làm. Mong ước của ông rất chân thành: "Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, Nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua".

Nguyễn Thiếp đã khẳng định tầm quan trọng của đạo học và ý nghĩa lớn lao của nó: "Đạo học thành thì người tốt nhiều, người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị". Đúng là việc họ góp phần đào tạo nhân tài, mở mang dân trí, góp phần xây dựng đất nước thịnh trị. Chiến lược trồng người đã được Nguyễn Thiếp trình bày một cách cụ thể và sáng tỏ.

Phần cuối của văn bản, Nguyễn Thiếp giãi bày lòng mình với hoàng thượng, phép học là những lời chân thành của ông chứ không phải là những lời vu vơ, ông cung kính cúi mong hoàng thượng soi xét. Tất cả tâm huyết của Nguyễn Thiếp được trình bày một cách cụ thể và thiết thực. Những đóng góp

của ông cho nền học thuật nước nhà rất đáng trân trọng, chính vì thế nhân dân luôn kính trọng và nhớ ơn ông - La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

Bài 30. THUẾ MÁU

(trích *Bản án chế độ thực dân Pháp*)

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

I. CHIẾN TRANH VÀ NGƯỜI BẢN XỨ

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên "An-nam-mít" bẩn thỉu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do". Nhưng họ đã phải trả bằng một cái giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lí và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kì diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thuỷ quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Ban-căng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, - chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ, hoặc trong bãi lầy miền Săm-pa-nhơ, để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn "bô-sơ", nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.

(Nguyễn Ái Quốc, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995).

1. Tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" được Nguyễn Ái Quốc viết trong thời gian nào?

A. Trong thời gian Người ra đi tìm đường cứu nước và đến các nước thuộc địa khác nhau.

B. Trong thời gian Người ở Pháp khoảng từ năm 1917 – 1923.

C. Sau khi người từ Pháp đến Liên Xô.

D. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

2. Tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" được xuất bản lần đầu tiên vào thời gian nào và ở đâu?

A. Vào năm 1925 tại Pa-ri.

B. Vào năm 1926 tại Pa-ri.

C. Vào năm 1945 tại Việt Nam.

D. Vào năm 1946 tại Việt Nam.

3. Tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" bao gồm bao nhiêu chương, phần?

A. Bao gồm 10 chương và phần phụ lục *Gửi thanh niên Việt Nam.*

B. Bao gồm 11 chương và phần phụ lục *Gửi thanh niên Việt Nam.*

C. Bao gồm 12 chương và phần phụ lục *Gửi thanh niên Việt Nam.*

D. Bao gồm 13 chương và phần phụ lục *Gửi thanh niên Việt Nam.*

4. Câu nào dưới đây không nói về tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc?

A. Tư liệu phong phú, chính xác, với nghệ thuật châm biếm sắc sảo, tác phẩm đã tố cáo và kết án những tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân Pháp trên mọi lĩnh vực.

B. Nói lên tình cảnh khốn cùng, tủi nhục của người dân nô lệ ở các xứ thuộc địa trên thế giới.

C. Vạch ra đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn để tự giải phóng, giành quyền độc lập.

D. Kêu gọi nhân dân các thuộc địa đứng dậy chống những kẻ thống trị.

5. Đoạn trích "Thuế máu" nằm trong chương nào của tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp"?

A. Chương I.

B. Chương II.

C. Chương III.

D. Chương IV.

6. Sự ra đời của tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" có tác dụng như thế nào?

A. Đã giải phóng các dân tộc bị áp bức ra khỏi "gông xiềng" của chủ nghĩa thực dân.

B. Khơi dậy ý chí đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, đồng thời tạo nên một làn sóng đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

C. Giáng đòn tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa thực dân, đồng thời vạch ra con đường cách mạng và tương lai cho các dân tộc bị áp bức.

D. Làm cho bọn thực dân khiếp sợ và không dám tiếp tục bóc lột nhân dân các thuộc địa.

7. Theo Nguyễn Ái Quốc, nguyên nhân chính của việc bọn quan cai trị thực dân thay đổi thái độ đối với dân thuộc địa là gì?

A. Vì chính quyền thuộc địa có chủ trương mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân thuộc địa.

B. Vì chính quyền thực dân muốn biến những người dân thuộc địa thành tấm bia đỡ đạn cho chúng trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa.

C. Vì chính quyền thuộc địa thực hiện một chính sách cai trị hoàn toàn khác với trước đó.

D. Vì chính quyền thuộc địa những người dân thuộc địa sẽ đứng lên chống lại chúng.

8. Câu nào dưới đây cho thấy số lượng người bản xứ chết trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa do bọn thực dân khởi xướng?

A. Đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi.

B. Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp.

C. Và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.

D. Các bạn đã tấp nập đầu quân, các bạn đã không ngần ngại rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến xương máu của mình như lính khố đỏ.

9. Câu nào dưới đây thể hiện số phận bi thảm của người dân thuộc địa khi bị bọn thực dân bắt ra thuộc địa?

A. Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên "An-nam-mít" bẩn thỉu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta.

B. Nhưng họ đã phải trả bằng một cái giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy.

C. Vì để bảo vệ cho cái công lí và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các chiến trường châu Âu.

D. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kì diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thuỷ quái.

10. Giọng điệu chủ yếu trong đoạn trích "Thuế máu" là gì?

A. Giọng điệu vừa đanh thép vừa mỉa mai, chua chát.

B. Giọng điệu biểu cảm, giàu tính hình tượng.

C. Giọng điệu tán dương và tâng bốc.

D. Giọng điệu hùng hồn, giàu sức thuyết phục.

II. TỰ LUẬN

1. Phân tích và nêu cảm nghĩ của bản thân về phần đầu trong văn bản "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc.

2. Hãy nêu yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận, qua đó phân tích yếu tố biểu cảm trong đoạn trích "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc.

Gợi ý trả lời:

1. Phân tích và nêu cảm nghĩ của bản thân về phần đầu trong văn bản "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc:

Tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* được Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp trong thời gian Người ở Pháp và được xuất bản lần đầu tiên tại Pari vào năm 1925. Tác phẩm đã *tố cáo và kết án những tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân Pháp, đồng thời phản ánh cuộc sống tủi nhục, đau thương của những người dân nô lệ ở các xứ thuộc địa trên thế giới.*

Đoạn trích *Thuế máu* được rút trong chương I của "Bản án chế độ thực dân Pháp. Các tiêu đề trong phần này lần lượt là *Chiến tranh và người bản xứ; Chế độ lính tình nguyện; Kết quả của sự hy sinh.* Phần đầu trong văn bản chính là

mục *Chiến tranh và người bản xứ*. Phần này nói về tình cảnh của những người An-nam-mít và những người nô lệ da đen phải làm bia đỡ đạn cho bọn thực dân Pháp và bị đối xử một cách vô cùng tàn nhẫn.

Trước khi có chiến tranh thì những thanh niên *bản xứ* chỉ là *những tên da đen bẩn thỉu, những tên An-nam-mít bẩn thỉu* chỉ biết làm cu li kéo xe tay và *ăn đòn* của các quan cai trị da trắng. Nhưng khi chiến tranh vừa bùng nổ, bọn thực dân đã sử dụng mọi thủ đoạn để lừa bịp và biến họ thành *con yêu, bạn hiền* của các quan cai trị. Không những thế họ còn được phong cho danh hiệu *chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do*. Nguyễn Ái Quốc đã rất khéo léo sử dụng thủ pháp tương phản để vạch trần giọng điệu bịp bợp của bọn thực dân cai trị. Thực chất là bọn thực dân bắt họ làm bia đỡ đạn, một cách đánh thuế máu vô cùng xảo quyệt. Các từ ngữ như *chiến tranh vui tươi, lập tức họ biến thành, đùng một cái, được phong cho cái danh hiệu tối cao* đã làm cho giọng văn châm biếm trở nên sâu cay, mỉa mai.

Nguyễn Ái Quốc nêu ra những mất mát đau thương của những thanh niên bản xứ bị bắt đi làm bia đỡ đạn. Họ phải xa lìa vợ con, phải rời bỏ quê hương, mảnh ruộng, đàn cừu. Họ đi phơi thây trên các chiến trường châu Âu. Biết bao cảnh chết chóc đau thương đã xảy ra. Họ chết vì thuỷ lôi: *được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của loài thuỷ quái;* bị *bỏ xác* tại các vùng hoang vu tận Ban-căng, để *lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ*. Xương máu của họ, cái chết của họ thật vô nghĩa, hoặc *anh dũng đưa tay cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ, trong bãi lầy miền Săm-pa-nhơ,* hoặc *lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy, lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống đốc*. Tác giả đã kết hợp miêu tả với bình luận để mỉa mai, châm biếm cái thuế máu của bọn thực dân.

Những người lính thợ không bị bỏ xác trên các chiến trường thì lại bị đầu độc, phải lao động khổ sai, làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm để *nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối*. Những kẻ khốn khổ ấy đã *khạc ra từng miếng phổi chẳng khác gì hít phải hơi ngạt vậy!* Đó là một sự cống hiến rùng rợn của người dân bản xứ đối với chiến tranh.

Những con số dưới ngòi bút của Nguyễn Ái Quốc thật sự có ý nghĩa. Bảy mươi vạn người ra đi thì có đến 8 vạn người *không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa*. Số phận đau thương và những mất mát

của người bản xứ đã được thể hiện một cách chi tiết qua các số liệu Nguyễn Ái Quốc đưa ra.

Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng thành công các thủ pháp nghệ thuật như tương phản đối lập, kết hợp miêu tả với bình luận, sự dụng số liệu... đặc biệt là giọng văn chua cay, châm biếm, mỉa mai để vạch trần và lên án những tội ác của bọn thực dân.

Trong suốt 80 năm thống trị nước ta, thực dân Pháp đã đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí nhằm bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ. Khi đọc đoạn trích *Thuế máu* chúng ta được biết thêm một loại thuế có một không hai mà bọn thực dân đặt lên đầu nhân dân ta.

2. Yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận và phân tích yếu tố biểu cảm trong đoạn trích "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc:

* Yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận:

- Văn bản nghị luận rất cần yếu tố biểu cảm. Yếu tố biểu cảm giúp cho văn bản nghị luận đạt hiệu quả thuyết phục hơn, vì nó có tác động mạnh đến tình cảm của người đọc, người nghe.

- Để văn bản nghị luận có sức thuyết phục cao, tác giả cần có xúc cảm thực sự trước những đề tài mình muốn viết hoặc trình bày, đồng thời phải biết diễn tả những cảm xúc đó bằng những từ ngữ, những câu văn, đoạn văn có sức thuyết phục và truyền cảm. Cảm xúc phải được diễn tả một cách chân thực và không được phá vỡ mạch văn trong bài văn nghị luận.

- Yếu tố biểu cảm trong bài văn thường thể hiện rõ nhất ở những từ ngữ chỉ cảm xúc, ở những câu cảm thán, ở giọng văn. Những yếu tố biểu cảm không chỉ ở từ ngữ, câu văn hay giọng điệu, mà còn ở nội dung. Muốn biểu cảm thì trước hết phải có cảm xúc để biểu lộ. Hơn nữa cảm xúc ấy phải chân thành để tác động đến tình cảm của người đọc, người nghe.

- Cần lưu ý là trong văn bản nghị luận, yếu tố biểu cảm chỉ cần thiết và có giá trị khi nó giúp cho nghị luận đạt hiệu quả thuyết phục cao hơn.

*** Yếu tố biểu cảm trong đoạn trích "Thuế máu":**

- Trong đoạn trích "Thuế máu", Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng nhiều từ ngữ, nhiều hình ảnh có sức biểu cảm cao. Các từ như *tên da đen bẩn thỉu, An-nam-mit bẩn thỉu, con yêu, bạn hiền, chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do*... đều là cách xưng gọi của bọn thực dân trước và sau chiến tranh. Trước thì miệt thị, khinh bỉ; sau thì đề cao một cách bịp bợm. Tác giả nêu ra các từ ấy nhằm mục đích vạch trần

bản chất dối trá của bọn thực dân, tạo nên hiệu quả mỉa mai. Nhờ vậy văn bản đã đạt hiệu quả tố cáo và lên án của mình.

- Tác giả còn dùng nhiều hình ảnh mỉa mai bằng giọng điệu tuyên truyền của bọn thực dân. Một số câu trong đoạn trích được tác giả sử dụng hết sức hiệu quả: *đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các chiến trường châu Âu. ...nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kì diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thuỷ quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Ban-căng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, - chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ, hoặc trong bãi lầy miền Săm-pa-nhơ, để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế...* Những ngôn từ mĩ miều trên không che đậy được một bản chất tàn nhẫn của chủ nghĩa thực dân. Lời mỉa mai đã thể hiện thái độ khinh bỉ đối với giọng điệu tuyên truyền của bọn thực dân.

Bài 31. ĐI BỘ NGAO DU

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Tôi chỉ quan niệm được một cách đi ngao du thú vị hơn đi ngựa: đó là đi bộ. Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy. Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay; ta dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo sông; một khu rừng rậm ư, tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động ư, tôi đến tham quan; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản. Bất cứ đâu tôi ưa thích, tôi lưu lại đấy. Hễ lúc nào tôi thấy chán, tôi bỏ đi luôn. Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem xét tất cả những gì mà con người có thể xem; và, chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ. Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được và thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa. Nếu tôi mệt... nhưng Ê-min có mệt gì lắm đâu;

em to khỏe; và sao em lại mệt được cơ chứ, em chẳng hề vội vã. Nếu em dừng lại, làm sao em có thể chán được, ở chốn nào em cũng có những thứ để giải trí. Em vào nhà một người thợ, em làm việc; em vận động hai cánh tay để cho đôi bàn tay nghỉ ngơi.

Đi bộ ngao du là đi như Ta-lét, Pla-tông và Pi-ta-go. Tôi khó lòng hiểu nổi một triết gia có thể quyết định ngao du cách khác mà không xem xét những tài nguyên mình giẫm chân lên và trái đất phô bày phong phú ra trước mắt. Ai là người yêu mến nông nghiệp chút ít mà lại không muốn biết các sản vật đặc trưng cho khí hậu những nơi mình đi qua và cách thức trồng trọt những đặc sản ấy? Ai là người có chút ít hứng thú với tự nhiên học mà lại có thể quyết định đi ngang một khoảnh đất mà không xem xét nó, một lèn đá mà không ghè vài mẩu, những quả núi mà không sưu tập hoa lá, những hòn sỏi mà không tìm các hóa thạch! Những triết gia phòng khách của các ngài nghiên cứu tự nhiên học trong các phòng sưu tập; họ có các thứ linh tinh; họ biết gọi tên nhưng chẳng có một ý niệm gì về tự nhiên cả. Nhưng phòng sưu tập của Ê-min thì phong phú hơn các phòng sưu tập của vua chúa; phòng sưu tập ấy là cả một trái đất. Nơi đây, mỗi vật đều ở đúng chỗ của nó; nhà tự nhiên học làm công việc chăm sóc đã sắp xếp mọi thứ đâu ra đấy. Đô-băng-tông chắc cũng không thể làm tốt hơn.

Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khỏe được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những kẻ ngồi trong cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cáu kỉnh hoặc đau khổ; còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ, khoan khoái hoặc hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn! Khi ta chỉ muốn đến một nơi nào, ta có thể phóng bằng xe ngựa trạm; nhưng khi ta muốn ngao du, thì cần phải đi bộ.

(Ru-xô, *Ê-min hay về giáo dục*, Pa-ri, 95

1. Ru-xô là nhà văn, nhà triết học nổi tiếng nước nào?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Tây Ban Nha.

D. Bồ Đồ Nha.

2. Nội dung chính của tiểu thuyết "Ê-min hay Về giáo dục" là gì?

A. Quan niệm về giáo dục của nhân vật Ê-min.

B. Bàn về chuyện giáo dục em bé Ê-min lúc sơ sinh.

C. Bàn về chuyện giáo dục em bé Ê-min lúc trưởng thành.

D. Bàn về chuyện giáo dục Ê-min từ lúc sơ sinh đến lúc trưởng thành.

3. Nhân vật Ê-min trong đoạn trích "Đi bộ ngao du" đang ở lứa tuổi nào?

A. Lúc Ê-min mới được sinh ra.

B. Lúc Ê-min đi học tiểu học.

C. Lúc Ê-min đã trưởng thành.

D. Lúc Ê-min đã trưởng thành và lập gia đình.

4. Luận điểm nào được Ru-xô đề cập đến trong đoạn đầu tiên của văn bản "Đi bộ ngao du"?

A. Sự tự do và tuỳ thích của mỗi người khi đi bộ ngao du.

B. Đi bộ ngao du thú vị hơn so với đi ngựa.

C. Đi bộ ngao du là một cách để học hỏi kinh nghiệm của những bậc hiền triết ngày xưa.

D. Đi bộ là một phương pháp tốt để rèn luyện thân thể.

5. Theo Ru-xô, người đi bộ ngao du chịu tác động của yếu tố nào?

A. Những con ngựa mà người đó cưỡi.

B. Những con đường mà người đó đi.

C. Chính bản thân người đi bộ.

D. Người dẫn đường.

6. Trong đoạn thứ hai của văn bản "Đi bộ ngao du", tác giả đã đề cập đến vấn đề gì?

A. Đi bộ ngao du tạo cho con người nhiều hứng thú trong cuộc sống.

B. Đi bộ ngao du giúp con người có dịp trau dồi vốn kiến thức.

C. Những phương pháp tốt nhất để đi bộ ngao du.

D. Cách đi bộ ngao du của các bậc hiền triết ngày xưa.

7. Trong đoạn thứ hai của văn bản "Đi bộ ngao du", Ru-xô đã phê phán ai?

A. Những người suốt ngày chỉ đi bộ ngao du.

B. Ê-min và phòng sưu tập của anh ta.

C. Vua chúa và phòng sưu tập của vua chúa.

D. Những triết gia trong phòng khách.

8. Luận điểm nào dưới đây không có trong văn bản "Đi bộ ngao du" của Ru-xô?

A. Đi bộ ngao du là một cách để tăng cường tri thức cũng như sức khỏe cho cơ thể.

B. Đi bộ ngao du đem đến cho con người sự tự do thoải mái.

C. Đi bộ ngao du là phải vừa đi bộ vừa quan sát và nghiền ngẫm.

D. Các niềm hứng thú khác nhau mà con người có được khi đi bộ ngao du.

9. Quá đoạn trích "Đi bộ ngao du", có thể thấy tác giả Ru-xô là người thế nào?

A. Thích đi bộ ngao du và không thích đi ngựa.

B. Giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên.

C. Coi trọng thực tiễn, hạ thấp lý thuyết suông.

D. Khinh thường các bậc vua chúa cũng như các triết gia trong phòng khách.

10. Trong đoạn trích "Đi bộ ngao du", tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

A. Nghị luận và thuyết minh.

B. Miêu tả và thuyết minh.

C. Nghị luận và biểu cảm.

D. Thuyết minh và biểu cảm.

II. TỰ LUẬN

Trình bày những nét khái quát về tác giả của tiểu thuyết "Ê-min hay Về giáo dục" J. J. Ru-xô.

Gợi ý trả lời:

J. J. Ru-xô là nhà văn, nhà triết học vĩ đại của nước Pháp trong thế kỉ XVIII. Ông sinh năm 1712 tại Thuỵ Sĩ và mất năm 1778 tại Pháp. Ông sinh ra trong một gia đình bố làm thợ sửa đồng hồ, mãi đến năm 10 tuổi mới bắt đầu đi học và cũng chỉ được hai năm. Thời kì tuổi thơ ngọt ngào nhanh chóng trôi qua, ông bắt đầu đi học nghề thợ khắc. Trong một thời gian dài 13 năm từ năm 1728 ông phải bôn ba để kiếm sống và trải qua nhiều cay đắng tuổi nhục. Thời gian đó ông có lúc làm thợ khắc, lúc làm đầy tớ trong gia đình quý tộc, lúc phải nương nhờ Đơ Van-ren, lúc vào học ở Đại chủng viện... sau đó ông đi học nhạc rồi dạy nhạc để kiếm sống. Trong gần 5 năm ở nhà Đơ Van-ren, Ru-xô đọc sách suốt ngày đêm, từ sách lịch sử, triết học, văn học, địa lí đến thiên văn học, vật lí, hóa học...

Cuối năm 1740, Ru-xô đến Pa-ri và một giai đoạn mới trong cuộc đời ông đã mở ra. Ông bắt đầu dạy nhac và làm thư kí. Năm 1746, Ru-xô lập gia đình. Vợ của ông là một cô gái nghèo làm nghề giặt thuê tên là Tê-re-dơ. Sau này

trong cuốn hồi kí của mình, Ru-xô kể lại: *Tê-re-dơ là niềm an ủi duy nhất có thực trời ban cho tôi trong cảnh cùng khổ, và chỉ riêng niềm an ủi ấy đủ giúp cho tôi chịu đựng được cuộc đời.* Năm 1750, Ru-xô giành giải thưởng của Viện Hàn lân khoa học Đi-gông với tác phẩm *Luận về khoa học và nghệ thuật.* Năm 1752, ông viết tác phẩm *Thầy bói nông thôn* và để lại dấu ấn nhờ tác phẩm này. Những năm sau đó, tài năng của Ru-xô được bộc lộ và hàng loạt tác phẩm đã được ông cho ra đời. Trong đó phải kể đến như *Nàng Ê-lôi-dơ mới, Khế ước xã hội, Ê-min hay Về giáo dục, Những bức thư từ trên núi, Những điều bộc lộ...* Những năm tháng cuối đời, Ru-xô bị thế lực Nhà thờ và bọn phản động săn đuổi nhiều lần, có lúc ông phải thay đổi họ tên để trốn tránh.

Năm 1778, Ru-xô qua đời. Hơn mười năm sau, khi cách mạng tư sản Pháp thắng lợi, thi hài của ông mới được đưa về an táng tại điện Păng-tê-ông, nơi dành cho các danh nhân vĩ đại của nước Pháp.

Cuộc đời của Ru-xô là cuộc đời của một con người nhiều cay đắng mà vinh quang. Bài học lớn nhất của ông là bài học về tự học và kiên cường vượt qua mọi thử thách, quyết tâm theo đuổi chí hướng của mình.

Bài 32. ÔNG GIUỐC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC

(trích *Trưởng giả học làm sang*)

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu mỗi câu trả lời đúng.

Phó may, Thợ phụ mang bộ lễ phục của ông Giuốc-đanh. Ông Giuốc-đanh, Gia nhân.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – A! Bác đã tới đấy à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.

PHÓ MAY – Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ phụ xúm lại bộ lễ phục của ngài đấy.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Đôi bít tất lụa bác gửi đến cho tôi chật quá, tôi khổ sở vô cùng mới xỏ chân vào được và đứt mất hai mắt rồi.

PHÓ MAY – Rồi nó dãn ra thì lại rộng quá ấy chứ.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Phải, nếu tôi cứ làm đứt mãi các mắt thì sẽ rộng thật. Lại đôi giày bác bảo đóng cho tôi làm tôi đau chân ghê gớm.

PHÓ MAY – Thưa ngài, đâu có.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Đâu có là thế nào!

PHÓ MAY – Không, đôi giày không làm ngài đau đâu mà.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Tôi, tôi bảo là nó làm tôi đau.

PHÓ MAY – Ngài cứ tưởng tượng ra thế.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Tôi tưởng tượng ra thế vì tôi thấy thế. Bác này lí luận hay nhỉ!

PHÓ MAY – Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nhất triều đình và may vừa mắt nhất. Sáng chế ra được một bộ lễ phục trang nghiêm mà không phải màu đen thật là tuyệt tác. Tôi thách các thợ giỏi nhất mà làm nổi đấy.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mất rồi!

PHÓ MAY – Nào ngài có bảo là ngài muốn may hoa xuôi đâu!

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Lại cần phải bảo may hoa xuôi ư?

PHÓ MAY – Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế này cả.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Những người quý phái mặc áo hoa ngược ư?

PHÓ MAY – Thưa ngài, vâng.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Ồ! Thế thì bộ áo này may được đấy.

PHÓ MAY – Nếu ngài muốn thì tôi sẽ may hoa xuôi lại thôi mà.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Không, không.

PHÓ MAY – Xin ngài cứ việc bảo.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Tôi đã bảo không mà. Bác may thế này được rồi. Bác cho rằng tôi mặc áo này có vừa vặn không?

PHÓ MAY – Còn phải nói! Tôi đố họa sĩ nào lấy bút mà vẽ hầu ngài bộ áo vừa khít hơn được. Ở nhà tôi có một thợ phụ may quần cộc thì tài nhất thiên hạ; và một chú khác là anh hùng của thời đại về may áo chẽn đấy.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Bộ tóc giả và lông đính mũ có được chững chạc không?

PHÓ MAY – Chững chạc tuốt!

ÔNG GIUỐC-ĐANH – *Nhìn áo của bác phó may* – Ô kìa, Bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đấy mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.

PHÓ MAY – Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một áo để mặc.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Đành là đẹp, nhưng đáng lẽ đừng gạn vào áo của tôi mới phải.

PHÓ MAY – Mời ngài mặc thử bộ lễ phục chứ ạ?

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Ừ, đưa đây tôi.

PHÓ MAY – Khoan đã, không thể mặc như thế được. Thứ áo này phải mặc đúng thể thức, tôi có đem người đến để mặc hầu ngài theo nhịp điệu. Ở này! Vào đây, các chú. Các chú hãy mặc bộ lễ phục này hầu ngài theo cách thức mặc cho các nhà quý phái.

Bốn chú thợ phụ ra, hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh mặc lúc tập kiếm vừa rồi, hai chú thì lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lễ phục mới vào cho ông. Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục xong, đi đi lại lại giữa đám thợ, phô áo mới cho họ xem có được không. Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc.

THỢ PHỤ – Bẩm ông lớn, xin ông lớn ban cho anh em một ít tiền uống rượu.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Anh gọi ta là gì?

THỢ PHỤ – Bẩm, ông lớn ạ!

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Ông lớn ư? Ấy đấy, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy! Còn cứ bo bo giữ kiểu áo quần trưởng giả thì đời nào được gọi là "ông lớn". Đây, ta thưởng về tiếng "ông lớn" đây này!

THỢ PHỤ – Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng cụ lớn đáng thưởng lắm. Cụ lớn không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.

THỢ PHỤ – Dám bẩm đức ông, anh em chúng tôi sẽ đi uống rượu chúc sức khỏe đức ông.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Lại "đức ông" nữa! Hà hà! Hà hà! Các chú hãy đợi tí, đừng đi vội. Ta là đức ông kia mà! (*nói riêng*) Của đáng tội, nếu nó tôn ta lên bậc tướng công, thì nó sẽ được cả túi tiền mất. Đây nữa này, thưởng cho chú về tiếng "đức ông" đấy nhé.

THỢ PHỤ – Dạ bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – *nói riêng* – Nó như thế là phải chăng, nếu không ta đến mất tong cả tiền cho nó thôi.

(Mô-li-e, *Trưởng giả học làm sang*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 1994).

1. Thể loại chính trong các vở kịch của tác giả Mô-li-e là gì?

A. Bi kịch.

B. Hài kịch.

C. Chính luận.

D. Tự sự.

2. Vở kịch nào sau đây không phải là của tác giả Mô-li-e?

A. Tôi và chúng ta.

B. Lão hà tiện.

C. Trưởng giả học làm sang.

D. Người bệnh tưởng.

3. Đoạn trích "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục" nằm trong tác phẩm nào?

A. Trưởng giả học làm sang.

B. Người bệnh tưởng.

C. Tôi và chúng ta.

D. Lão hà tiện.

4. Hoàn cảnh xuất thân của nhân vật Giuốc-đanh trong đoạn trích là gì?

A. Trong một gia đình trí thức, bản thân ông được học hành tử tế.

B. Trong một gia đình quý tộc sang trọng.

C. Trong một gia đình thương nhân giàu có.

D. Trong một gia đình thuộc dòng họ vua chúa.

5. Qua cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và anh phó may về đôi tất và đôi giày, tác giả cho thấy ông Giuốc-đanh là người như thế nào?

A. Người am hiểu về thời trang và cả nghề may.

B. Người thuộc tầng lớp quý tộc.

C. Người sang trọng và quý phái.

D. Người ngốc nghếch.

6. Cuộc đối thoại giữa lão Phó may và ông Giuốc-đanh về chiếc áo lễ phục "may ngược hoa" đã cho thấy tính cách nào của ông Giuốc-đanh?

A. Tính cách phóng khoáng, yêu thích cái đẹp.

B. Thích phô trương và sang trọng nhưng thực chất hết sức ngờ nghệch.

C. Nhạy bén trong việc làm quen với cái đẹp.

D. Thích làm sang và cũng rất thông minh, sắc sảo.

7. Thái độ của ông Giuốc-đanh khi nghe bác Phó may giải thích về chiếc áo hoa may ngược như thế nào?

A. Không chấp nhận chiếc áo hoa may ngược và bắt buộc bác Phó may phải may lại.

B. Chấp nhận chiếc áo hoa may ngược nhưng không hài lòng lắm.

C. Tán thưởng vẻ sang trọng của chiếc áo hoa may ngược.

D. Coi chiếc ao hoa may ngược không thích hợp với những người thông.

8. Tính cách học làm sang của ông Giuốc-đanh đã được bác Phó may lợi dụng là gì?

A. Cho những người thợ phụ giúp ông ta mặc áo theo kiểu quý phái để moi tiền.

B. May thật nhiều áo cho ông ta để kiếm tiền.

C. Tận dụng những thớ vải thừa của ông Giuốc-đanh để may cho mình một chiếc áo sang trọng.

D. Làm cho ông Giuốc-đanh thật sự trở thành người sang trọng.

9. Mục đích của tác giả khi miêu tả các động tác "cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói" của ông Giuốc-đanh đều diễn ra theo nhịp của dàn nhạc là gì?

A. Khắc họa sinh động hơn thói đòi làm sang của ông Giuốc-đanh và tạo nên tiếng cười sảng khoái cho người xem.

B. Làm nổi bật sự sang trọng của ông Giuốc-đanh.

C. Tạo ra không khí vui vẻ cho buổi biểu diễn.

D. Chế giễu tính cách học đòi của ông Giuốc-đanh.

10. Thái độ của ông Giuốc-đanh khi móc tiền thưởng cho các chú thợ phụ như thế nào?

A. Hoàn toàn cảm thấy hài lòng vì mình đã được sang trọng.

B. Cảm thấy tiếc rẻ nhưng vẫn sẵn sàng cho hết để được làm sang.

C. Đó là hành động mà ông vẫn thường làm trước đây nên ông không bận tâm đến.

D. Tức giận vì bị những người thợ may moi tiền.

II. TỰ LUẬN

Tóm tắt vở hài kịch "Trưởng giả học làm sang" của Mô-li-e.

Gợi ý trả lời:

Vở hài kịch *"Trưởng giả học làm sang"* của Mô-li-e gồm 5 hồi, được sáng tác vào năm 1670, ba năm trước khi Mô-li-e qua đời.

Vở hài kịch của ông nói về ông Giuốc-đanh cục mịch, xấu xí, dốt nát, ngờ nghệch. Nhờ buôn bán mà ông trở nên giàu có. Sau khi giàu có ông muốn trở thành nhà quý tộc. Ông mời thầy triết học về nhà để dạy cho ông tiếng La-tinh, lô-gíc học, luân lí, vật lí, chính tả, phát âm, viết thư tình... Sau khi muốn trở thành nhà bác học, ông Giuốc-đanh lại muốn có một bộ lễ phục đẹp nhất triều đình. Sau khi hoàn thành bộ lễ phục, phó may và thợ phụ kéo đến nhà để mặc

thử lễ phục cho ông. Những ngốc nghếch của ông đã được thể hiện trong các lời đối thoại giữa ông và bác phó may. Lợi dụng tính cách khoa trương và đầu óc u muội của Giuốc-đanh, phó may và thợ phụ đã tâng bốc ông bằng những từ *ông lớn, cụ lớn, đức ông* để moi tiền. Ông Giuốc-đanh mặt dù rất tiếc tiền nhưng trước những lời đưa lên tận mây xanh, ông vẫn móc tiền đưa cho những kẻ xu nịnh. Đoạn trích trên đã để lại nhiều tiếng cười sảng khoái, đồng thời phê phán nhiều thói xấu trong cuộc sống.

Ông Giuốc-đanh có một cô con giá xinh đẹp tên là Luy-xin. Nàng yêu anh Clê-ông, nhưng Giuốc-đanh không tán thành do Clê-ông không phải là người quý tộc. Cô-vi-en, một người đầy tớ khôn ngoan đã hiến kế cho Clê-ông. Anh cải trang thành Hoàng tử Thổ Nhĩ Kì để đến hỏi Luy-xin làm vợ. Giuốc-đanh không nhận ra trò bịp này và đồng ý gả con gái cho Hoàng tử Thổ Nhĩ Kì mà thực chất là Clê-ông.

KIỂM TRA HỌC KÌ II

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu, mỗi câu 0,2 điểm)

1. Hãy nối các dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (thể loại) trong bảng dưới đây.

A (tên tác phẩm)	B (thể loại)
Hịch tướng sĩ	Tấu
Bình Ngô đại cáo	Tiểu thuyết
Trưởng giả học làm sang	Cáo
Luận học pháp	Kịch
Ê-min hay Về giáo dục	Hịch

2. Hãy nối các dự kiện ở cột A (tên tác giả) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên tác phẩm) trong bảng dưới đây.

A (tên tác giả)	B (tên tác phẩm)
Trần Quốc Tuấn	Nhớ rừng
Nguyễn Ái Quốc	Bình Ngô đại cáo
Nguyễn Trãi	Bản án chế độ thực dân Pháp
Tố Hữu	Hịch tướng sĩ
Thế Lữ	Khi con tu hú

3. Bài thơ nào sau đây đã "vẻ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển"?

A. *Khi con tu hú* của Tố Hữu.

B. *Quê hương* của Tế Hanh.

C. *Tức cảnh Pác Bó* của Hồ Chí Minh.

D. *Ông đồ* của Vũ Đình Liên.

4. Tác phẩm nào sau đây được xem như "bản tuyên ngôn độc lập thứ hai" của nước ta?

A. *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

B. *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.

C. *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn.

D. *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc.

5. Tác phẩm nào sau đây "phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh?

A. *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.

B. *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

C. *Luận học pháp* của Nguyễn Thiếp.

D. *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc.

6. Giá trị lớn nhất về mặt nội dung của tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc là gì?

A. Khắc họa được hình ảnh những người bản xứ trong đội quân viễn chinh tham gia những cuộc chiến tranh phi nghĩa.

B. Lột tả được bản chất của của những kẻ mang danh đi khai hóa các dân tộc thuộc địa.

C. Giáng một đòn tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa thực dân, vạch ra con đường cách mạng và tương lai tươi sáng cho các dân tộc bị áp bức.

D. Kêu gọi các dân tộc trên thế giới đoàn kết lại để cùng nhau lật đổ nền thống trị của chủ nghĩa thực dân.

7. "Quý trọng tự do và yêu thiên nhiên" là nét nổi bật của tác giả nào dưới đây được thể hiện qua tác phẩm của ông trong chương trình Văn 8?

A. Vũ Đình Liên trong tác phẩm *Ông đồ*.

B. Mô-li-e trong tác phẩm *Trưởng giả học làm sang*.

C. Hồ Chí Minh trong *Ngắm trăng.*

D. Ru-xô trong tác phẩm *Ê-min hay Về giáo dục.*

8. "Tình yêu thiên nhiên thắm thiết và phong thái ung dung" của Hồ Chí Minh được thể hiện qua bài thơ nào của Bác?

A. Ngắm trăng.
C. Chiều tối.
B. Đi đường.
D. Cảnh khuya.

9. Câu nào dưới đây có nội dung nói về thể loại "Hịch"?

A. Là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

B. Là thể loại văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết.

C. Là loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.

D. Là thể loại thường được biểu diễn trên sân khấu, có nhân vật thể hiện nội dung các lời thoại.

10. Tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi ra đời sau chiến thắng nào của dân tộc ta?

A. Chiến thắng quân xâm lược Tống vào thế kỉ XI.

B. Chiến thắng quân xâm lược Nguyên Mông vào thế kỉ XIII.

C. Chiến thắng quân xâm lược Minh vào thế kỉ XIII.

D. Chiến thắng quân xâm lược Thanh vào thế kỉ XVIII.

11. Tác phẩm nào sau đây thuộc thể loại "Hài kịch"?

A. *Ê-min hay Về giáo dục* của Ru-xô.

B. *Trưởng giả học làm sang* của Mô-li-e.

C. *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn.

D. *Nhớ rừng* của Thế Lữ.

12. Bài thơ nào sau đây đã "khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước"?

A. *Khi con tu hú* của Tố Hữu.

B. *Nhớ rừng* của Thế Lữ.

C. *Tức cảnh Pác Bó* của Hồ Chí Minh.

D. *Ông đồ* của Vũ Đình Liên.

13. Trong bài thơ "Nhớ rừng", tâm trạng nào được thể hiện khi con hổ nhớ về những ngày còn tự do ở chốn núi rừng?

A. Tâm trạng buồn rầu, chán nản khi nhớ về những ngày tự do.

B. Tâm trạng tiếc nuối những tháng ngày oanh liệt, vẫy vùng, sống tự do nơi núi rừng hùng vĩ.

C. Tâm trạng thoải mái vì được sống trong sự chăm sóc của con người.

D. Tâm trạng căm thù những kẻ đã biến cuộc sống tự do tự tại của nó thành cuộc sống ngục tù mua vui cho mọi người.

14. Bài thơ "Ông đồ" của tác giả Vũ Đình Liên muốn nhấn mạnh điều gì?

A. Nghệ thuật viết chữ của ông đồ rất đặc sắc.

B. Mùa xuân khi hoa đào nở cũng là lúc ông đồ lại trổ tài viết chữ.

C. Tiếc thương một nét đẹp văn hóa dần bị mai một.

D. Báo động tình trạng xa rời văn hóa truyền thống trong đời sống.

15. Bài thơ "Quê hương" của tác giả Tế Hanh gợi lên điều gì?

A. Nỗi nhớ nhung làng chài quê hương của đứa con tha hương.

B. Vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của biển quê hương mỗi khi con tàu ra khơi.

C. Hành trình gian khổ của đoàn thuyền khi ra khơi đánh cá.

D. Cuộc sống thầm lặng của những người dân quê hương.

16. Ở Tố Hữu có sự thống nhất đẹp đẽ giữa .... Hãy tìm cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống?

A. Cuộc đời chiến sĩ và cuộc đời của nhân dân.

B. Cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ.

C. Cuộc đời cách mạng và tình yêu quê hương.

D. Tình yêu quê hương và tình yêu con người.

17. Nhận xét: *"Ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị giằn vặt bởi một sức mạnh phi thường"* của tác giả Hoài Thanh nói lên đặc điểm gì của bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ?

A. Giàu nhịp điệu và hình ảnh thơ.

B. Hình ảnh phong phú.

C. Giá trị tạo hình cao.

D. Tràn đầy cảm xúc mãnh liệt.

18 Hai chữ "*Sẵn sàng*" trong câu "Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng" nói lên điều gì của Bác Hồ khi ở Pác Bó?

A. Vui thích vì được thưởng thức những món ăn từ thiên nhiên.

B. Tinh thần lạc quan tin tưởng vào tương lai của đất nước.

C. Thái độ sống chan hòa với thiên nhiên.

D. Khả năng làm việc quên mình của Bác.

19. Nguyễn Trãi viết "Bình Ngô đại cáo" khi cuộc kháng chiến nào sau lây thắng lợi?

A. Kháng chiến chống Tống của Lý Thường Kiệt.

B. Kháng chiến chống Nguyên của Trần Hưng Đạo.

C. Kháng chiến chống Minh của Lê Lợi.

D. Kháng chiến chống Thanh của Nguyễn Huệ.

20. Trong số những tác phẩm văn học đã học trong học kì II, tác phẩm ıào sau đây thuộc loại tấu?

A. *Bàn luận về phép học* của Nguyễn Thiếp.

B. *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.

C. *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

D. *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Phân tích bài thơ "Khi con tu hú" của Tố Hữu để chứng tỏ rằng lòng yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do luôn cháy bỏng trong lòng người chiến sĩ ách mạng trong nhà tù.

Gợi ý bài làm:

"Khi con tu hú" là bài thơ Tố Hữu làm khi ông bị giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế) năm 1939. Trong khoảng thời gian bị bắt giam từ tháng 4/1939 cho đến tháng 3/1942, Tố Hữu đã làm rất nhiều thơ in trong phần *Xiềng xích* của tập thơ *Từ ấy*.

Đây là một bài thơ nói lên cảm giác mất tự do, ngột ngạt của nhà ách mạng trẻ tuổi.

Bài thơ gồm hai phần. Phần đầu (sáu dòng) nói về niềm khao khát tự do. Phần hai (bốn dòng) thể hiện khát vọng hành động, tháo cũi sổ lồng.

Ý thơ bắt đầu từ tiếng chim tu hú, như nhan đề bài thơ đã nêu lên: *Khi con tu hú.* Đó là tu hú kêu, tiếng kêu vang suốt cả bài thơ, ra ngoài bài thơ, vang mãi. Tu hú kêu báo hiệu mùa hè. Người bị giam trong tù, khép kín giữa bốn bức tường kín mít. Chỉ còn có âm thanh là mối liên hệ với bên ngoài: chỉ có tiếng chim, tiếng chuông, tiếng bước chân, tiếng rao đêm... là báo hiệu cuộc sống bên ngoài. Tự nhiên, âm thanh bên ngoài trở thành biểu tượng của cuộc sống tự do. Cả bài thơ xây dựng trên hình ảnh âm thanh đó.

Âm thanh không chỉ là tiếng kêu. Trong âm thanh thường có cả một thế giới hoài niệm gắn liền với âm thanh ấy. Chẳng hạn khi nghe một giai điệu bài hát, người ta dễ dàng liên tưởng tới cái thời gian và không gian mà người ta say mê với bài hát ấy. Cũng vậy, khi tiếng chim tu hú gọi bầy cất lên làm hiện ra trong tâm trí tác giả một thế giới đồng nội thân thuộc:

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Khung cảnh và chi tiết đúng là của đồng nội vào vụ tháng năm, tháng sáu: lúa chín, trái chín, tiếng ve, ngô vàng, nắng tươi, trời cao, sáo diều bay lượn. Nhà thơ chứng tỏ một tâm hồn thơ đầy ắp ấn tượng về thôn dã. Nhưng hồn thơ còn chứa đựng một điều kì diệu. Ấy là sự liên tưởng tạo thành một phản ứng dây chuyền. Tiếng chim gọi bầy, gọi lúa đang chín và trái cây đang ngọt dần, biết bao là hương vị. Rồi thì bóng râm và dậy tiếng ve ngân – một vầng âm thanh xao xuyến ngập tràn thính giác. Bắp vàng và nắng đào đầy sân gợi lên ánh sáng chan hòa và màu sắc rực rỡ. Cuối cùng âm thanh gợi ra một không gian cao rộng tự do:

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Đây là đỉnh điểm của sự tưởng tượng. Tâm hồn nhà thơ như cùng đang bay lượn, nhào lộn trong không gian cao rộng ấy. Khó có thể hình dung đây là cảnh tượng có thật được nhìn bằng mắt, bởi tác giả đang ở trong tù. Đây chỉ có thể là tấm ảnh mở ra trong một tiếng chim:

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Nhà thơ thì thầm với mùa hè, đây cũng là một hình ảnh mới. Mùa hè của tự do, của nồng nàn, của đam mê. Tiếng kêu của chim tu hú đến đây trở thành tiếng gọi của tự do.

Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Hai câu kết đã thể hiện niềm khát khao tự do đến cháy bỏng, đến đỉnh điểm. Sự tương phản của cảnh trời tự do và nhà tù giam hãm đã thôi thúc thêm niềm uất hận, muốn phá tan nhà tù. Con chim cứ kêu nghĩa là tiếng gọi tự do

không bao giờ thôi, nghĩa là ý chí vượt ngục luôn luôn thường trực. Bài thơ kết thúc với một sự nung nấu ý chí hành động, một tâm trạng nhức nhối, bồn chồn, một tâm sự không thể ngồi yên, khoanh tay. Điều thú vị là Tố Hữu đã kết thúc chuỗi ngày tù ngục của mình bằng hành động vượt ngục. Con chim cách mạng ấy đã cất cánh tung bay.

Từ bài thơ *Từ ấy* đến bài thơ *Khi con tu hú,* ta thấy Tố Hữu làm thơ rất chân thực, thơ đốt lên tự đáy lòng, không chút màu mè, kiểu cách, tỉa tót. Thơ ông truyền cảm bằng thứ tình cảm chân thật của chính mình.

(Theo **Trần Đình Sử,** *Phân tích bình giảng tác phẩm văn học,* NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999).

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu, mỗi câu 0,2 điểm)

1. Bài thơ nào dưới đây không thuộc tập "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh?

A. Tức cảnh Pác Bó.
C. Chiều tối.
B. Ngắm trăng.
D. Đi đường.

2. Phần lớn các bài thơ trong tập thơ "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh thuộc thể thơ gì?

A. Lục bát.
C. Thất ngôn bát cú.
B. Tứ tuyệt.
D. Song thất lục bát.

3. Nhân vật chính trong tác phẩm nào sau đây không phải là một đứa trẻ?

A. *Tôi đi học* của Thanh Tịnh.
B. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng.
C. *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen.
D. *Đôn Ki-hô-tê* của Xéc-van-tec.

4. Trong chương trình Văn lớp 8 có một văn bản đề cập đến vấn đề bảo vệ môi trường sống. Đó là tác phẩm nào dưới đây?

A. Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000.
B. Ê-min hay Về giáo dục.
C. Cô bé bán diêm.
D. Chiếc lá cuối cùng.

5. Trong bài thơ "Nhớ rừng" của tác giả Thế Lữ có hai hình ảnh đối lập nhau được miêu tả hết sức ấn tượng trong khổ 1-4 và 2-3. Đó là hai hình ảnh nào?

A. Con hổ chuồng bên này và cặp báo chuồng bên cạnh.

B. Cảnh vườn bách thú nơi con hổ bị nhốt và cảnh núi rừng hùng vĩ nơi con hổ ngự trị ngày xưa.

C. Con hổ bị giam cầm với những người tham quan.

D. Cảm giác tù đày với cảm giác tự do.

6. Tác phẩm nào sau đây của Hồ Chí Minh được viết trong thời gian Người ở Pháp?

A. Bản án chế độ thực dân Pháp.

B. Đường cách mệnh.

C. Nhật kí trong tù.

D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

7. Hai câu thơ: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

nằm trong tác phẩm nào thuộc chương trình Văn học lớp 8?

A. *Đập đá ở Côn Lôn* của Phan Châu Trinh.

B. *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* của Phan Bội Châu.

C. *Hai chữ nước nhà* của Trần Tuấn Khải.

D. *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

8. Hãy sắp xếp trình tự ra đời của các tác phẩm Văn học sau trong chương trình Văn học 8.

1. *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.

2. *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

3. *Luận học pháp* của Nguyễn Thiếp.

4. *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn.

A. (1) – (4) – (3) – (2). C. (1) – (2) – (4) – (3).

B. (1) – (2) – (3) – (4). D. (1) – (4) – (2) – (3).

9. Tác phẩm nào sau đây không được viết trong giai đoạn 1930 – 1945?

A. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng.

B. *Lão Hạc* của Nam Cao.

C. *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.

D. *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc.

10. Bài thơ nào sau đây *không* được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú?

A. *Khi con tu hú* của Tố Hữu.

B. *Ông đồ* của Vũ Đình Liên.

C. *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* của Phan Bội Châu.

D. *Đập đá ở Côn Lôn* của Phan Châu Trinh.

11. Câu nào sau đây trong đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" của Ngô Tất Tố được xem như lời tuyên ngôn hùng hồn cho quy luật: có áp bức, dứt khoát sẽ có đấu tranh?

A. Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu.

B. Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi! Xin ông trông lại.

C. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho.

D. Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.

12. Tác giả Thái An đã sử dụng câu chuyện một bài toán cổ về cấp số nhân để đưa ra các con số trong văn bản "Bài toán dân số" nhằm mục đích

A. Nói về tình trạng gia tăng dân số đáng báo động ở Việt Nam cũng như nhiều nước thuộc khu vực Đông Nam Á.

B. Buộc mọi người phải liên tưởng và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đáng lo ngại của thế giới, nhất là ở những nước chậm phát triển.

C. Cho thấy sự giống nhau giữa các chi tiết trong bài toán cổ và mức độ gia tăng dân số trên thế giới.

D. Làm rõ tỉ lệ sinh của các nước trên thế giới và khả năng sinh sản của phụ nữ ở một số vùng trên thế giới.

13. Giá trị nghệ thuật của văn bản "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc thể hiện ở điểm nào?

A. Sử dụng nhiều hình ảnh giàu giá trị biểu cảm, có giọng điệu vừa đanh thép vừa mỉa mai, chua chát.

B. Phân chia các mục, các chương một cách hợp lí; trình tự sắp xếp các vấn đề một cách khoa học.

C. Tư liệu phong phú, xác thực; sử dụng ngòi bút trào phúng sắc sảo.

D. Cả A, B và C đều sai.

14. Bài thơ "Đi đường" của Hồ Chí Minh thể hiện chân lí nào trong đường đời?

A. Nếu vượt qua được gian lao chồng chất thì sẽ đi tới thắng lợi vẻ vang.

B. Có công mài sắt sẽ có ngày nên kim.

C. Thành công nào cũng phải trả giá bằng những mất mát nhất định.

D. Đi một ngày đàng học một sàng khôn.

15. Câu nào sau đây nói về phong trào Thơ mới ở Việt Nam?

A. Phong trào có tính chất hiện thực ra đời vào những năm 1932 – 1945.

B. Phong trào có tính chất lãng mạn ra đời vào những năm 1932 – 1945.

C. Phong trào có tính chất hiện thực ra đời vào những năm 1945 – 1954.

D. Phong trào có tính chất lãng mạn ra đời vào những năm 1945 – 1954.

16. Trong "Chiếu dời đô", Lý Công Uẩn đã đưa ra những lập luận nào để thực hiện việc dời đô?

A. Các triều đại thời Cổ đại ở Trung Quốc cũng đã nhiều lần dời đô nhằm xây dựng vương triều và đất nước.

B. Việc dời đô của nước ta là thuận theo mệnh trời và chiều lòng dân.

C. Việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La không có gì là khác thường mà đó là một kế sách lâu dài.

D. Cả A, B và C đều đúng.

17. Bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" của Phan Châu Trinh chủ yếu thể hiện điều gì?

A. Phong thái ung dung, khí phách kiên cường bất khuất để vượt qua cảnh ngục tù của người chiến sĩ cách mạng.

B. Tinh thần yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đày.

C. Động viên lòng yêu nước, ý chí giải phóng dân tộc khỏi vòng nô lệ.

D. Hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước, dù gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn không sờn lòng.

18. Lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn được thể hiện trong câu nào dưới đây?

A. Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên.

B. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù.

Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

C. Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ.

D. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc.

19. Nét tương đồng giữa hai bài thơ "*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*" của Phan Bội Châu và "*Đập đá ở Côn Lôn*" là gì?

A. Cùng được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú.

B. Cùng thể hiện khí phách hiên ngang và ý chí vượt lên trên cảnh ngục tù của những người chiến sĩ cách mạng.

C. Cùng thể hiện tinh thần yêu nước sâu xa và lòng căm thù giặc.

D. Cả A, B và C đều đúng.

20. Hãy nối các dữ kiện ở cột A (tác phẩm) sao cho tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tình cảm, cảm xúc chủ yếu của tác giả).

A (tác phẩm)	Tình cảm, cảm xúc chủ yếu của tác giả
Ngắm trăng	Niềm tự hào về nền độc lập của đất nước.
Hai chữ nước nhà	Tình yêu thiên nhiên tha thiết và tinh thần vượt lên cảnh khó khăn tù đày.
Bình Ngô đại cáo	Nỗi đau xót trước tình cảnh khốn cùng của những người dân bị mất nước.
Thuế máu	Lòng yêu nước sâu đậm thể hiện qua câu chuyện lịch sử về cuộc chia tay giữa hai cha con.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

1. Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật trong truyện ngắn "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh.

2. Nêu những nhận xét về giọng điệu trong bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" của Hồ Chí Minh.

Gợi ý trả lời:

1. Nét đặc sắc về nghệ thuật trong truyện ngắn "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh

- Truyện kết hợp hài hòa giữa miêu tả, tự sự và biểu cảm; bố cục được sắp xếp theo dòng hồi tưởng của nhân vật về buổi tựu trường đầu tiên nên dễ cảm nhận.

- Truyện có nhiều tình cảm dạt dào về một thời tuổi thơ nên đậm chất trữ tình. Truyện cũng để lại nhiều chi tiết thú vị:

+ Lòng yêu mến, sự lo toan của người lớn đối với trẻ con trong lần đầu tiên các em được cắp sách đến trường.

+ Hình ảnh một buổi sớm mai đầy sương thu và gió lạnh, con đường làng vừa quen vừa lạ, ngôi trường Mĩ Lí, lớp học mới, bạn bè mới...

- Đặc biệt là những hình ảnh so sánh gắn với thiên nhiên, diễn tả cảm xúc và tâm trạng nhân vật:

+ Những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

+ Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

+ Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ.

Tất cả các chi tiết trên đã góp phần tạo nên chất thơ, chất trữ tình đằm thắm, thiết tha cho tác phẩm.

2. Giọng điệu trong bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" của Hồ Chí Minh

- Câu thơ đầu có giọng điệu thoải mái, cho thấy Bác Hồ sống thật ung dung, đồng điệu với nhịp sống của núi rừng Pác Bó:

Sáng ra bờ suối tối vào hang.

Câu thơ ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi, gợi cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp: sáng – tối, ra – vào.

- Câu thơ thứ hai vẫn tiếp tục mạch cảm xúc đó nhưng có thêm nét tươi vui, thích thú. Đó là sự sẵn sàng của các loại thức ăn thường nhật:

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.

- Hai câu thơ đầu nói về sinh hoạt thường ngày của Bác trong ăn ở. Câu thơ thứ ba cũng diễn tả sinh hoạt đó nhưng ở một khía cạnh khác: làm việc.

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng.

Câu thơ trên thể hiện hơn nữa sự thích thú của Bác với điều kiện sinh hoạt tại Pác Bó, đồng thời cũng làm nổi bật hình ảnh người chiến sĩ cách mạng trên chiến khu. Giọng điệu thơ khỏe khoắn và nhiều ấn tượng.

Từ láy duy nhất trong bài thơ: *chông chênh* tạo nên một khung cảnh vừa mạo hiểm vừa gợi cảm, tạo cho người đọc chút tò mò. Ba chữ *dịch sử Đảng* toàn vần trắc làm cho lời thơ thêm mạnh mẽ. Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ cách mạng vừa chân thực, sinh động vừa mang một sứ mệnh lớn lao, một tư thế uy nghi giống như một tượng đài về tinh thần cách mạng. *Dịch sử Đảng* là một trong những khởi nguồn cho thắng lợi của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

- Câu thơ cuối cùng toát lên được tinh thần của toàn bài thơ:

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Sang ở đây hoàn toàn không phải là sang trọng theo cách hiểu hiện đại mà chính là sự sang trọng trong chính lối sống, sinh hoạt, làm việc và sự cống hiến của người chiến sĩ cách mạng. Câu thơ trên không thuyết minh cho toàn bài thơ nhưng đã làm cho bài thơ có một sức hấp dẫn kì lạ. Sức hấp dẫn ấy đến từ giọng điệu của câu thơ và toàn bài thơ.

Phần III. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Bài 1	A	B	C	C	C	C	B	D	A	D
Bài 2	D	A	C	D	A	B	D	D	C	D
Bài 3	A	D	D	B	D	D	C	A	D	C
Bài 4	B	A	B	C	B	C	D	D	D	A
Bài 5	D	C	D	A	B	C	B	C	D	B
Bài 6	A	C	D	D	D	B	C	D	D	C
Bài 7	A	C	C	B	B	A	C	B	D	C
Bài 8	B	C	B	A	A	C	C	C	A	C
Bài 9	B	A	D	A	B	B	C	C	B	D
Bài 10	D	A	B	B	A	B	A	D	A	B
Bài 11	C	B	C	B	D	A	D	C	A	C
Bài 12	D	C	C	B	B	C	C	A	B	C
Bài 13	C	D	C	B	A	A	D	C	D	A
Bài 14	A	D	B	C	A	D	D	C	B	D
Bài 15	D	B	C	C	A	B	D	C	C	D
Bài 16	A	B	C	D	C	A	D	B	A	D
Bài 17	A	C	B	D	A	A	B	D	A	D
Bài 18	C	A	C	B	C	A	D	D	C	C
Bài 19	B	D	A	B	D	A	B	B	D	B
Bài 20	A	C	B	A	C	D	B	C	A	D
Bài 21	A	B	C	B	D	B	A	C	B	D
Bài 22	C	A	B	C	B	B	D	B	C	D
Bài 23	D	C	B	A	C	D	B	D	C	D
Bài 24	C	A	B	D	A	B	C	A	B	D
Bài 25	A	A	D	C	C	D	B	B	D	A
Bài 26	B	A	C	B	A	D	B	A	A	C
Bài 27	C	B	A	C	D	C	D	A	C	B
Bài 28	B	C	B	C	D	A	D	C	A	B
Bài 29	C	B	D	A	C	A	B	C	B	D
Bài 30	B	A	C	D	A	C	B	C	C	A
Bài 31	B	D	C	A	C	B	D	A	B	C
Bài 32	B	C	A	C	D	B	C	A	A	B

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Câu 1.

A (tác giả)	**B (tác phẩm)**
Ngô Tất Tố	Tắt neon
Nam Cao	Lão Hạc
Trần Tuấn Khải	Hai chữ nước nhà
Thanh Tịnh	Tôi đi học
Nguyên Hồng	Những ngày thơ ấu

Câu 2.

A (tác phẩm, đoạn trích)	**B (nhân vật)**
Đánh nhau với cối xay gió	Đôn Ki-hô-tê
Lão Hạc	Ông giáo
Chiếc lá cuối cùng	Giôn-xi
Tôi đi học	"Tôi"
Tức nước vỡ bờ	Chị Dậu

Câu 3.

A (tác phẩm)	**B (thể loại)**
Đập đá ở Côn Lôn	Thơ
Tắt đèn	Tiểu thuyết
Tôi đi học	Truyện ngắn
Những ngày thơ ấu	Hồi kí
Người thầy đầu tiên	Truyện vừa

Câu	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	**B**	**C**	**A**	**D**	**B**	**B**	**D**	**A**	**C**
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	
Đáp án	**C**	**D**	**D**	**B**	**D**	**C**	**B**	**C**	

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu 1.

A (tên tác phẩm)	B (thể loại)
Hịch tướng sĩ	Hịch
Bình Ngô đại cáo	Cáo
Trưởng giả học làm sang	Kịch
Luận học pháp	Tấu
Ê-min hay Về giáo dục	Tiểu thuyết

Câu 2.

A (tên tác giả)	B (tên tác phẩm)
Trần Quốc Tuấn	Hịch tướng sĩ
Nguyễn Ái Quốc	Bản án chế độ thực dân Pháp
Nguyễn Trãi	Bình Ngô đại cáo
Tố Hữu	Khi con tu hú
Thế Lữ	Nhớ rừng

Câu	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đáp án	**B**	**A**	**A**	**C**	**D**	**A**	**A**	**C**	**B**
Câu	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	**B**	**B**	**C**	**A**	**B**	**D**	**B**	**C**	**A**

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	**A**	**B**	**D**	**A**	**B**	**A**	**D**	**D**	**D**	**B**
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
Đáp án	**A**	**B**	**A**	**A**	**B**	**D**	**D**	**B**	**D**	

Câu 20.

A (tác phẩm)	**Tình cảm, cảm xúc chủ yếu của tác giả**
Ngắm trăng	Tình yêu thiên nhiên tha thiết và tinh thần vượt lên cảnh khó khăn tù đày.
Hai chữ nước nhà	Lòng yêu nước sâu đậm thể hiện qua câu chuyện lịch sử về cuộc chia tay giữa hai cha con.
Bình Ngô đại cáo	Niềm tự hào về nền độc lập của đất nước.
Thuế máu	Nỗi đau xót trước tình cảnh khốn cùng của những người dân bị mất nước.

MỤC LỤC